

TIN LÀNH VÀ CÔNG GIÁO

ĐÔI CHIẾU GIÁO LÝ
DỰA TRÊN NỀN TẢNG KINH THÁNH



Tác Giả: Mục Sư Nguyễn Công Tân, DMin
Hội Thánh Agape Albuquerque (VACAB)



Lời Chúa còn đến đời đời
(1 Phi-e-rơ 1:25)

Mục Lục

Giống Nhau:.....	3
Khác Nhau:	4
Kinh Thánh và Truyền Thống Giáo Hội:	6
Kinh Thánh	7
Thánh Truyền và Truyền Thống Giáo Hội.....	13
Đức Giáo Hoàng	14
Thời Kỳ Các Sứ Đồ	15
Thời Kỳ Hội Thánh Bị Bức Hại (100 - 313).....	17
Từ Constantine Đến Cuộc Đại Ly Giáo Đông Tây	19
Nền Tảng Công Giáo Dùng Để Giải Thích Thảm Quyền Của Giáo Hoàng.....	20
Sự Cứu Rỗi (Salvation).....	28
Công Giáo La-mã.....	28
Tin Lành.....	29
Ma-ri và Các Thánh	32
Ma-ri	32
Mẹ Đức Chúa Trời	32
Vô Nhiễm Nguyên Tội.....	33
Đồng Trinh Trọn Đời	34
Hồn Xác Lên Trời	35
Trung Gian và Cầu Thay cho Tín Hữu	35
Mẹ của Hội Thánh	36
Nữ Vương Thiên Đàng (Queen of Heaven).....	37
Các Thánh	38
Bí Tích (Sacraments)	38
Rửa Tội (Baptism)	39
Thêm Sức (Confirmation).....	43
Thánh Thể (Eucharist)	45
Giải tội (Reconciliation or Penance).....	48
Xức Dầu Thánh (Anointing the Sick).....	50
Truyền Chức Thánh (Holy Order)	52
Hôn Phối (Holy Matrimony).....	53
Linh Mục, Giám Mục và Mục Sư	55
Kết Luận.....	57
Một Số Câu Hỏi Thường Gặp.....	58

Giống Nhau:

Có thể nói rằng Tin Lành (TL) và Công giáo (CG) có rất nhiều niềm tin căn bản chung, đặc biệt trong những giáo lý cốt lõi của Cơ Đốc giáo. Khi nhìn lại lịch sử Hội Thánh, chúng ta thấy Tin Lành và Công giáo không phải là hai tôn giáo có nguồn gốc hoàn toàn tách biệt. Cả hai đều có chung nguồn gốc từ Hội Thánh thời các sứ đồ và cùng thừa hưởng di sản của Cơ Đốc giáo trong nhiều thế kỷ đầu. Trước khi có sự phân chia giữa các truyền thống Cơ Đốc giáo về sau, các tín hữu đã cùng trải qua những giai đoạn Hội Thánh bị chống đối và bức hại dưới Đế quốc La Mã.

Về những giáo lý nền tảng, cả Tin Lành và Công giáo đều tuyên xưng niềm tin vào Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, Đấng dựng nên trời đất (Sáng Thế Ký 1:1). Cả hai đều tin Đức Chúa Trời Tam Vị Nhất Thể: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; tin Chúa Giê-su Christ là Đức Chúa Trời thật và con người thật; tin Ngài đã nhập thể, đến thế gian, chịu thương khó, chịu chết trên thập tự giá vì tội lỗi của nhân loại, sống lại từ cõi chết và thăng thiên. Cả hai cũng tin Chúa Giê-su sẽ trở lại, có sự sống lại của người chết và sự phán xét cuối cùng.

Tin Lành và Công giáo cũng có nhiều điểm chung trong cách nhìn về con người và đời sống Cơ Đốc. Cả hai đều tin con người được Đức Chúa Trời tạo dựng nhưng đã sa ngã trong tội lỗi và cần sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Cả hai đều xem Hội Thánh là cộng đồng của những người thuộc về Đấng Christ, nhấn mạnh đời sống thánh khiết, cầu nguyện, yêu thương người lân cận, phục vụ người nghèo và những người có nhu cầu. Cả hai cũng xem hôn nhân là một sự kết hợp thánh được Đức Chúa Trời thiết lập và nhấn mạnh sự trung tín trong đời sống hôn nhân.

Một điểm tương đồng quan trọng khác là tinh thần truyền giáo và phục vụ. Trong lịch sử, cả người Công giáo lẫn người Tin Lành đã thành lập nhiều trường học, bệnh viện, cô nhi viện và các tổ chức từ thiện để phục vụ cộng đồng. Các nhà truyền giáo thuộc nhiều truyền thống Cơ Đốc giáo cũng đã đi đến nhiều quốc gia để rao truyền đức tin Cơ Đốc, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, mặc dù Tin Lành và Công giáo có những khác biệt thần học quan trọng cần được phân tích riêng, chúng ta cũng cần nhận biết rằng hai truyền thống có một nền tảng đức tin Cơ Đốc chung rất đáng kể.

Có thể tóm tắt một số điểm tương đồng chính yếu như sau:

Điểm Chính Yếu	Tin Lành	Công giáo
Đức Chúa Trời	Tin Đức Chúa Trời Tam Vị Nhất Thể	Tin Đức Chúa Trời Tam Vị Nhất Thể
Chúa Giê-su Christ	Đức Chúa Trời thật và con người thật	Đức Chúa Trời thật và con người thật
Sự nhập thể	Ngôi Lời trở nên xác thịt	Ngôi Lời trở nên xác thịt
Thập tự giá	Chúa Giê-su chịu chết vì tội lỗi nhân loại	Chúa Giê-su chịu chết vì tội lỗi nhân loại
Sự phục sinh	Chúa Giê-su thật sự sống lại và thăng thiên	Chúa Giê-su thật sự sống lại và thăng thiên
Sự tái lâm	Chúa Giê-su sẽ trở lại	Chúa Giê-su sẽ trở lại
Kinh Thánh	Là Lời Đức Chúa Trời; 66 sách	Là Lời Đức Chúa Trời; 73 sách

Con người và tội lỗi	Con người được Đức Chúa Trời tạo dựng nhưng đã sa ngã	Con người được Đức Chúa Trời tạo dựng nhưng đã sa ngã
Sự phán xét	Tin có sự phán xét cuối cùng	Tin có sự phán xét cuối cùng
Hội Thánh	Hội Thánh thuộc về Đấng Christ và được gọi là thân thể Ngài	Hội Thánh thuộc về Đấng Christ và được gọi là thân thể Ngài
Đời sống đạo đức	Kêu gọi tín hữu sống thánh khiết, yêu thương và phục vụ	Kêu gọi tín hữu sống thánh khiết, yêu thương và phục vụ
Hôn nhân	Hôn nhân do Đức Chúa Trời thiết lập	Hôn nhân do Đức Chúa Trời thiết lập
Truyền giáo	Rao truyền Phúc Âm và thực hiện Đại Mạng Lệnh	Rao truyền đức tin Cơ Đốc và thực hiện sứ mạng truyền giáo

Khác Nhau:

Mặc dù TL và CG có chung nhiều giáo lý nền tảng của Cơ Đốc giáo, giữa hai truyền thống vẫn tồn tại một số khác biệt thần học rất quan trọng. Những khác biệt này không chỉ liên quan đến giáo lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến cách tổ chức Hội Thánh, sự thờ phượng, cầu nguyện, thực hành các nghi lễ và đời sống đức tin. Vì vậy, để hiểu tại sao sự thờ phượng và thực hành đức tin của Tin Lành và Công giáo có nhiều điểm khác nhau, chúng ta cần tìm hiểu những khác biệt thần học đã hình thành trong lịch sử.

Sau khi Chúa Giê-su thăng thiên, các sứ đồ và môn đồ tiếp tục rao truyền Phúc Âm, trước hết giữa người Do Thái rồi mở rộng đến các dân ngoại. Trong thời kỳ Hội Thánh các sứ đồ, khoảng thế kỷ thứ nhất, trọng tâm của sứ điệp là Chúa Giê-su Christ: Ngài là Đấng Mê-si đã được hứa trong Cựu Ước, là Đức Chúa Con nhập thể làm người, sống đời sống không phạm tội, chịu chết trên thập tự giá vì tội lỗi nhân loại, sống lại từ cõi chết và ban sự cứu rỗi cho những người tin Ngài. Các sứ đồ đặt nền tảng Hội Thánh trên chính Chúa Giê-su Christ và truyền lại sự dạy dỗ của Ngài cho các thế hệ tín hữu tiếp theo.

Trong những thế kỷ đầu, đặc biệt trước năm 313 SC, Cơ Đốc giáo nhiều lần phải đối diện với sự chống đối và bức hại của chính quyền La Mã. Tuy nhiên, Hội Thánh tiếp tục phát triển và Phúc Âm được truyền bá rộng rãi trong Đế quốc La Mã. Đây cũng là thời kỳ Hội Thánh phải đối diện với nhiều tà giáo và tranh luận thần học, từ đó từng bước xác định và trình bày rõ hơn những giáo lý căn bản về Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su Christ và sự cứu rỗi.

Một bước ngoặt quan trọng xảy ra vào đầu thế kỷ IV. Dưới thời Hoàng đế Constantine, Cơ Đốc giáo được hợp pháp hóa trong Đế quốc La Mã qua Sắc lệnh Milan năm 313. Đến năm 380, dưới thời Hoàng đế Theodosius I, Cơ Đốc giáo Nicene trở thành tôn giáo chính thức của đế quốc. Từ đây, mối quan hệ giữa Hội Thánh và quyền lực chính trị trở nên ngày càng chặt chẽ. Điều này đem lại cho Hội Thánh sự tự do và điều kiện phát triển, nhưng đồng thời cũng tạo ra những vấn đề mới liên quan đến quyền lực, cơ cấu giáo hội và mối quan hệ giữa Hội Thánh với nhà nước.

Qua nhiều thế kỷ, Cơ Đốc giáo tiếp tục phát triển về cơ cấu tổ chức, thần học và nghi lễ. Năm 1054 thường được xem là một cột mốc quan trọng trong sự phân chia giữa Hội Thánh Tây phương, về sau được gọi là Công giáo Rô-ma, và Chính Thống giáo Đông phương. Tại Tây Âu, thẩm quyền

của giáo hoàng ngày càng phát triển, đồng thời nhiều truyền thống và thực hành của Giáo hội cũng được hình thành qua thời gian.

Đến cuối thời Trung Cổ, nhiều nhà cải cách cho rằng một số giáo lý và thực hành của Giáo hội Tây phương đã đi xa khỏi nền tảng Kinh Thánh. Một trong những vấn đề gây tranh luận mạnh mẽ là việc ban ân xá (indulgences) và những lạm dụng liên quan đến việc gây quỹ bằng ân xá. Các nhà Cải Chánh cũng đặt ra những câu hỏi căn bản hơn: Thẩm quyền tối hậu của Hội Thánh nằm ở đâu? Con người được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời bằng cách nào? Vai trò của giáo hoàng, các bí tích, Ma-ri và các thánh nên được hiểu như thế nào?

Năm 1517 thường được xem là cột mốc mở đầu của cuộc Cải Chánh Tin Lành khi Martin Luther công bố 95 Luận Đề. Cuộc Cải Chánh sau đó phát triển qua nhiều nhân vật và nhiều khu vực khác nhau tại châu Âu. Một số nguyên tắc nổi bật của Cải Chánh được diễn tả bằng các thuật ngữ như Sola Scriptura – Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu cho đức tin và đời sống; Sola Fide – con người được xưng công chính bởi đức tin; và Sola Gratia – sự cứu rỗi là bởi ân điển của Đức Chúa Trời.

Từ những biến động lịch sử này, Cơ Đốc giáo ngày nay thường được nói đến qua ba truyền thống lớn: Công giáo Rô-ma (Roman Catholicism), Chính Thống giáo Đông phương (Eastern Orthodoxy) và Tin Lành (Protestantism). Bên trong Tin Lành lại có nhiều truyền thống khác nhau như Lutheran, Cải Chánh/Trưởng Lão (Reformed/Presbyterian), Anh Giáo (Anglican), Báp-tít (Baptist), Giám Lý (Methodist/Wesleyan), Ngũ Tuần (Pentecostal) và nhiều hệ phái khác.

Có thể tóm tắt một số khác biệt thần học quan trọng giữa Công giáo và Tin Lành như sau:

Chủ đề	Công giáo	Tin Lành
Kinh Thánh	73 sách; Kinh Thánh + Thánh Truyền + Huấn quyền	66 sách; Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu (Sola Scriptura)
Giáo hoàng	Công nhận thẩm quyền đặc biệt của Giáo hoàng	Không công nhận thẩm quyền của Giáo hoàng
Sự cứu rỗi	Ân sủng qua đức tin, đời sống bí tích và sự đáp ứng của con người	Được xưng công chính bởi ân điển qua đức tin (Sola Fide)
Ma-ri và các thánh	Tôn kính Ma-ri và các thánh; có thể xin họ cầu thay	Không cầu xin Ma-ri hay các thánh cầu thay
Các bí tích	Công nhận 7 bí tích	Chủ yếu công nhận Báp-têm và Tiệc Thánh
Thánh Thể / Tiệc Thánh	Tin sự hiện diện thật của Đấng Christ trong Bí tích Thánh Thể	Quan điểm khác nhau; nhiều Hội Thánh nhấn mạnh sự tưởng niệm
Linh mục / Mục sư	Linh mục Công giáo Latinh thông thường sống độc thân	Mục sư được phép kết hôn

Cầu nguyện	Cầu nguyện với Đức Chúa Trời; có thể xin Ma-ri và các thánh cầu thay	Cầu nguyện trực tiếp với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su
Sự thờ phượng	Thánh Lễ và Bí tích Thánh Thể giữ vị trí trung tâm	Nhấn mạnh Kinh Thánh, giảng dạy, cầu nguyện và ngợi ca
Luyện ngục	Công nhận luyện ngục	Không công nhận luyện ngục

Kinh Thánh và Truyền Thống Giáo Hội:

Điểm khác biệt đầu tiên và cũng là một trong những khác biệt thần học quan trọng nhất giữa Công giáo (CG) và Tin Lành (TL) liên quan đến Kinh Thánh và thẩm quyền trong việc xác định giáo lý. Đối với Tin Lành, Kinh Thánh gồm 66 sách, trong đó có 39 sách Cựu Ước và 27 sách Tân Ước. Tin Lành nhấn mạnh nguyên tắc Sola Scriptura, nghĩa là Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu và chuẩn mực cao nhất để xác định giáo lý, đức tin và đời sống của người Cơ Đốc. Vì vậy, các truyền thống, giáo huấn hay quyết định của Hội Thánh phải được đánh giá và kiểm chứng dựa trên Kinh Thánh; nếu một giáo lý hoặc truyền thống mâu thuẫn với Kinh Thánh thì không thể được xem là có thẩm quyền ngang bằng hoặc cao hơn Kinh Thánh.

Trong khi đó, Kinh Thánh Công giáo gồm 73 sách, bao gồm 46 sách Cựu Ước và 27 sách Tân Ước. Như vậy, phần Tân Ước của Công giáo và Tin Lành đều có 27 sách, nhưng có sự khác biệt trong Cựu Ước. Công giáo công nhận thêm bảy sách mà Tin Lành không đưa vào quy chuẩn Cựu Ước: Tô-bi-a, Giu-đi-tha, Khôn Ngoan, Huân Ca, Ba-rúc, 1 Ma-ca-bê và 2 Ma-ca-bê. Ngoài ra, bản Cựu Ước Công giáo còn có những phần bổ sung trong sách Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên. Công giáo gọi những sách này là các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn (Deuterocanonical books), trong khi truyền thống Tin Lành thường xếp chúng vào nhóm Apocrypha hoặc Ngụy Kinh.

Sự khác biệt sâu xa hơn không chỉ nằm ở số lượng sách trong Kinh Thánh mà còn nằm ở cách hai truyền thống hiểu về thẩm quyền. Công giáo cũng khẳng định Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, nhưng không theo nguyên tắc Sola Scriptura của Tin Lành. Theo giáo lý Công giáo, sự mạc khải của Đức Chúa Trời được truyền lại qua Kinh Thánh (Sacred Scripture) và Thánh Truyền (Sacred Tradition), còn Huân quyền của Giáo hội (Magisterium) có trách nhiệm giải thích cách chính thức Kinh Thánh và Thánh Truyền. Vì vậy, Công giáo nhìn nhận Kinh Thánh, Thánh Truyền và Huân quyền trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Đây là một khác biệt nền tảng vì cách xác định thẩm quyền sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều giáo lý khác. Tin Lành đặt câu hỏi: “Kinh Thánh dạy gì?” và xem Kinh Thánh là chuẩn mực tối hậu để kiểm chứng mọi giáo lý và truyền thống. Công giáo cũng dựa trên Kinh Thánh, nhưng đồng thời tiếp nhận Thánh Truyền và sự giải thích chính thức của Huân quyền Giáo hội. Chính sự khác biệt về nguồn và cách thực thi thẩm quyền này góp phần dẫn đến nhiều khác biệt khác giữa Tin Lành và Công giáo về giáo hoàng, Ma-ri và các thánh, các bí tích, luyện ngục, chức vụ linh mục và một số thực hành thờ phượng.

Kinh Thánh

Có thể tóm tắt những điểm chính của dòng thời gian lịch sử từ Alexander đại đế đến vua Hê-rốt đại đế như sau:

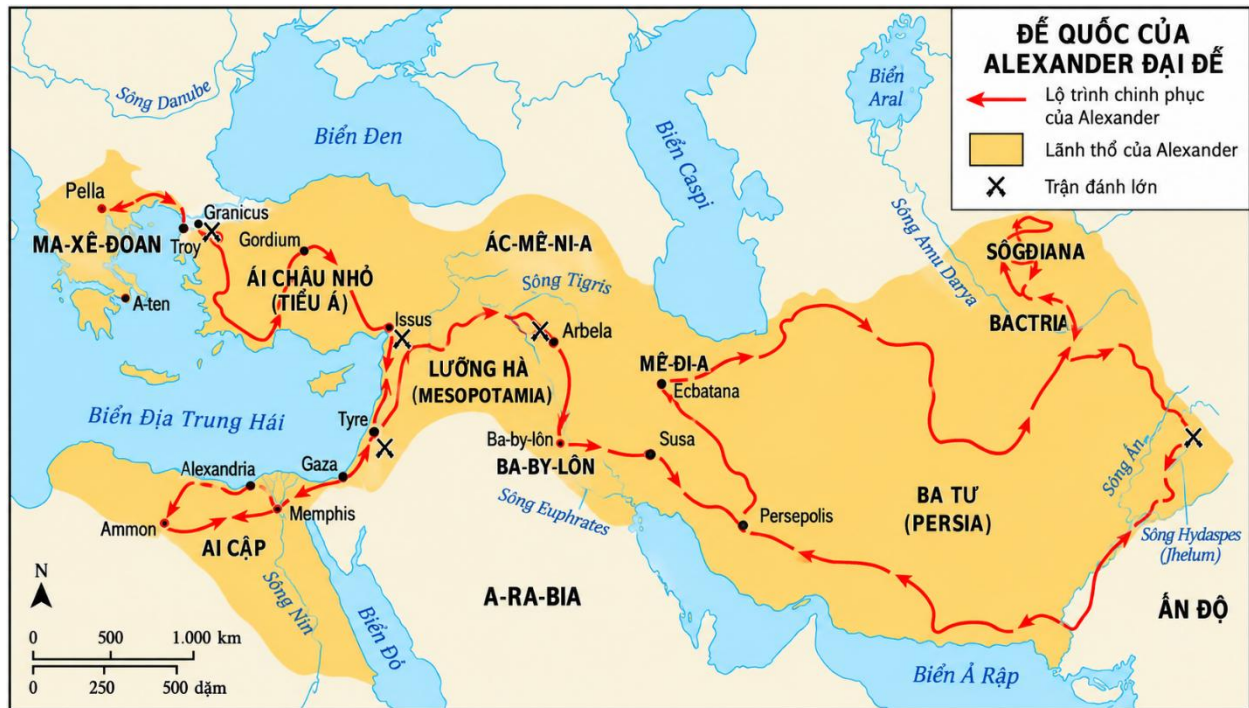
#	Vua	Quốc gia	Thời gian (TCN)	Vai trò / Sự kiện chính
1	Alexander Đại Đế	Hy Lạp	336–323	Được đề cập trong sách Ma-ca-bê-1, Kinh Thánh Công Giáo.
2	Ptolemy & Seleucid	Hai nước	323-167	Được đề cập trong sách Ma-ca-bê-1 và 2, Kinh Thánh Công Giáo.
3	Thời Ma-ca-bê/(Maccabee / Hasmonean)	Giu-đê	167-63	Giu-đa Maccabee lãnh đạo cuộc nổi dậy chống người Seleucid. Gia đình Maccabee (Hasmonean) dân thiết lập vương triều độc lập khoảng 100 năm. Vua Hê-rốt đại đế có vợ là Mariamne là công chúa thuộc dòng Hasmonean.
4	Pompey thuộc La-mã	Giu-đê	63-37	Tướng Pompey của La Mã chiếm thành và biến Giu-đê thành chư hầu La Mã.
5	Hê-rốt đại đế		37-4 SCN	Hê-rốt đại đế cai trị

Sau những cuộc chinh phục của Alexander Đại đế (336–323 TCN), văn hóa Hy Lạp lan rộng khắp vùng Địa Trung Hải và Cận Đông. Tiếng Hy Lạp phổ thông (Koine Greek) dần trở thành ngôn ngữ chung được sử dụng rộng rãi tại nhiều khu vực như Ai Cập, Tiểu Á, Ma-xê-đon, Sy-ri, Ba-by-lôn và những vùng trước đây thuộc Đế quốc Ba Tư. Sau khi Alexander qua đời năm 323 TCN, đế quốc của ông bị chia cho các tướng lĩnh, nhưng ảnh hưởng của ngôn ngữ và văn hóa Hy Lạp vẫn tiếp tục trong nhiều thế kỷ. Trong thời kỳ này, một số lượng lớn người Do Thái sống tản lạc bên ngoài xứ Giu-đê, đặc biệt tại những trung tâm lớn như Alexandria ở Ai Cập và tại vùng Lưỡng Hà.

Khoảng năm 167 TCN, trước sự đàn áp tôn giáo và chính sách Hy Lạp hóa dưới vua Antiochus IV Epiphanes của đế quốc Seleucid, cuộc khởi nghĩa Ma-ca-bê bùng nổ dưới sự lãnh đạo của gia đình Mattathias và các con ông, nổi bật nhất là Giu-đa Ma-ca-bê. Cuộc khởi nghĩa cuối cùng dẫn đến việc người Do Thái giành lại quyền kiểm soát Giê-ru-sa-lem, thanh tẩy và tái cung hiến Đền Thờ vào năm 164 TCN. Từ phong trào Ma-ca-bê về sau hình thành triều đại Hasmonean, và người Do Thái có một thời kỳ tương đối độc lập về chính trị.

Tuy nhiên, nền độc lập này không kéo dài. Năm 63 TCN, tướng Pompey của La Mã tiến vào Giê-ru-sa-lem và đưa xứ Giu-đê vào phạm vi kiểm soát của La Mã. Từ đó, vùng đất của người Do Thái ngày càng chịu sự chi phối của La Mã. Đây chính là bối cảnh chính trị và văn hóa của thế giới Do Thái trước khi Chúa Giê-su giáng sinh. Đến thời Tân Ước, tiếng Hy Lạp Koine vẫn được sử dụng rộng rãi, và phần lớn các sách Tân Ước được viết bằng ngôn ngữ này.

Khoảng thế kỷ III TCN, dưới triều đại Ptolemy tại Ai Cập, nhu cầu dịch Kinh Thánh của người Do Thái từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Hy Lạp ngày càng trở nên cần thiết. Sau những cuộc chinh phục của Alexander Đại đế, tiếng Hy Lạp Koine đã trở thành ngôn ngữ phổ thông tại nhiều vùng thuộc Địa Trung Hải và Cận Đông. Một cộng đồng Do Thái rất lớn cũng sinh sống tại Alexandria, Ai Cập, và nhiều người trong số họ sử dụng tiếng Hy Lạp nhiều hơn tiếng Hê-bơ-rơ.



Theo truyền thống được ghi lại trong Thư Aristeas, vua Ptolemy II Philadelphus đã cho mời 72 học giả Do Thái, sáu người từ mỗi chi tộc Ít-ra-ên, đến Alexandria để dịch Luật pháp Môi-se từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Hy Lạp. Truyền thống này về sau trở thành nguồn gốc của tên gọi Septuagint, thường được viết tắt là LXX, nghĩa là “Bảy Mươi.” Tuy nhiên, các học giả ngày nay nhìn chung cho rằng bản Septuagint không phải toàn bộ được dịch cùng một lúc bởi một nhóm dịch giả duy nhất. Ngũ Kinh có lẽ được dịch trước vào khoảng thế kỷ III TCN, còn các sách khác được dịch hoặc hình thành dần trong những thế kỷ tiếp theo.

Điều quan trọng là không nên hiểu rằng 72 dịch giả ban đầu đã tự ý “thêm bảy sách” vào Kinh Thánh Cựu Ước. Bản Septuagint được hình thành qua một quá trình lâu dài và các bản chép tay Hy Lạp về sau chứa một số tác phẩm Do Thái không thuộc quy chuẩn Hê-bơ-rơ sau này. Trong số đó có những sách mà Công giáo ngày nay gọi là Thứ Cấp Quy Chuẩn (Deuterocanonical): Tô-bi-a, Giu-đi-tha, Khôn Ngoan, Huân Ca, Ba-rúc, 1 Ma-ca-bê và 2 Ma-ca-bê, cùng với những phần bổ sung của Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên. Tin Lành không công nhận những sách này thuộc quy chuẩn Cựu Ước.

Bản Septuagint trở nên đặc biệt quan trọng đối với những cộng đồng Do Thái sống tản lạc trong thế giới Hy Lạp, nhất là những người sử dụng tiếng Hy Lạp trong đời sống hằng ngày. Đến thời Chúa Giê-su và các sứ đồ, tiếng Hy Lạp Koine đã được sử dụng rộng rãi, và Septuagint có ảnh hưởng rất lớn. Nhiều câu trích dẫn Cựu Ước trong Tân Ước có cách diễn đạt tương ứng hoặc gần với bản Septuagint. Tuy nhiên, bên cạnh truyền thống bản văn Hy Lạp, các bản văn Hê-bơ-rơ vẫn tiếp tục được sử dụng trong cộng đồng Do Thái.

Sau khi Chúa Giê-su thăng thiên, các sứ đồ và môn đồ tiếp tục rao truyền Phúc Âm từ Giê-ru-sa-lem đến nhiều vùng trong Đế quốc La Mã. Khi ngày càng có nhiều người ngoại tiếp nhận đức tin Cơ Đốc, tiếng Hy Lạp trở thành một phương tiện rất quan trọng để truyền bá Phúc Âm. Phần lớn

Tân Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp Koine, và các Cơ Đốc nhân đầu tiên cũng sử dụng rộng rãi bản Septuagint khi đọc và trích dẫn Cựu Ước.

Năm 70 SCN, quân đội La Mã dưới sự chỉ huy của Titus chiếm Giê-ru-sa-lem và phá hủy Đền Thờ thứ hai. Trong những thế kỷ tiếp theo, Cơ Đốc giáo tiếp tục lan rộng trong Đế quốc La Mã, đồng thời trải qua nhiều giai đoạn bức hại. Trong Hội Thánh đầu tiên, bản Septuagint tiếp tục đóng vai trò quan trọng, đặc biệt đối với các Cơ Đốc nhân nói tiếng Hy Lạp. Trong khi đó, truyền thống Do Thái rabbi ngày càng gắn với các sách thuộc quy chuẩn Hê-bơ-rơ, tương ứng với 24 sách trong cách phân chia của Tanakh; về nội dung, 24 sách này tương ứng với 39 sách Cựu Ước của Tin Lành khi được phân chia theo cách khác.

Một bước ngoặt lớn xảy ra vào năm 313 SCN khi Constantine và Licinius ban hành Sắc lệnh Milan, đem lại sự khoan dung tôn giáo và hợp pháp hóa việc thực hành Cơ Đốc giáo trong Đế quốc La Mã. Tuy nhiên, không nên nói rằng Constantine đã lập Cơ Đốc giáo thành quốc giáo vào năm 313. Đến năm 380, dưới Hoàng đế Theodosius I, Cơ Đốc giáo Nicene mới được đặt vào vị trí tôn giáo chính thức của đế quốc. Thuật ngữ “catholic” cũng đã xuất hiện trong Cơ Đốc giáo trước thời Constantine; từ Hy Lạp katholikos mang nghĩa “phổ quát” hay “toàn thể.”

Trong những thế kỷ đầu của Hội Thánh, vấn đề quy chuẩn Cựu Ước không hoàn toàn đồng nhất giữa mọi khu vực và mọi giáo phụ. Một số danh sách và giáo phụ tiếp nhận các sách mà sau này Công giáo gọi là Thứ Cấp Quy Chuẩn, trong khi những người khác phân biệt chúng với các sách thuộc quy chuẩn Hê-bơ-rơ. Vì vậy, không nên mô tả giai đoạn từ năm 313 đến 1546 đơn giản là Công giáo sử dụng toàn bộ LXX nhưng “chưa chính thức công nhận” 73 sách. Lịch sử hình thành quy chuẩn phức tạp hơn như vậy.

Đến thế kỷ XVI, vấn đề quy chuẩn trở thành một điểm tranh luận quan trọng trong cuộc Cải Chánh Tin Lành. Martin Luther và các nhà Cải Chánh đặt Cựu Ước theo quy chuẩn Hê-bơ-rơ làm cơ sở, tương ứng với 39 sách Cựu Ước trong Kinh Thánh Tin Lành ngày nay. Các sách khác thường được xếp riêng và gọi là Apocrypha. Trong khi đó, Công giáo tiếp tục công nhận các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn.

Sau khi cuộc Cải Chánh bắt đầu vào năm 1517, Công đồng Trent (1545–1563) được triệu tập trong bối cảnh Giáo hội Công giáo đáp lại nhiều vấn đề do cuộc Cải Chánh đặt ra. Tại khóa họp năm 1546, Công đồng Trent xác định một cách có thẩm quyền đối với Công giáo danh sách các sách Kinh Thánh được tiếp nhận. Theo cách đếm hiện nay, Kinh Thánh Công giáo gồm 73 sách: 46 sách Cựu Ước và 27 sách Tân Ước. Trong khi đó, Kinh Thánh Tin Lành gồm 66 sách: 39 sách Cựu Ước và 27 sách Tân Ước.

Như vậy, sự khác biệt giữa Kinh Thánh Tin Lành và Công giáo không nằm ở Tân Ước, vì cả hai đều công nhận cùng 27 sách Tân Ước. Điểm khác biệt nằm ở quy chuẩn Cựu Ước. Tin Lành theo quy chuẩn Hê-bơ-rơ với 39 sách theo cách phân chia hiện nay, trong khi Công giáo công nhận thêm các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn và một số phần bổ sung của Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên. Sự khác biệt về quy chuẩn này về sau có ảnh hưởng đáng kể đến một số khác biệt thần học giữa hai truyền thống.

KT Tin Lành	Cựu Ước Công Giáo	Catholic Bible	Hebrew Bible
01. Sáng-thế Ký	01. Sách Sáng Thế	01. Genesis	01. Bereshit (Genesis)
02. Xuất Hành	02. Sách Xuất Hành	02. Exodus	02. Shemot (Exodus)
03. Lê-vi Ký	03. Sách Lê-vi	03. Leviticus	03. Vayikra (Leviticus)\
04. Dân-số Ký	04. Sách Dân Số	04. Numbers	04. Bamidbar (Numbers)
05. Phục-truyền	05. Sách Đệ Nhị Luật	05. Deuteronomy	05. Devarim (Deuteronomy)
06. Giô-suê	06. Sách Giô-suê	06. Joshua	06. Yehoshua (Joshua)
07. Các Quan Xét	07. Sách Thủ Lãnh	07. Judges	07. Shoftim (Judges)
08. Ru-tơ	08. Sách Rút	08. Ruth	08. Shmuel I (I Samuel)
09. I Sa-mu-ên	09. Sách Sa-mu-en 1	09. 1 Samuel	09. Shmuel II (II Samuel)
10. II Sa-mu-ên	10. Sách Sa-mu-en 2	10. 2 Samuel	10. Melachim I (I Kings)
11. I Các Vua	11. Sách Các Vua 1	11. 1 Kings	11. Melachim II (II Kings)
12. II Các Vua	12. Sách Các Vua 2	12. 2 Kings	12. Yeshayahu (Isaiah)
13. I Sử-ký	13. Sách Sử Biên 1	13. 1 Chronicles	13. Yirmiyahu (Jeremiah)
14. II Sử-ký	14. Sách Sử Biên 2	14. 2 Chronicles	14. Yechezkel (Ezekiel)
15. E-xơ-ra	15. Sách Êt-ra	15. Ezra	15. Hoshea (Hosea)
16. Nê-hê-mi	16. Sách Nê-khe-mi-a	16. Nehemiah	16. Yoel (Joel)
17. Ê-xơ-tê	17. Sách Tô-bi-a	17. Tobit	17. Amos
18. Gióp	18. Sách Giu-đi-tha	18. Judith	18. Ovadiah (Obadiah)
19. Thi-thiên	19. Sách Êt-te	19. Esther	19. Yonah (Jonah)
20. Châm-ngôn	20. Sách Ma-ca-bê 1	20. 1 Maccabees	20. Michah (Micah)
21. Truyền-đạo	21. Sách Ma-ca-bê 2	21. 2 Maccabees	21. Nachum (Nahum)
22. Nhã-ca	22. Sách Gióp	22. Job	22. Chavakuk (Habakkuk)
23. Ê-sai	23. Sách Thánh Vịnh	23. Psalms	23. Tzefaniah (Zephaniah)
24. Giê-rê-mi	24. Sách Châm Ngôn	24. Proverbs	24. Chaggai (Haggai)
25. Ca-thương	25. Sách Giảng Viên	25. Ecclesiastes	25. Zechariah
26. Ê-xê-chi-ên	26. Sách Diễm Ca	26. Song of Songs	26. Malachi
27. Đa-ni-ên	27. Sách Khôn Ngoan	27. Wisdom	27. Tehillim (Psalms)
28. Ô-sê	28. Sách Huấn Ca	28. Sirach	28. Mishlei (Proverbs)
29. Giô-ên	29. Sách Ngôn Sứ I-sai-a	29. Isaiah	29. Iyov (Job)
30. A-mốt	30. Sách Sứ Giê-rê-mi-a	30. Jeremiah	30. Shir Hashirim (S. of Songs)
31. Áp-đi-a	31. Sách Ai Ca	31. Lamentations	31. Rut (Ruth)
32. Giô-na	32. Sách Ba-rúc	32. Baruch	32. Eichah (Lamentations)
33. Mi-chê	33. Sách Sứ Ê-dê-ki-en	33. Ezekiel	33. Kohelet (Ecclesiastes)
34. Na-hum	34. Sách Sứ Đa-ni-en	34. Daniel	34. Esther
35. Ha-ba-cúc	35. Sách Ngôn Sứ Hô-sê	35. Hosea	35. Daniel
36. Sô-phô-ni	36. Sách Ngôn Sứ Giô-en	36. Joel	36. Ezra
37. A-ghê	37. Sách Ngôn Sứ A-mốt	37. Amos	37. Nechemiah (Nehemiah)
38. Xa-cha-ri	38. Sách Sứ Ô-va-đi-a	38. Obadiah	38. Divrei Hayamim I (Chronicles I)
39. Ma-la-chi	39. Sách Ngôn Sứ Giô-na	39. Jonah	39. Divrei Hayamim II (Chronicles II)
	40. Sách Ngôn Sứ Mi-kha	40. Micah	
	41. Sách Sứ Na-khum	41. Nahum	
	42. Sách Sứ Kha-ba-cúc	42. Habakkuk	
	43. Sứ Xô-phô-ni-a	43. Zephaniah	

01. Ma-thi-ơ	44. Sách Sứ Khác-gai	44. Haggai	
02. Mác	45. Sách Sứ Đa-ca-ri-a	45. Zechariah	
03. Lu-ca	46. Sách Sứ Ma-la-khi	46. Malachi	
04. Giăng	01. Thánh Mát-thêu		
05. Công-vụ	02. Thánh Mác-cô		
06. Rô-ma	03. Lu-ca		
07. I Cô-rinh-tô	04. Gio-an		
08. II Cô-rinh-tô	05. Công Vụ Tông Đồ		
09. Ga-la-ti	06. Rô-ma		
10. Ê-phê-sô	07. 1 Cô-rin-tô		
11. Phi-líp	08. 2 Cô-rin-tô		
12. Cô-lô-se	09. Ga-lát		
13. I Tê-sa-lô-ni-ca	10. Ê-phê-xô		
14. II Tê-sa-lô-ni-ca	11. Phi-líp-phê		
15. I Ti-mô-thê	12. Cô-lô-xê		
16. II Ti-mô-thê	13. 1 Thê-xa-lô-ni-ca		
17. Tít	14. 2 Thê-xa-lô-ni-ca		
18. Phi-lê-môn	15. 1Ti-mô-thê		
19. Hê-bơ-rơ	16. 2Ti-mô-thê		
20. Gia-cơ	17. Ti-tô		
21. I Phi-e-rơ	18. Phi-lê-môn		
22. II Phi-e-rơ	19. Do-thái		
23. I Giăng	20. Gia-cô-bê		
24. II Giăng	21. 1 của Thánh Phê-rô		
25. III Giăng	22. 2 của Thánh Phê-rô		
26. Giu-đe	23. 1 của Thánh Gio-an		
27. Khải-huyền	24. 2 của Thánh Gio-an		
	25. 3 của Thánh Gio-an		
	26. Giu-đa		
	27. Sách Khải Huyền		

Tại Sao Kinh Thánh Tin Lành Không Có Bảy Sách Thứ Cấp Quy Chuẩn?

Một trong những khác biệt quan trọng giữa Cựu Ước Tin Lành và Công giáo là vấn đề quy chuẩn. Kinh Thánh Tin Lành có 39 sách Cựu Ước, tương ứng về nội dung với các sách trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ (Tanakh) của người Do Thái. Trong khi đó, Cựu Ước Công giáo có 46 sách. Bảy sách có trong Kinh Thánh Công giáo nhưng không có trong quy chuẩn Hê-bơ-rơ và Kinh Thánh Tin Lành gồm: Tô-bi-a, Giu-di-tha, 1 Ma-ca-bê, 2 Ma-ca-bê, Khôn Ngoan, Huấn Ca và Ba-rúc. Ngoài ra, Công giáo còn tiếp nhận một số phần bổ sung của sách Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên. Công giáo gọi những sách này là Thứ Cấp Quy Chuẩn (Deuterocanonical Books), trong khi truyền thống Tin Lành thường gọi chúng là Apocrypha.

Trong Hội Thánh những thế kỷ đầu, địa vị của những sách này không hoàn toàn được hiểu giống nhau ở mọi nơi. Một số giáo phụ và Hội Thánh sử dụng chúng rộng rãi, trong khi một số người

khác phân biệt chúng với các sách thuộc quy chuẩn Hê-bơ-rơ. Jerome (khoảng 347–420), người thực hiện bản dịch Kinh Thánh Latin Vulgate, đặc biệt nhấn mạnh giá trị của các sách Cựu Ước theo bản Hê-bơ-rơ và có sự dè dặt đối với địa vị quy chuẩn của một số sách ngoài quy chuẩn Hê-bơ-rơ. Tuy nhiên, Augustine và nhiều lãnh đạo Hội Thánh khác lại tiếp nhận các sách này rộng rãi hơn. Các Công đồng Hippo (393) và Carthage (397, 419) cũng đưa Tobit, Judith và các sách Maccabees vào danh sách các sách được đọc như Kinh Thánh. Vì vậy, không thể nói rằng Hội Thánh đầu tiên hoàn toàn thống nhất trong việc bác bỏ các sách này.

Đến thời Cải Chánh thế kỷ XVI, các nhà Cải Chánh Tin Lành nhấn mạnh việc trở lại với quy chuẩn Hê-bơ-rơ đối với Cựu Ước. Vì vậy, Kinh Thánh Tin Lành cuối cùng sử dụng 39 sách Cựu Ước tương ứng về nội dung với Tanakh của người Do Thái, trong khi các sách Apocrypha không được xem có thẩm quyền ngang với Kinh Thánh. Ngược lại, Công đồng Trent năm 1546 xác nhận các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn là một phần của quy chuẩn Kinh Thánh Công giáo.

Những Lý Do Chính Của Lập Trường Tin Lành

Từ quan điểm Tin Lành, có một số lý do chính để sử dụng quy chuẩn Hê-bơ-rơ làm nền tảng cho Cựu Ước.

Thứ nhất, Cựu Ước được Đức Chúa Trời ban cho dân Ít-ra-ên. Đức Chúa Trời chọn Ít-ra-ên, phán qua các tiên tri của họ và qua lịch sử của dân này bày tỏ chương trình cứu chuộc của Ngài. Phao-lô cũng nói rằng người Do Thái “đã được giao phó lời phán của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:2). Vì vậy, theo lập luận Tin Lành, quy chuẩn Kinh Thánh được cộng đồng Do Thái bảo tồn bằng tiếng Hê-bơ-rơ có ý nghĩa đặc biệt khi xác định phạm vi của Cựu Ước.

Thứ hai, các nhà thần học Tin Lành nhận thấy một số sách Thứ Cấp Quy Chuẩn không có những công thức tiên tri quen thuộc như “Đức Giê-hô-va phán” hay “có lời Đức Giê-hô-va phán.” Tuy nhiên, tiêu chuẩn này không thể được sử dụng một mình để quyết định tính quy chuẩn, bởi vì một số sách được cả Tin Lành và Do Thái công nhận cũng không sử dụng những công thức đó. Điển hình là sách Ê-xơ-tê thậm chí không trực tiếp nhắc đến danh Đức Chúa Trời, nhưng toàn bộ câu chuyện vẫn bày tỏ sự tể trị và sự bảo tồn của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài.

Thứ ba, một số nội dung trong các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn được Tin Lành hiểu là khó hòa hợp với một số giáo lý được rút ra từ phần còn lại của Kinh Thánh. Chẳng hạn, Tô-bi-a 12:9 liên hệ việc bỏ thí với sự giải thoát khỏi sự chết và thanh tẩy tội lỗi. Từ cách đọc Tin Lành, những câu như vậy cần được đối chiếu với giáo lý Tân Ước rằng sự cứu rỗi là bởi ân điển của Đức Chúa Trời qua đức tin, chứ không phải là kết quả của công đức con người (Ê-phê-sô 2:8–9).

Một ví dụ quan trọng khác là 2 Ma-ca-bê 12:44–45, trong đó Giu-đa Ma-ca-bê thực hiện sự chuộc tội liên quan đến những người đã chết. Đoạn văn này trở thành một trong những văn bản được Công giáo viện dẫn để hỗ trợ việc cầu nguyện cho người đã qua đời. Giáo lý Công giáo ngày nay thực sự viện dẫn 2 Ma-ca-bê 12 khi giải thích việc cầu nguyện cho người chết và giáo lý về sự thanh luyện sau khi chết. Tin Lành không công nhận 2 Ma-ca-bê thuộc quy chuẩn và không tiếp nhận giáo lý luyện ngục, nên đây trở thành một điểm khác biệt thần học đáng kể giữa hai truyền thống.

Thứ tư, không có sách Thứ Cấp Quy Chuẩn nào được Chúa Giê-su hoặc các tác giả Tân Ước giới thiệu bằng những công thức rõ ràng như “có lời chép rằng” rồi trực tiếp trích dẫn chúng như Kinh Thánh. Tuy nhiên, cần trình bày luận điểm này cẩn thận. Tân Ước cũng không trực tiếp trích dẫn mọi sách thuộc 39 sách Cựu Ước Tin Lành; đồng thời, các học giả đã nhận thấy những điểm tương

đồng về ngôn ngữ và tư tưởng giữa Tân Ước và một số văn phẩm Do Thái ngoài quy chuẩn Hê-bơ-rơ. Vì vậy, việc “không được trích dẫn trực tiếp” là một phần của lập luận Tin Lành, nhưng tự nó không đủ để quyết định toàn bộ vấn đề quy chuẩn.

Kết luận

Từ lập trường Tin Lành, việc sử dụng 39 sách Cựu Ước không đơn giản là vì các nhà Cải Chánh muốn loại bỏ bảy sách khỏi một Kinh Thánh đã được mọi Cơ Đốc nhân thống nhất trước đó. Đúng hơn, họ lựa chọn quy chuẩn Hê-bơ-rơ làm chuẩn cho Cựu Ước và không công nhận các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn có cùng thẩm quyền với các sách thuộc quy chuẩn đó. Công giáo đi đến một kết luận khác và chính thức tiếp nhận các sách Thứ Cấp Quy Chuẩn trong quy chuẩn của mình. Sự khác biệt này rất quan trọng vì nó không chỉ làm cho Kinh Thánh Tin Lành có 66 sách và Kinh Thánh Công giáo có 73 sách, mà còn ảnh hưởng đến một số giáo lý khác, đặc biệt là cách hiểu về công đức, cầu nguyện cho người chết và luyện ngục.

Thánh Truyền và Truyền Thống Giáo Hội

Một điểm khác biệt quan trọng giữa CG và TL nằm ở cách hiểu về nguồn thẩm quyền cho đức tin và giáo lý. Công giáo không chỉ tiếp nhận Kinh Thánh mà còn tiếp nhận Thánh Truyền (Sacred Tradition), tức những giáo huấn về đức tin được Công giáo tin rằng đã được truyền lại từ các sứ đồ và được bảo tồn trong Hội Thánh. Đồng thời, Công giáo nhìn nhận Huấn quyền (Magisterium) của Giáo hội có trách nhiệm giải thích Kinh Thánh và Thánh Truyền một cách chính thức. Vì vậy, chính xác hơn không nên nói Công giáo xem “mọi truyền thống của Giáo hội” đều ngang hàng với Kinh Thánh, nhưng Kinh Thánh và Thánh Truyền được Công giáo xem là có chung một nguồn mạch khai, và Huấn quyền có trách nhiệm giải thích kho tàng đức tin đó.

Trong khi đó, Tin Lành nhấn mạnh nguyên tắc Sola Scriptura – duy Kinh Thánh. Điều này không có nghĩa là Tin Lành bác bỏ mọi truyền thống, tín điều hay sự dạy dỗ của Hội Thánh. Tuy nhiên, Tin Lành cho rằng chỉ Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu và không thể sai lầm cho đức tin và đời sống. Vì vậy, mọi truyền thống, giáo lý và thực hành của Hội Thánh đều phải được kiểm chứng dưới thẩm quyền của Kinh Thánh.

Sự khác biệt về nguồn thẩm quyền này có ảnh hưởng rất lớn đến thần học và thực hành thờ phượng của hai truyền thống. Một số giáo lý và thực hành nổi bật của Công giáo gắn với Kinh Thánh, Thánh Truyền và sự phát triển giáo huấn của Giáo hội gồm:

- Ma-ri: Công giáo có nhiều giáo lý và thực hành đặc biệt liên quan đến Ma-ri, bao gồm việc tôn kính Ma-ri, xin Ma-ri cầu thay và các kinh nguyện dành cho Ma-ri. Một số tín điều về Ma-ri được Giáo hội xác định chính thức qua quá trình phát triển thần học và truyền thống.
- Bảy bí tích: Công giáo công nhận bảy bí tích gồm Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể, Hòa Giải, Xức Dầu Bệnh Nhân, Truyền Chức Thánh và Hôn Phối. Trong khi đó, phần lớn Tin Lành chỉ công nhận Báp-têm và Tiệc Thánh là những nghi lễ được Chúa Giê-su trực tiếp thiết lập cho Hội Thánh.
- Xung tội: Trong Bí tích Hòa Giải, tín hữu Công giáo xưng tội với linh mục, nhận lời xá giải và thực hiện việc đền tội. Tin Lành nhìn chung nhấn mạnh việc tín hữu trực tiếp xưng tội với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su Christ.
- Mùa Chay: Công giáo dành khoảng 40 ngày trước Lễ Phục Sinh làm Mùa Chay, nhấn mạnh sự ăn năn, cầu nguyện, kiêng chay và làm việc bác ái. Mùa Chay bắt đầu với Thứ Tư Lễ

Tro, khi tro được xúc trên trán như một dấu hiệu nhắc nhở về sự chết, sự ăn năn và thân phận hữu hạn của con người.

- Thánh Lễ và nghi thức phụng vụ: Công giáo có hệ thống phụng vụ được quy định tương đối chặt chẽ, trong đó Thánh Lễ và Bí tích Thánh Thể giữ vị trí trung tâm. Tin Lành có nhiều hình thức thờ phượng khác nhau tùy hệ phái nhưng thường nhấn mạnh việc đọc và giảng Kinh Thánh, cầu nguyện, ngợi ca và Tiệc Thánh.
- Cầu nguyện cho người đã qua đời: Công giáo thực hành cầu nguyện và dâng Thánh Lễ cho người đã qua đời, đặc biệt liên quan đến niềm tin về sự thanh luyện sau khi chết hay luyện ngục. Tin Lành không công nhận giáo lý luyện ngục và nhìn chung không thực hành cầu nguyện cho người chết với mục đích thay đổi tình trạng của họ trước mặt Đức Chúa Trời.
- Như vậy, sự khác biệt căn bản không chỉ nằm ở từng nghi lễ hay thực hành riêng lẻ, nhưng bắt đầu từ một câu hỏi nền tảng: “Điều gì có thẩm quyền quyết định giáo lý và thực hành của Hội Thánh?” Công giáo trả lời câu hỏi này dựa trên mối quan hệ giữa Kinh Thánh, Thánh Truyền và Huấn quyền; trong khi Tin Lành đặt Kinh Thánh ở vị trí thẩm quyền tối hậu theo nguyên tắc Sola Scriptura. Từ sự khác biệt nền tảng này, nhiều khác biệt khác về Ma-ri, các thánh, bí tích, xưng tội, luyện ngục và hình thức thờ phượng cũng được hình thành.

Đức Giáo Hoàng

Đối với Công giáo (CG), Giáo Hoàng là Giám mục Rô-ma và là vị lãnh đạo cao nhất của Giáo hội Công giáo trên toàn thế giới. Theo giáo lý Công giáo, Giáo Hoàng giữ một vị trí đặc biệt vì được xem là người kế vị sứ đồ Phê-rô. Công giáo dựa đặc biệt vào Ma-thi-ơ 16:18–19, nơi Chúa Giê-su phán với Phê-rô: “Ngươi là Phi-e-rô, Ta sẽ lập Hội Thánh Ta trên đá này” và trao “chìa khóa nước thiên đàng,” cùng quyền “buộc” và “mở.” Từ những phân đoạn như vậy, Công giáo phát triển giáo lý về vai trò đặc biệt của Phê-rô và sự kế vị của chức vụ này qua các Giám mục Rô-ma.

Tuy nhiên, nói rằng Giáo Hoàng “nắm trong tay sự cứu rỗi dưới đất và trên trời” sẽ dễ gây hiểu lầm về giáo lý Công giáo. Chính xác hơn, Công giáo cho rằng Giáo Hoàng, với tư cách người kế vị Phê-rô, có thẩm quyền đặc biệt trong việc lãnh đạo, gìn giữ sự hiệp nhất và giảng dạy đức tin trong Giáo hội. Công giáo cũng xem Phê-rô là người giữ vị trí đứng đầu đặc biệt giữa các sứ đồ, nhưng không có nghĩa Giáo Hoàng được xem là nguồn của sự cứu rỗi thay cho Chúa Giê-su.

Thời gian một Giáo Hoàng đảm nhiệm chức vụ thường được gọi là triều đại giáo hoàng (pontificate). Hệ thống lãnh đạo trung ương của Giáo hội gắn với Tòa Thánh (Holy See), tức thẩm quyền giáo hội của Giám mục Rô-ma và các cơ quan trung ương hỗ trợ ngài trong việc điều hành Giáo hội. Đồng thời, Giáo Hoàng cũng là nguyên thủ của Quốc gia Thành Vatican (Vatican City State), một quốc gia có chủ quyền nằm bên trong thành phố Rô-ma, Ý. Cần phân biệt Tòa Thánh với Thành Vatican: Tòa Thánh là thực thể giáo hội có lịch sử lâu đời, còn Thành Vatican là quốc gia có chủ quyền được thành lập năm 1929.

Đây cũng là một trong những khác biệt quan trọng giữa Công giáo và Tin Lành. Tin Lành không công nhận Giáo Hoàng là người kế vị Phê-rô với thẩm quyền tối cao trên toàn thể Hội Thánh. Mặc dù Tin Lành công nhận Phê-rô là một sứ đồ rất quan trọng trong Hội Thánh đầu tiên, cách giải thích Tin Lành về Ma-thi-ơ 16:18–19 và những phân đoạn liên quan khác với cách giải thích của Công giáo. Tin Lành cũng không cho rằng Kinh Thánh thiết lập một chức vụ Giáo Hoàng được truyền lại liên tục từ Phê-rô cho các Giám mục Rô-ma.

Để hiểu tại sao Giáo hội Công giáo Rô-ma ngày nay có một cơ cấu tổ chức tập trung và tại sao Giáo Hoàng giữ một vị trí quan trọng như vậy, chúng ta cần trở lại lịch sử Hội Thánh những thế kỷ đầu. Qua đó, chúng ta sẽ xem xét vai trò của Phê-rô trong Hội Thánh thời các sứ đồ, sự phát triển của chức vụ giám mục, vị trí ngày càng quan trọng của Giám mục Rô-ma, và quá trình lịch sử dẫn đến sự hình thành quyền lực giáo hoàng như chúng ta biết ngày nay.

Thời Kỳ Các Sứ Đồ

Sau khi Chúa Giê-su thăng thiên, các sứ đồ và môn đồ của Ngài tiếp tục nhóm họp tại Giê-ru-sa-lem. Vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh giáng xuống trên các môn đồ như Chúa Giê-su đã hứa (Công Vụ 1:8; 2:1–4). Phê-rô đứng lên cùng với các sứ đồ và công bố Phúc Âm cho dân chúng. Ông rao giảng rằng Chúa Giê-su chính là Đấng Christ đã được Đức Chúa Trời hứa trong Cựu Ước; Ngài đã chịu chết nhưng Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại từ cõi chết (Công Vụ 2:22–36).

Từ Giê-ru-sa-lem, Phúc Âm tiếp tục được rao truyền đến Giu-đê, Sa-ma-ri và cuối cùng đến các dân ngoại, đúng như mệnh của Chúa Giê-su trong Công Vụ 1:8. Trong quá trình này, Phê-rô giữ một vai trò rất nổi bật trong giai đoạn đầu của sách Công Vụ, trong khi Phao-lô trở thành nhân vật đặc biệt quan trọng trong công cuộc truyền giáo cho dân ngoại. Theo truyền thống Cơ Đốc giáo cổ, cả Phê-rô và Phao-lô đều tử đạo tại Rô-ma dưới thời Hoàng đế Nero, thường được xác định vào khoảng thập niên 60 SCN. Truyền thống cũng cho rằng Phê-rô được chôn tại khu vực đồi Vatican, nơi Vương cung thánh đường Thánh Phê-rô (St. Peter's Basilica) được xây dựng về sau.

Theo truyền thống Công giáo, Phê-rô được xem là Giám mục đầu tiên của Rô-ma và các Giáo Hoàng về sau là những người kế vị ông. Tuy nhiên, khi nghiên cứu Tân Ước, chúng ta cần phân biệt giữa sự phát triển cơ cấu chức vụ trong lịch sử Hội Thánh và cách các thuật ngữ chỉ người lãnh đạo được sử dụng trong chính Tân Ước. Tân Ước không trực tiếp gọi Phê-rô là “Giám mục Rô-ma.” Đây là cách hiểu được phát triển trong truyền thống Hội Thánh về sau.

Từ được dịch là “giám mục” hay “người coi sóc” trong Tân Ước là ἐπίσκοπος (episkopos), mang ý nghĩa người giám sát hay người coi sóc. Từ này liên hệ với động từ ἐπισκοπέω (episkopeō), nghĩa là trông nom hay giám sát. Vì vậy, ý nghĩa căn bản của chức vụ này nhấn mạnh trách nhiệm coi sóc Hội Thánh và chăm lo cho dân sự Đức Chúa Trời.

Công Vụ 20:17–28 là một trong những phân đoạn quan trọng nhất để hiểu mối quan hệ giữa các thuật ngữ này. Trong câu 17, Phao-lô mời các “trưởng lão” (elders – presbyteroi) của Hội Thánh Ê-phê-sô đến gặp ông. Đến câu 28, Phao-lô nói với chính những người này rằng Đức Thánh Linh đã lập họ làm “người coi sóc” (overseers – episkopoi) để “chăn” (shepherd) Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Như vậy, trong cùng một phân đoạn, cùng một nhóm người được mô tả bằng ba khía cạnh: họ là trưởng lão, họ có trách nhiệm coi sóc, và họ phải chăn dắt Hội Thánh.

Tít 1:5–7 cũng cho thấy mối liên hệ tương tự. Trong câu 5, Phao-lô giao cho Tít nhiệm vụ bổ nhiệm các “trưởng lão” (presbyteroi) tại mỗi thành. Nhưng khi tiếp tục trình bày những tiêu chuẩn của chức vụ này trong câu 7, Phao-lô sử dụng từ “giám mục/người coi sóc” (episkopos). Việc hai thuật ngữ xuất hiện trong cùng một mạch văn là một cơ sở quan trọng để nhiều truyền thống Tin Lành hiểu rằng “trưởng lão” và “giám mục/người coi sóc” trong Hội Thánh Tân Ước chưa phải là hai cấp bậc giáo phẩm tách biệt như cơ cấu Hội Thánh phát triển trong những thế kỷ sau.

Một thuật ngữ quan trọng khác là “mục sư,” xuất phát từ tiếng Hy Lạp ποιμήν (poimēn), nghĩa đen là “người chăn chiên.” Ê-phê-sô 4:11 nói rằng Đấng Christ ban cho Hội Thánh “một số người làm

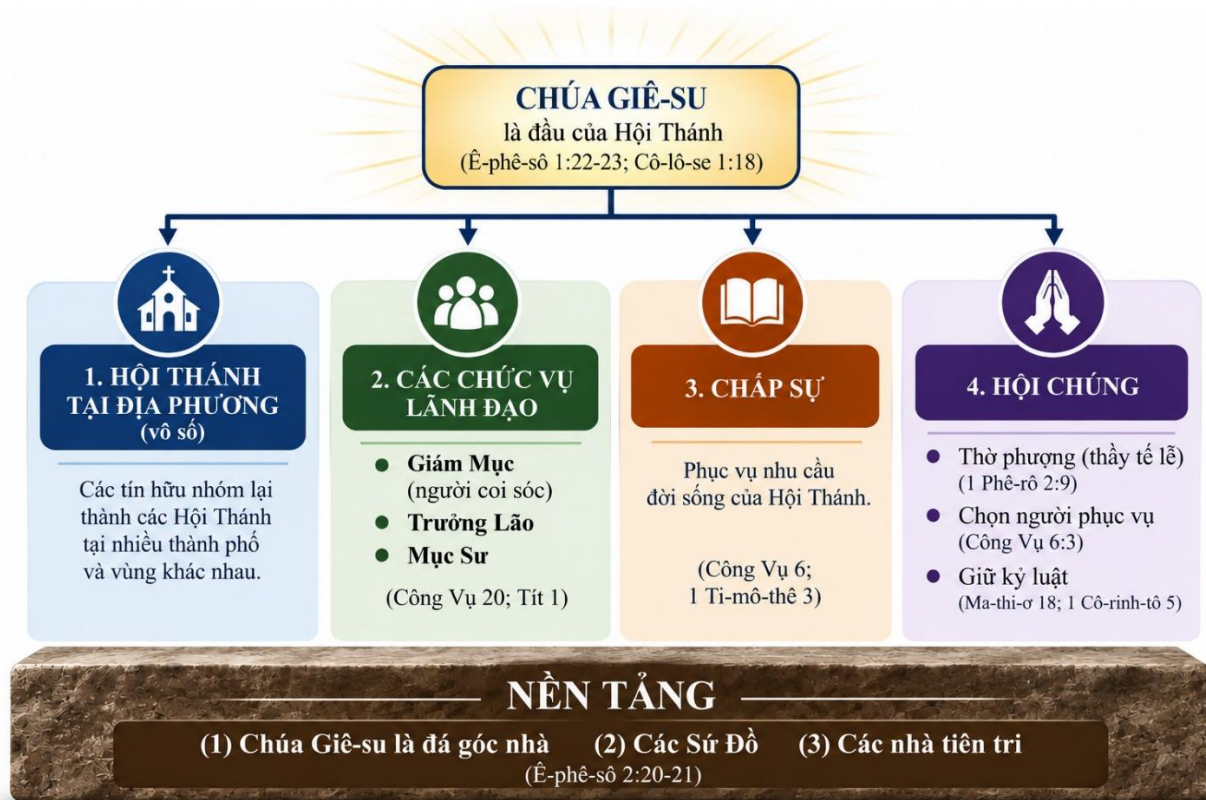
sứ đồ, một số người làm nhà tiên tri, một số người khác làm nhà truyền giảng Tin Lành, một số người khác nữa làm mục sư và giáo sư.” Hình ảnh người chăn cũng xuất hiện rất rõ trong lời Chúa Giê-su phán với Phê-rô: “Hãy chăn chiên Ta” (Giăng 21:17). Vì vậy, chức vụ lãnh đạo Hội Thánh không chỉ liên quan đến thẩm quyền mà trước hết mang bản chất của sự chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ bầy chiên của Đức Chúa Trời.

Từ những phân đoạn trên, theo cách giải thích phổ biến trong nhiều truyền thống Tin Lành, các thuật ngữ “trưởng lão,” “giám mục/người coi sóc” và “mục sư/người chăn” trong Tân Ước có sự liên hệ rất chặt chẽ và có thể mô tả những khía cạnh khác nhau của cùng một chức vụ lãnh đạo Hội Thánh:

Thuật ngữ	Tiếng Hy Lạp	Ý nghĩa nhấn mạnh
Giám mục / Người coi sóc (Bishop / Overseer)	Episkopos	Giám sát, coi sóc và bảo vệ Hội Thánh
Trưởng lão (Elder)	Presbyteros	Sự trưởng thành, phẩm chất và vai trò lãnh đạo
Mục sư / Người chăn (Pastor / Shepherd)	Poimēn	Chăn dắt, nuôi dưỡng và chăm sóc bầy chiên

Như vậy, theo cách đọc Tin Lành này, Tân Ước chưa trình bày một hệ thống trong đó giám mục là cấp bậc cao hơn trưởng lão và mục sư. Thay vào đó, các thuật ngữ nhấn mạnh những phương diện khác nhau của chức vụ lãnh đạo thuộc linh: trưởng lão nói đến sự trưởng thành và tư cách; giám mục/người coi sóc nhấn mạnh trách nhiệm giám sát; còn mục sư/người chăn nhấn mạnh trách nhiệm chăn dắt và chăm sóc dân sự.

Sau khi Giăng, là Sứ đồ cuối cùng của Chúa Giê-su, chết trên đảo Bát-mô vào năm 100 SCN, thời kỳ các sứ đồ kết thúc. Trong thời kỳ này (30 – 100 SCN), cơ cấu tổ chức của các Hội Thánh có thể tóm gọn như sau:



Thời Kỳ Hội Thánh Bị Bức Hại (100 - 313)

Sau thời kỳ các sứ đồ, lịch sử Hội Thánh bước sang một giai đoạn mới, thường được gọi là thời kỳ Hội Thánh bị bức hại, kéo dài từ khoảng cuối thế kỷ I cho đến đầu thế kỷ IV. Trong giai đoạn này, Cơ Đốc nhân nhiều lần phải đối diện với sự chống đối và bức hại từ chính quyền Đế quốc La Mã. Mức độ bức hại không giống nhau ở mọi thời điểm và mọi địa phương: có lúc chỉ xảy ra tại một số tỉnh hoặc thành phố, nhưng cũng có những thời kỳ chính quyền ban hành chính sách trên phạm vi rộng lớn hơn.

Một nguyên nhân quan trọng của sự xung đột là đức tin độc thần của Cơ Đốc nhân. Họ chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Christ, vì vậy từ chối dâng hương cho các thần La Mã hoặc tham gia những nghi lễ tôn giáo gắn với hoàng đế. Trong xã hội La Mã, tôn giáo, đời sống công cộng và lòng trung thành với đế quốc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy, việc Cơ Đốc nhân từ chối tham dự những nghi lễ này đôi khi bị xem là bất kính đối với các thần, chống lại phong tục xã hội hoặc thiếu trung thành với nhà nước.

Các buổi nhóm họp riêng của Cơ Đốc nhân cũng làm phát sinh nhiều lời đồn đại và nghi ngờ. Những thuật ngữ như “ăn thân thể” và “uống huyết” trong Tiệc Thánh bị người ngoài hiểu sai; việc tín hữu gọi nhau là anh chị em cũng bị xuyên tạc. Đồng thời, sự phát triển của Cơ Đốc giáo có thể gây ảnh hưởng đến những hoạt động kinh tế gắn với việc thờ thần tượng, một vấn đề đã xuất hiện từ thời các sứ đồ, chẳng hạn cuộc xung đột với những người làm tượng nữ thần Artemis tại Ê-phê-sô trong Công Vụ 19:23-27.

Cuộc bức hại dưới thời Domitian vào cuối thế kỷ I thường được nhắc đến trong lịch sử Hội Thánh, mặc dù phạm vi và mức độ của cuộc bức hại này vẫn được các sử gia thảo luận. Sang đầu thế kỷ II, chúng ta có một bằng chứng lịch sử đặc biệt quan trọng từ Pliny the Younger, thông đốc tỉnh Bithynia-Pontus. Khoảng năm 111–113 SCN, ông viết thư cho Hoàng đế Trajan để hỏi phải xử lý những người bị tố cáo là Cơ Đốc nhân như thế nào. Pliny cho biết những người kiên quyết nhận mình là Cơ Đốc nhân có thể bị xử phạt, trong khi những người chối bỏ đức tin, thờ các thần và hình tượng hoàng đế, đồng thời nguyên rủa Christ, có thể được tha.

Bức thư của Pliny cũng cung cấp một trong những chứng cứ ngoài Kinh Thánh rất sớm về đời sống thờ phượng của Cơ Đốc nhân. Theo lời khai mà ông thu thập, các tín hữu có thói quen nhóm lại vào một ngày nhất định trước khi trời sáng, hát thánh ca tôn vinh Christ “như một vị thần,” cam kết không trộm cắp, gian lận hay ngoại tình, rồi sau đó cùng dùng một bữa ăn bình thường. Pliny còn cho biết ông đã tra khảo hai nữ nô lệ được gọi là “nữ chấp sự,” nhưng không tìm thấy những tội ác như các lời đồn đại.

Đáng chú ý hơn, chính Pliny thừa nhận đức tin Cơ Đốc đã lan rộng không chỉ trong các thành phố mà cả các làng mạc và vùng nông thôn. Ông nói rằng những người liên quan thuộc nhiều độ tuổi, tầng lớp xã hội và cả hai giới. Đây là một bằng chứng quan trọng cho thấy chỉ vài thế hệ sau thời các sứ đồ, Cơ Đốc giáo đã phát triển đáng kể tại Tiểu Á.

Trong thế kỷ II và III, nhiều Cơ Đốc nhân tiếp tục chịu bức hại và tử đạo tại những địa phương khác nhau. Những trường hợp nổi tiếng gồm Polycarp tại Smyrna, các tín hữu tại Lyon và Vienne năm 177, và Perpetua cùng Felicity tại Carthage năm 203. Các tài liệu cổ về những cuộc tử đạo này cho thấy sự bức hại Cơ Đốc nhân đã xảy ra tại nhiều khu vực khác nhau của Đế quốc La Mã.

Một bước ngoặt đặc biệt nghiêm trọng xảy ra dưới thời Hoàng đế Decius (249–251). Chính quyền yêu cầu cư dân trong đế quốc thực hiện nghi lễ tế thần và chứng minh sự tuân thủ. Điều này đặt Cơ Đốc nhân trước một sự lựa chọn rất khó khăn: tham gia nghi lễ thờ các thần của La Mã để tránh hình phạt, hoặc trung thành với đức tin và đối diện với tù đầy, tra tấn, tịch thu tài sản hoặc tử đạo. Nhiều lãnh đạo Hội Thánh cũng trở thành đối tượng của sự bức hại.

Tuy nhiên, sự bức hại không ngăn được Cơ Đốc giáo tiếp tục phát triển. Từ Giê-ru-sa-lem và vùng Giu-đê, Phúc Âm đã lan rộng khắp Tiểu Á, Hy Lạp, Sy-ri, Ai Cập, Bắc Phi, Rô-ma và nhiều vùng khác của Đế quốc. Hội Thánh từ một cộng đồng nhỏ trong thế kỷ I dần trở thành một phong trào tôn giáo hiện diện rộng khắp thế giới La Mã. Chính bức thư của Pliny cho thấy sự phát triển này đã đủ mạnh để ảnh hưởng đến việc tham dự các đền thờ và thị trường cung cấp sinh vật dùng cho việc tế thần tại địa phương.

Trong giai đoạn đầu sau thời các sứ đồ, Hội Thánh vẫn giữ nhiều đặc điểm của Hội Thánh Tân Ước. Các tín hữu nhóm lại thành những Hội Thánh địa phương; Chúa Giê-su Christ được nhìn nhận là đầu của Hội Thánh; và những người lãnh đạo có trách nhiệm giảng dạy, chăn dắt, bảo vệ giáo lý và chăm sóc đời sống thuộc linh của tín hữu.

Tuy nhiên, từ thế kỷ II trở đi, cơ cấu lãnh đạo Hội Thánh bắt đầu phát triển rõ rệt hơn so với mô hình chúng ta thấy trong Tân Ước. Chức vụ giám mục dần trở thành một chức vụ riêng biệt và có vị trí nổi bật hơn trưởng lão và chấp sự tại nhiều Hội Thánh. Sự thay đổi này một phần nhằm bảo vệ sự hiệp nhất và giáo lý của Hội Thánh trước các tà giáo, sự chia rẽ và những thách thức từ bên ngoài.

Đồng thời, một số truyền thống và thực hành của Hội Thánh cũng bắt đầu phát triển trong những thế kỷ đầu. Các tín hữu ngày càng có những quy định và tập tục rõ ràng hơn liên quan đến Báp-têm, Tiệc Thánh, kiêng ăn, ngày lễ, kỷ niệm những người tử đạo và tổ chức thờ phượng. Tuy nhiên, cần phân biệt những thực hành xuất hiện sớm với những giáo lý Công giáo được định hình đầy đủ nhiều thế kỷ sau; chẳng hạn, sự tôn kính Ma-ri có quá trình phát triển lâu dài và không nên mô tả toàn bộ thần học Công giáo về Ma-ri ngày nay như đã tồn tại hoàn chỉnh trong thế kỷ II.

Như vậy, giai đoạn 100–313 SCN vừa là thời kỳ Hội Thánh phải chịu nhiều thử thách, vừa là thời kỳ Cơ Đốc giáo phát triển mạnh mẽ về địa lý, tổ chức và thần học. Đặc biệt, đây cũng là giai đoạn cơ cấu lãnh đạo bắt đầu chuyển từ mô hình tương đối đơn giản của Hội Thánh thời các sứ đồ sang một hệ thống có sự phân biệt rõ hơn giữa giám mục, trưởng lão và chấp sự. Sự phát triển này rất quan trọng để hiểu tại sao sau này các giám mục của những thành phố lớn, đặc biệt là Giám mục Rô-ma, ngày càng có ảnh hưởng lớn hơn trong Hội Thánh.

Từ Constantine Đến Cuộc Đại Ly Giáo Đông Tây

Năm 313, hoàng đế Constantine đã công nhận đạo Chúa Giê-su để trở thành quốc giáo với sắc chỉ nổi tiếng là Sắc chỉ Milan (Edict of Milan). Sau sắc lệnh này, Cơ Đốc Giáo chính thức được nhà nước thừa nhận và được phép hoạt động trong xã hội. Chính quyền trao trả lại tài sản tịch thu của các tín đồ. Từ đây việc bách hại của chính quyền La-mã đối với Hội Thánh Chúa chính thức khép lại. Nhiều nhà thờ, thánh đường được xây dựng với tốc độ rất nhanh. Hội Thánh dần dần tham gia vào quản lý xã hội, giáo dục, từ thiện và cả chính trị.

Năm 330 SCN, Constantine chính thức chuyển thủ đô đế quốc La-mã từ Rô-ma về Constantinople (Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) ngày nay). Với quyết định này cùng với sự mâu thuẫn về các điểm thần học và khác biệt về ngôn ngữ (phía đông chủ yếu dùng tiếng Hy Lạp và phía tây chủ yếu dùng tiếng La Tinh), Hội Thánh Chúa bắt đầu hình thành các vùng có ảnh hưởng lớn khác nhau như: Rô-ma, Hy Lạp, An-ti-ôc, và Giê-ru-sê-lem.

Sau năm 395 SCN, đế quốc La-mã vĩnh viễn bị chia cắt làm đôi: Đông La-mã gọi là Byzantine với thủ đô là Constantinople; Tây La-mã với thủ đô là Rô-ma. Từ đây bắt đầu dẫn đến sự xung đột trong giáo hội giữa phía đông và phía tây. Các mâu thuẫn lớn chủ yếu là: (1) giáo hội phương tây thêm vào cụm từ “*từ Con*” trong công đồng Nicea năm 381 SCN “Chúa Thánh Linh xuất phát từ Cha *và từ Con*”; (2) quyền lực của giám mục tại Rô-ma và tại Constantinople. Phía đông không chấp nhận quyền lực vượt trội của Giám Mục tại Rô-ma; (3) các vấn đề lễ nghi, phục vụ và kỷ luật của giáo hội; (4) ảnh hưởng của chính trị.

Đến năm 1054 SCN, cuộc đại ly giáo giữa đông và tây chính thức xảy ra. Công giáo La-mã, đứng đầu là Đức Giáo Hoàng (Pope), với thủ đô là Rô-ma lãnh đạo các Hội Thánh về phía tây và nói tiếng La-tinh. Chính Thống Giáo (Eastern Orthodox) đứng đầu bởi giám mục Constantinople quản lý các Hội Thánh về phía đông ở các nước chính như: Hy Lạp, Nga, Serbia, Rô-ma-ni, An-ti-ôc, và Alexandria ở Ai Cập. Giám mục Constantinople được xem là người đứng đầu danh dự nhưng không có quyền lực cai trị như Đức Giáo Hoàng. Đối với Chính Thống Giáo, quyền lực của Hội Thánh được chuyển về giám mục từng vùng.

Trước cuộc đại ly giáo này, giám mục Rô-ma chỉ đơn thuần là người đứng đầu danh dự (Primus inter pares). Sau khi ly khai, Công Giáo La-mã bắt đầu phổ biến học thuyết “Quyền Tối Thượng và Vô Ngộ của Giáo Hoàng”.

Có thể tóm tắt toàn bộ lịch sử đạo Chúa từ năm 30 SCN – 1870 SCN theo bản dưới đây:

Giai đoạn	Năm	Sự kiện chính
Thời Kỳ Các Sứ Đồ	~30-100 SCN	Hội Thánh đầu tiên được thành lập bắt đầu từ Giê-ru-sa-lê sau đó lan ra cho dân ngoại: Tiều Á, Ma-xê-doan, Hy Lạp, và Rô-ma. Năm 70 SCN, đền thờ bị phá hủy và Giê-ru-sa-lê bị sụp đổ. Toàn bộ hệ thống dâng sinh tế và thầy tế lễ không còn. Nền về sự cứu rỗi qua Chúa Giê-su đã được các sứ đồ giải bày một cách trọn vẹn và không cần thêm hay bớt bất kỳ điều gì. Các nghi lễ tôn giáo và chức thầy tế lễ được thay thế trọn vẹn trong Chúa Giê-su. Tầm năm 64 - 67 SCN, Phê-rô bị xử tử tại Rô-ma. Bắt đầu có văn hóa giám mục tại Rô-ma. Sứ đồ Giăng qua đời trên đảo Bát-môn năm 100 SCN; chấm dứt thời kỳ này.
Thời Kỳ Hội Thánh Bị Bức Hại	100–313 SCN	Bị bức hại dữ dội bởi Đế quốc La-mã. Đỉnh điểm là việc Hoàng Đế Decius đã ra một sắc lệnh bắt toàn bộ dân chúng thờ hoàng đế và thờ các thần La-mã. Rất nhiều giám mục, trưởng lão và mục sư bị giết hại.
Thời Hội Thánh Trở Thành Quốc Giáo	313-1054 SCN	Hoàng đế Constantine ra sắc lệnh Milan và công nhận Đạo Chúa Giê-su trở thành quốc giáo. Các giám mục, đặc biệt là giám mục ở Rô-ma trở nên có quyền lực. Hội Thánh dần dần tham gia vào quản lý xã hội, giáo dục, từ thiện và cả chính trị. Năm 330 SCN, Constantine chuyển thủ đô về Constantinople (Thổ Nhĩ Kỳ). Từ đây, Hội Thánh Chúa bắt đầu hình thành những xung đột rõ ràng giữa phía tây (thủ đô là Rô-ma) và phía đông (thủ đô là Constantinople). Trong thời gian này, giám mục tại Rô-ma được xem là người đứng đầu danh dự (Primus Inter Pares)
Đại Ly Giáo	1054-1870 SCN	Do những xung đột về tín điều, quyền lực của giám mục, nghi lễ và cách thức thờ phượng cùng với chính trị, Công Giáo La-mã và Chính Thống Giáo chính thức phân tách vĩnh viễn. Từ đây, học thuyết Đức Giáo Hoàng "có quyền tối thượng và vô ngộ" dần được hình thành rõ nét.
ĐGH Được Công Nhận	1870 SCN	Công Giáo La-mã thiết lập học thuyết Đức Giáo Hoàng có quyền tối thượng và vô ngộ và cuối cùng được chấp nhận tại Công Đồng Vatican I năm 1870.

Nền Tảng Công Giáo Dùng Để Giải Thích Thẩm Quyền Của Giáo Hoàng

Đối với Công giáo Rô-ma, Giáo Hoàng là người kế vị sứ đồ Phê-rô và giữ một chức vụ đặc biệt trong Hội Thánh. Công giáo tin rằng Giáo Hoàng có quyền tối thượng (Papal Supremacy) trong việc lãnh đạo Hội Thánh hoàn vũ. Đồng thời, trong những điều kiện rất cụ thể, Giáo Hoàng được cho là được gìn giữ khỏi sai lầm khi chính thức công bố một giáo lý về đức tin hoặc luân lý cho toàn thể Hội Thánh; đây được gọi là sự vô ngộ của Giáo Hoàng (Papal Infallibility).

Công giáo dựa trên Kinh Thánh, truyền thống Hội Thánh và sự phát triển thần học qua lịch sử để giải thích hai giáo lý này. Có thể tóm tắt các lập luận chính như sau:

1. Phê-rô được Chúa Giê-su trao một thẩm quyền đặc biệt (Ma-thi-ơ 16:18–19)

Đây là phân đoạn quan trọng nhất trong lập luận Công giáo về quyền của Phê-rô. Chúa Giê-su phán: “Con là Phi-e-rô, trên đá này Ta sẽ xây Hội Thánh Ta” và sau đó trao cho ông “chìa khóa của vương quốc thiên đàng,” cùng quyền “buộc” và “mở.”

Công giáo liên hệ hình ảnh “chìa khóa” này với Ê-sai 22:20–22, nơi Ê-li-a-kim được trao “chìa khóa nhà Đa-vít” như dấu hiệu của thẩm quyền quản trị dưới quyền vua. Theo cách giải thích Công giáo, Chúa Giê-su là Vua và Phê-rô được trao một chức vụ quản trị đặc biệt trong Hội Thánh. Từ

đó, Công giáo cho rằng chức vụ đặc biệt của Phê-rô được tiếp tục qua những người kế vị ông là các Giám mục Rô-ma.

2. Chúa Giê-su cầu nguyện đặc biệt cho đức tin của Phê-rô (Lu-ca 22:31–32)

Chúa Giê-su phán với Phê-rô: “*Si-môn, Si-môn, này, Sa-tan đòi sàng sảy các con như lúa mì. Nhưng Ta đã cầu nguyện cho con để con không mất đức tin. Phần con, khi đã quay lại, hãy làm cho anh em con vững mạnh.*”. Công giáo đặc biệt chú ý đến lời “*hãy làm cho anh em con vững mạnh.*” Theo cách giải thích này, Phê-rô không chỉ được Chúa bảo vệ và phục hồi, nhưng còn nhận trách nhiệm củng cố đức tin của những người khác. Công giáo xem phân đoạn này là một trong những nền tảng Kinh Thánh cho chức vụ đặc biệt của Phê-rô và, theo sự kế vị, của Giáo Hoàng.

3. Chúa Giê-su giao cho Phê-rô trách nhiệm chăn bầy (Giăng 21:15–17)

Sau khi Phê-rô ba lần chối Chúa, Chúa Giê-su ba lần hỏi ông: “Con yêu Ta chăng?” và giao cho ông trách nhiệm: “Hãy chăn chiên Ta.”

Công giáo hiểu đây không chỉ là sự phục hồi Phê-rô sau sự thất bại của ông, nhưng còn là sự tái xác nhận trách nhiệm mục vụ đặc biệt mà Chúa giao cho Phê-rô. Khi kết hợp Giăng 21:15–17 với Ma-thi-ơ 16:18–19 và Lu-ca 22:31–32, Công giáo nhìn thấy một mô hình nhất quán: Phê-rô được trao chìa khóa, được giao trách nhiệm củng cố anh em và được giao nhiệm vụ chăn bầy của Đấng Christ.

4. Phê-rô giữ vai trò nổi bật giữa các sứ đồ

Trong các sách Phúc Âm và Công Vụ, Phê-rô thường xuất hiện với vai trò nổi bật. Tên ông thường đứng đầu trong danh sách các sứ đồ (Ma-thi-ơ 10:2); ông nhiều lần thay mặt các môn đồ trả lời Chúa Giê-su; ông giảng bài giảng nổi bật trong ngày Lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 2); và ông giữ vai trò quan trọng trong việc Phúc Âm đến với người Sa-ma-ri và dân ngoại (Công Vụ 8; 10).

Từ những dữ kiện này, Công giáo lập luận rằng Phê-rô có một vị trí đặc biệt giữa các sứ đồ. Tuy nhiên, điểm tranh luận giữa Công giáo và Tin Lành không chủ yếu nằm ở việc Phê-rô có vai trò nổi bật hay không, mà là liệu sự nổi bật đó có thiết lập một chức vụ có quyền tối thượng trên toàn Hội Thánh và chức vụ ấy có được truyền lại cho các Giám mục Rô-ma hay không.

5. Sự kế vị Phê-rô và vị trí của Hội Thánh Rô-ma

Theo truyền thống Cơ Đốc giáo cổ, Phê-rô đã phục vụ và tử đạo tại Rô-ma. Hội Thánh Rô-ma cũng có vị trí đặc biệt quan trọng từ rất sớm. Công giáo cho rằng các Giám mục Rô-ma kế vị chức vụ của Phê-rô, và vì vậy chức vụ Phê-rô không kết thúc khi ông qua đời nhưng tiếp tục trong Hội Thánh.

Đây là nơi Kinh Thánh và Thánh Truyền liên hệ chặt chẽ với nhau trong thần học Công giáo. Kinh Thánh không trực tiếp nói rằng “sau khi Phê-rô qua đời, Giám mục Rô-ma sẽ kế vị ông làm người lãnh đạo toàn thể Hội Thánh.” Công giáo dựa thêm vào truyền thống và lịch sử Hội Thánh để thiết lập mối liên hệ kế vị này.

6. Giáo Hoàng là nguyên tắc hữu hình của sự hiệp nhất

Công giáo cho rằng Hội Thánh hoàn vũ cần có một chức vụ hữu hình nhằm duy trì sự hiệp nhất về đức tin, giáo lý và tổ chức. Theo quan điểm này, chức vụ Giáo Hoàng phục vụ như một trung tâm hữu hình của sự hiệp nhất giữa các giám mục và các Hội Thánh địa phương trên toàn thế giới.

Giáo Hoàng vì vậy không được Công giáo xem đơn giản như một giám mục có địa vị danh dự, nhưng là Giám mục Rô-ma và người kế vị Phê-rô, có thẩm quyền đặc biệt đối với Hội Thánh hoàn vũ.

7. Sự vô ngộ của Giáo Hoàng trong những điều kiện đặc biệt

Cần phân biệt rõ sự vô ngộ (infallibility) với sự không phạm tội (sinlessness) hoặc không bao giờ sai lầm trong đời sống cá nhân. Công giáo không dạy rằng Giáo Hoàng không thể phạm tội, không bao giờ đưa ra quyết định sai hoặc mọi điều Giáo Hoàng nói đều đúng.

Giáo lý vô ngộ có phạm vi hẹp hơn nhiều. Theo Công đồng Vatican I năm 1870, khi Giáo Hoàng tuyên bố ex cathedra – nghĩa là trong tư cách mục tử và thầy dạy tối cao của toàn thể Hội Thánh – và chính thức xác định một giáo lý về đức tin hoặc luân lý phải được toàn thể Hội Thánh tin giữ, Công giáo tin rằng Đức Chúa Trời gìn giữ Giáo Hoàng khỏi việc chính thức dạy sai trong trường hợp đó.

Điểm Tranh Luận Chính Giữa Tin Lành và Công Giáo

Như vậy, vấn đề không phải là Tin Lành phủ nhận Phê-rô có một vai trò rất quan trọng trong Hội Thánh đầu tiên. Kinh Thánh cho thấy rõ Phê-rô là một trong những sứ đồ nổi bật. Điểm khác biệt nằm ở những câu hỏi tiếp theo: Chúa Giê-su có thiết lập Phê-rô làm người có quyền tối thượng trên tất cả các sứ đồ hay không? “Tảng đá” trong Ma-thi-ơ 16:18 phải được hiểu như thế nào? Quyền được giao cho Phê-rô có được truyền lại cho người kế vị hay không? Nếu có, tại sao người kế vị đó nhất thiết phải là Giám mục Rô-ma? Và Kinh Thánh có dạy rằng người giữ chức vụ này có thể công bố giáo lý một cách vô ngộ hay không?

Chúng ta hãy tập trung xem xét lại 7 lập luận trên từ lăng kính Kinh Thánh để xem chúng có thật sự đúng hay không.

1. Lập luận thứ nhất: Phê-rô được Chúa Giê-su trao một thẩm quyền đặc biệt được Giáo Hội CG La-mã trích dẫn chủ yếu dựa vào Ma-thi-ơ 16:18-19

¹⁸Còn Ta, Ta bảo con rằng: Con là Phi-e-rô, Ta sẽ xây dựng Hội Thánh Ta trên đá này, các cửa âm phủ không thắng được Hội đó. ¹⁹Ta sẽ giao chìa khóa vương quốc thiên đàng cho con; bất cứ điều gì con buộc dưới đất cũng sẽ bị buộc ở trên trời, và bất cứ điều gì con mở dưới đất cũng sẽ được mở ở trên trời.” (Ma-thi-ơ 16:18-19)

18And I also say to you that you are Peter, and on this rock I will build My church, and the gates of Hades shall not prevail against it. 19And I will give you the keys of the kingdom of heaven, and whatever you bind on earth will be bound in heaven, and whatever you loose on earth will be loosed in heaven.” (Mat 16:18-19)

2504 [e]	1161 [e]	4771 [e]	3004 [e]	3754 [e]	4771 [e]	1510 [e]	4074 [e]	2532 [e]	1909 [e]	3778 [e]	3588 [e]	4073 [e]	
kagō	de	soi	legō	hoti	sy	ei	Petros	kai	epi	tautē	tē	petra	
18	καὶ	δέ	σοι	λέγω	ὅτι	σύ	εἶ	Πέτρος	, καὶ	ἐπὶ	ταύτῃ	τῇ	πέτρῳ
I also	now	to you	say	that	you	are	Peter	and	on	this	the	rock	
PPro-N1S	Conj	PPro-D2S	V-PIA-1S	Conj	PPro-N2S	V-PIA-2S	N-NMS	Conj	Prep	DPro-DFS	Art-DFS	N-DFS	

3618 [e]	1473 [e]	3588 [e]	1577 [e]	2532 [e]	4439 [e]	86 [e]	3756 [e]	2729 [e]	846 [e]
oikodomēsō	mou	tēn	ekklēsia	kai	pylai	hadou	ou	katischysousin	autēs
οἰκοδομήσω	μου	τὴν	ἐκκλησίαν	, καὶ	πύλαι	ᾧ	οὐ	κατισχύσουσιν	αὐτῆς
I will build	My	-	church	and	[the] gates	of hades	not	will prevail against	it
V-FIA-1S	PPro-G1S	Art-AFS	N-AFS	Conj	N-NFP	N-GMS	Adv	V-FIA-3P	PPro-GF3S

Petros: Peter, a Greek name meaning rock. Apparently a primary word; a rock; as a name, Petrus, an apostle.

4073 *pētra* (a feminine noun) – “a mass of connected rock,” which is distinct from **4074** (*Pétros*) which is “a detached stone or boulder” (A-S). **4073** (*pētra*) is a “solid or native rock, rising up through the earth” (Souter) – a huge mass of rock (a boulder), such as a projecting cliff.

Trong Ma-thi-ơ 16:18, Chúa Giê-su phán với Phê-rô: “Con là Phi-e-rô [Petros], và trên đá này [petra] Ta sẽ xây Hội Thánh Ta.” Tên Phê-rô chắc chắn có sự liên hệ với hình ảnh “đá” trong câu này. Tuy nhiên, điểm quan trọng cần lưu ý là Chúa Giê-su không nói rằng Phê-rô là nguồn gốc hay nền tảng tối hậu của Hội Thánh. Chính Chúa Giê-su là Đấng phán: “Ta sẽ xây Hội Thánh Ta.” Hội Thánh thuộc về Ngài và chính Ngài là Đấng xây dựng Hội Thánh.

Phê-rô, cùng với các sứ đồ, có một vai trò vô cùng đặc biệt trong lịch sử cứu chuộc mà những tín hữu thuộc các thế hệ sau không có. Ê-phê-sô 2:20 mô tả Hội Thánh là những người “được xây trên nền của các sứ đồ và các nhà tiên tri, chính Đấng Christ Giê-su là đá góc nhà.” Như vậy, các sứ đồ và các nhà tiên tri giữ vai trò nền tảng trong việc công bố sự mặc khải và Phúc Âm của Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-su Christ vẫn là đá góc nhà quyết định phương hướng, sự vững chắc và bản chất của toàn bộ Hội Thánh. Sứ điệp nền tảng mà các sứ đồ công bố không phải về chính họ nhưng về Chúa Giê-su Christ: Ngài là Đấng Cứu Thế, đã chịu chết vì tội lỗi, đã sống lại và là Đấng duy nhất ban sự cứu rỗi.

Chính Phê-rô cũng sử dụng hình ảnh này trong 1 Phê-rô 2:4–6. Ông gọi Chúa Giê-su là “hòn đá sống” (lithos zōn), bị loài người loại bỏ nhưng được Đức Chúa Trời lựa chọn và quý trọng. Sau đó, Phê-rô nói rằng những người tin Chúa cũng “như những hòn đá sống” (lithoi zōntes), đang được xây dựng thành một “nhà thuộc linh.” Như vậy, Phê-rô không trình bày Hội Thánh như một công trình trong đó mọi người được xây dựng trên chính ông; ông hướng người đọc đến Đấng Christ là hòn đá được Đức Chúa Trời lựa chọn và là đá góc nhà.

Hình ảnh này giúp chúng ta hiểu rõ bản chất của Hội Thánh. Chúa Giê-su không chỉ là người sáng lập Hội Thánh nhưng còn là đầu của Hội Thánh (Ê-phê-sô 1:22–23; Cô-lô-se 1:18) và đá góc nhà của Hội Thánh (Ê-phê-sô 2:20). Các sứ đồ có chức vụ nền tảng đặc biệt, còn tất cả những người tin Chúa thuộc mọi thế hệ giống như những “hòn đá sống” được Đức Chúa Trời kết hợp lại để xây dựng một nhà thuộc linh.

Điều này cũng dẫn đến một ứng dụng rất quan trọng. Người tin Chúa không phải là những “viên đá” tồn tại riêng lẻ. Đức Chúa Trời đặt chúng ta cùng với những anh chị em khác để xây dựng Hội Thánh của Ngài. Mỗi tín hữu được kêu gọi sống một đời sống phản ánh Chúa Giê-su, phục vụ lẫn

nhau và cùng nhau rao truyền những công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Phê-rơ khẳng định: “Anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức tế lễ hoàng gia, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời,” với mục đích “rao truyền những công việc kỳ diệu của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng diệu kỳ của Ngài” (1 Phê-rơ 2:9).

Vì vậy, theo cách giải thích Tin Lành này, Ma-thi-ơ 16 không nên được hiểu là Phê-rơ thay thế Chúa Giê-su để trở thành nền tảng tối hậu của Hội Thánh. Phê-rơ có một vị trí đặc biệt trong hàng ngũ các sứ đồ và đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn khai sinh Hội Thánh. Tuy nhiên, Đấng Christ vẫn là đầu, đá góc nhà và nền tảng tối hậu; các sứ đồ là những người được Ngài sử dụng để đặt nền qua việc làm chứng và công bố Phúc Âm; còn tất cả tín hữu là những “hòn đá sống” được xây dựng trên Đấng Christ để trở thành nhà thuộc linh của Đức Chúa Trời.

1-Phê-rơ 2:4-5 chép:

<i>4Hầy đến cùng Ngài là tảng đá sống (Lithon – A stone), đã bị loài người loại bỏ nhưng được Đức Chúa Trời chọn lựa và quý trọng. 5Anh chị em cũng được xem như những tảng đá (Lithoi) sống được dùng để xây dựng nhà thiêng liêng, và qua Chúa Cứu Thế Giê-su anh chị em sẽ nên thấy tế lễ thánh để dâng sinh tế thiêng liêng đẹp lòng Đức Chúa Trời. (1 Phê-rơ 2:4-5)</i>	<i>4Coming to Him as to a living stone (Lithon – a stone), rejected indeed by men, but chosen by God and precious, 5you also, as living stones (Lithoi), are being built up a spiritual house, a holy priesthood, to offer up spiritual sacrifices acceptable to God through Jesus Christ. (1 Peter 2:4-5)</i>
--	--

1 Phê-rơ 2:4–5 đặc biệt quan trọng khi được đặt bên cạnh Ma-thi-ơ 16:18. Trong Ma-thi-ơ 16, Chúa Giê-su phán với Phê-rơ: “Con là Phi-e-rơ, và trên đá này Ta sẽ xây Hội Thánh Ta.” Phê-rơ có một vai trò đặc biệt trong sự hình thành Hội Thánh thời các sứ đồ, nhưng chính Chúa Giê-su mới là Đấng xây dựng Hội Thánh: “Ta sẽ xây Hội Thánh Ta.” Nhiều năm sau, chính Phê-rơ dùng lại hình ảnh về đá để giải thích rõ hơn bản chất của Hội Thánh. Trong 1 Phê-rơ 2:4–5, ông không đặt chính mình làm trung tâm nhưng gọi Chúa Giê-su là “hòn đá sống,” còn tất cả những người tin Chúa cũng là “những hòn đá sống” được xây dựng thành một “nhà thuộc linh.” Điều này cho thấy Phê-rơ là một “viên đá” có vai trò đặc biệt trong công trình của Chúa, nhưng ông không phải là viên đá duy nhất; mọi tín hữu đều được Đức Chúa Trời dùng để xây dựng Hội Thánh. Đặc biệt, ngay sau đó Phê-rơ trích dẫn Ê-sai và xác định Đấng Christ là “đá góc nhà được lựa chọn và quý báu” (1 Phê-rơ 2:6). Vì vậy, khi đọc Ma-thi-ơ 16 cùng với 1 Phê-rơ 2:4–6 và Ê-phê-sô 2:20, chúng ta thấy một bức tranh thống nhất: Chúa Giê-su là Đấng xây dựng Hội Thánh và là đá góc nhà; các sứ đồ, trong đó Phê-rơ giữ một vai trò đặc biệt, tham gia đặt nền cho Hội Thánh qua việc công bố Phúc Âm; còn tất cả tín hữu là những “hòn đá sống” được kết hợp với nhau để xây dựng nhà thuộc linh của Đức Chúa Trời.

Ma-thi-ơ 18:18-20 chép:

“¹⁸Thật, Ta bảo các con, hễ điều gì các con buộc ở dưới đất cũng sẽ bị buộc ở trên trời; và điều gì các con mở ở dưới đất cũng sẽ được mở ở trên trời. ¹⁹Ta lại bảo các con, nếu hai người trong các con hiệp ý với nhau ở dưới đất mà cầu xin bất cứ điều gì thì Cha Ta ở trên trời sẽ ban cho họ. ²⁰Vì nơi nào có hai, ba người nhân danh Ta họp nhau lại thì Ta sẽ ở giữa họ.” (Ma-thi-ơ 18:18-20)

Ma-thi-ơ 18:18–20 rất quan trọng khi đặt bên cạnh Ma-thi-ơ 16:18–19, vì nó giúp chúng ta hiểu rõ hơn về “quyền buộc và mở.” Trong Ma-thi-ơ 16:19, Chúa Giê-su nói trực tiếp với Phê-rô: “Ta sẽ giao chìa khóa vương quốc thiên đàng cho con; điều gì con buộc dưới đất sẽ bị buộc trên trời, và điều gì con mở dưới đất sẽ được mở trên trời.” Công giáo xem đây là một trong những nền tảng quan trọng cho thẩm quyền đặc biệt của Phê-rô. Tuy nhiên, trong Ma-thi-ơ 18:18, Chúa Giê-su sử dụng gần như cùng một ngôn ngữ khi phán với các môn đồ: “Thật, Ta bảo các con, điều gì các con buộc dưới đất sẽ bị buộc trên trời, và điều gì các con mở dưới đất sẽ được mở trên trời.” Điểm đáng chú ý là Ma-thi-ơ 16 dùng đại từ số ít hướng đến Phê-rô, còn Ma-thi-ơ 18 dùng số nhiều hướng đến cộng đồng môn đồ. Vì vậy, quyền “buộc và mở” không thể được hiểu đơn giản là quyền chỉ dành riêng cho Phê-rô.

Ngữ cảnh của Ma-thi-ơ 18 càng làm điều này rõ hơn. Ma-thi-ơ 18:15–17 đang nói về việc xử lý một người anh em phạm tội: trước hết gặp riêng người ấy; nếu không nghe thì đem theo một hoặc hai người; nếu vẫn không nghe thì trình với Hội Thánh; và nếu người ấy tiếp tục không nghe Hội Thánh thì phải có biện pháp kỷ luật. Ngay sau đó Chúa mới nói về quyền “buộc và mở” (c.18). Vì vậy, trong ngữ cảnh này, “buộc và mở” liên quan đến thẩm quyền mà Chúa ban cho Hội Thánh để thực thi kỷ luật, phân định và áp dụng sự dạy dỗ của Ngài. Thẩm quyền ấy không phải quyền tự quyết độc lập với Đức Chúa Trời, nhưng phải được thực hiện dưới thẩm quyền của Chúa và phù hợp với ý muốn của Ngài.

Ma-thi-ơ 18:19–20 tiếp tục đặt thẩm quyền ấy trong bối cảnh cộng đồng: “Nếu hai người trong các con đồng ý với nhau...”; và “Vì nơi nào có hai hoặc ba người nhân danh Ta nhóm nhau lại, thì Ta ở giữa họ.” Câu 20 vì vậy không chỉ là một lời hứa rằng Chúa hiện diện trong một buổi nhóm ít người. Trong ngữ cảnh trực tiếp, nó liên hệ với việc Hội Thánh cùng nhau phân định và thực hiện kỷ luật trong danh Chúa. Thẩm quyền của Hội Thánh không đến từ một cá nhân tự mình quyết định, nhưng từ chính Chúa Giê-su đang hiện diện và cai trị Hội Thánh của Ngài.

Khi đọc Ma-thi-ơ 16:18–19, Ma-thi-ơ 18:18–20 và 1 Phê-rô 2:4–6 cùng nhau, chúng ta có thể thấy một bức tranh rộng hơn. Phê-rô có một vai trò đặc biệt trong sự hình thành Hội Thánh, nhưng ông không đứng tách biệt khỏi các sứ đồ và Hội Thánh. Trong Ma-thi-ơ 16, Phê-rô nhận “chìa khóa” và quyền “buộc và mở”; trong Ma-thi-ơ 18, quyền “buộc và mở” cũng được trao cho cộng đồng môn đồ; và trong 1 Phê-rô 2, chính Phê-rô mô tả Chúa Giê-su là “Hòn Đá Sống” và mọi tín hữu là những “hòn đá sống” được xây dựng thành nhà thuộc linh.

Do đó, từ cách giải thích Tin Lành, Ma-thi-ơ 16 không nhất thiết thiết lập Phê-rô như một người có quyền tuyệt đối trên toàn thể các sứ đồ và Hội Thánh. Phê-rô có vai trò nổi bật và đặc biệt, nhưng thẩm quyền thuộc linh không dừng lại ở cá nhân ông. Chúa Giê-su là Đấng xây Hội Thánh, là đá góc nhà và là Đấng hiện diện giữa Hội Thánh; các sứ đồ được trao thẩm quyền để đặt nền và công bố Phúc Âm; còn Hội Thánh được trao trách nhiệm thực thi sự dạy dỗ và kỷ luật dưới thẩm quyền của chính Đấng Christ.

Do đó việc giáo hội Công Giáo La-mã đầu tiên dùng câu Kinh Thánh này để lập luận rằng Đức Giáo Hoàng là truyền nhân được Chúa chọn sau Phê-rô là không có cơ sở. Những người Tin Lành tin rằng chỉ có Kinh Thánh mới có thẩm quyền tuyệt đối vì Kinh Thánh là do chính Đức Chúa Trời viết ra. Không có một con người nào dưới đất này có thẩm quyền tuyệt đối và thay mặt Đức Chúa Trời để điều hành Hội Thánh trên đất.

2. Lập luận thứ hai: Phê-rô được Chúa Giê-su cầu nguyện đặc biệt trong Lu-ca 22:31-32.

Đây là nền tảng mà Công Giáo La-mã dùng cho việc suy luận Đức Giáo Hoàng là vô ngộ. Công Giáo La-mã lập luận rằng các giáo hoàng có thể phạm tội cá nhân, có thể vô đạo đức, có thể bị chính trị chi phối, ... nhưng đức giáo hoàng không bao giờ sai lầm khi đưa ra tuyên bố Ex Cathedra (tuyên phán từ ngai và với tư cách chính thức). Một tuyên bố được xem là Ex Cathedra khi thỏa 4 điều kiện sau: (1) phát biểu với tư cách là người đứng đầu giáo hội; (2) nội dung liên quan đến đức tin hay luân lý; (3) Có quyết định cuối cùng về một giáo lý nào đó; (4) Bắt buộc toàn thể Hội Thánh phải tin theo. Hay nói cách khác, phần lớn phát biểu và sự dạy dỗ của Đức Giáo Hoàng không phải tuyên ngôn Ex Cathedra.

Trong bối cảnh này, Chúa Giê-su vừa dự buổi lễ Vượt Qua cuối cùng trên phòng cao cùng với 12 sứ đồ. Trong bữa tối này Chúa Giê-su đã cảnh báo sẽ có một người trong số 12 sứ đồ sẽ phản Ngai. Sau khi đã dự bánh và chén và trước khi bữa ăn tối kết thúc, Ngài đã rửa chân cho các sứ đồ. Sau đó Ngài phán: *“²⁸Các con đã gắn bó với Ta trong những thử thách của Ta, ²⁹nên Ta ban vương quốc cho các con cũng như Cha Ta đã ban cho Ta vậy, ³⁰để các con được ăn uống chung bàn với Ta trong vương quốc Ta và được ngồi trên ngai để phán xét mười hai bộ tộc Y-sơ-ra-ên.”* Đến lúc này Chúa Giê-su phán trực tiếp với Si-môn tức Phê-rô: *“³¹Hỡi Si-môn, Si-môn, này, Sa-tan đòi sàng sảy các con như lúa mì. ³²Nhưng Ta đã cầu nguyện cho con để con không thiếu đức tin. Vậy, khi con quay trở lại, hãy làm cho anh em con mạnh mẽ.”* (Lu-ca 22:31-32). Sau đó Phê-rô đã hùng hồn tuyên bố rằng con sẵn sàng đồng tù đồng chết với Chúa. Chúa lại phán tiếp với ông hôm nay trước khi gã gậy ông sẽ chối Chúa ba lần.

Trong toàn bộ văn mạch này, thật khó để chúng ta chấp nhận rằng khi Chúa phán: *“Sa-tan đòi sàng sảy các con như lúa mì. ³²Nhưng Ta đã cầu nguyện cho con để con không thiếu đức tin.”* Nghĩa là Phê-rô sẽ không phạm sai lầm hay vô ngộ. Nếu thật Phê-rô vô ngộ thì ông không thể nào phạm những sai lầm sau khi đã nhận Thánh Linh như những môn đồ khác. Trái lại Kinh Thánh tiếp tục ghi lại một Phê-rô không toàn hảo như những môn đồ khác. Sau đây là bản tóm tắt những việc làm không đúng của Phê-rô, bị chất vấn, và ông cũng không phải là người ra quyết định cuối cùng hay có thẩm quyền tuyệt đối trên các sứ đồ khác, được chép trong các sách Tân Ước.

Sự kiện	Kinh Thánh	Ý nghĩa
Phê-rô do dự việc tinh sạch và không tinh sạch; người ngoại và người Do Thái.	Công Vụ 10:14	Chưa hiểu trọn ý Chúa
Khi Phê-rô quay trở lại Giê-ru-sa-lê-m, những tín hữu Do Thái đã chất vấn ông tại sao ông lại vào nhà và ăn cùng với người ngoại?	Công Vụ 11:2-3	Không có thẩm quyền tuyệt đối
Trong hội nghị này, cả Phê-rô, Phao-lô, và Ba-na-ba trình bày. Gia-cơ là người đưa ra kết luận cuối cùng.	Công Vụ 15:6-21	Không đứng đầu Hội Thánh
Bị Phao-lô quở trách do đạo đức giả về việc tinh sạch hay không tinh sạch.	Ga-la-ti 2:11-14	Có thể sai và gây gương xấu
Tự xưng “đồng trưởng lão”	1-Phê-rô 5:1	Bình đẳng chức vụ

Cuối cùng, lịch sử Hội Thánh Công Giáo La-mã đã ghi chép lại rất nhiều giáo hoàng đã phạm vô số tội lỗi và đưa ra những phán quyết sai lầm. Hàng chục giáo hoàng (Honorius 638, Sergius III

904-911 phạm tội tà dâm và có hai con trai, Gregory VII 1073-1085, Urban II 1088-1099 bán bùxa tội (indulgence) cho người tham gia thập tự chinh, Innocent III 1198-1216, Boniface VIII 1294-1303 xá tội cho những ai hành hương đến Rô-ma, thời kỳ có nhiều giáo hoàng cùng một lúc 1378 – 1417, Sixtur IV bán xá tội cho người chết, Alexander VI 1492-1503 có quan hệ bất chính với các phụ nữ trong Va-ti-can...) đã dính líu đến chính trị đẫm máu, bán chúc thánh, bán bùxa tội, che chở và dung túng tội lỗi, sống vô đạo đức và phạm tội tà dâm, ra những quyết định gây tổn hại đến Hội Thánh. Tuy nhiên Công Giáo La-mã luôn luôn lập luận rằng các Giáo Hoàng có thể phạm tội cá nhân nhưng không bao giờ sai lầm khi đưa ra tuyên bố Ex Cathedra.

Giáo Hội Công Giáo La-mã chỉ đồng ý có hai tuyên bố Ex Cathedra do Đức Giáo Hoàng tuyên phán trong toàn bộ lịch sử của Giáo Hội. Năm 1854, Giáo Hoàng Pio IX kết luận về tín điều Đức Maria vô nhiễm nguyên tội. Năm 1950, Giáo Hoàng Pio XII tuyên phán tín điều Đức Maria lên trời. Có thực sự hai tín điều này đúng với Kinh Thánh?

3. Lập luận thứ ba và thứ tư: Chính Chúa Giê-su phán với Phê-rô 3 lần: hãy chăn chiên Ta (Giăng 21:15-17).

Công Giáo La-mã giải thích rằng, Chúa đã giao toàn bầy cho Phê-rô nên ông có thẩm quyền trên tất cả các giám mục khác. Hơn nữa, trong hầu hết các sự kiện trong vòng 3 năm Chúa Giê-su thi hành chức vụ, vai trò của Phê-rô như là người đại diện cho các sứ đồ khác để phát ngôn cho Chúa.

Tuy nhiên, không có bất kỳ một nơi nào trong Kinh Thánh nói về quyền tối thượng của Phê-rô so với các sứ đồ khác. Ngược lại, Phê-rô phát biểu rất nhiều nhưng ông cũng là người có những phát ngôn có thể nói rất hời hợt, bộc phát, và thậm chí vô nghĩa (Ma-thi-ơ 19:27). Nếu so với Giăng thì Phê-rô không thể nào nói là có sự chín chắn nhiều hơn. Nếu so với Phao-lô thì Phê-rô cũng khó mà bắt kịp; thậm chí Phê-rô bị chính Phao-lô lên án là đạo đức giả (Ga-la-ti 2:11-14).

Việc Chúa giao “chăn bầy chiên Ta” cho Phê-rô không có gì hơn là Ngài cũng đang trao trách nhiệm này cho không biết bao nhiêu Giám mục, Trưởng Lão, và Mục sư trong suốt lịch sử Hội Thánh Chúa. Trong Công Vụ 20:28, Phao-lô viết cho các Trưởng Lão tại Ê-phê-sô rằng: “*Anh em hãy giữ chính mình và luôn cả bầy chiên mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chặn dắt Hội Thánh của Đức Chúa Trời mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình.*”. Cuối cùng, trong hội nghị đầu tiên tại Giê-ru-sê-lem, Phê-rô không có thẩm quyền tuyệt đối trên các sứ đồ và môn đồ khác.

Do đó việc dùng Giăng 21:15-17 để cho rằng Giáo Hoàng có thẩm quyền tuyệt đối trên các giám mục khác và không chịu trách nhiệm trước các giám mục là một lập luận không chắc chắn và không dựa vào Kinh Thánh.

4. Các lập luận khác:

Các lập luận từ thứ 5 đến thứ 7 gần như dựa vào truyền thống giáo hội và không có những bằng chứng rõ ràng từ Kinh Thánh. Do đó nếu chúng ta, những người Tin Lành, tin vào thẩm quyền tuyệt đối của Kinh Thánh và không tin vào truyền thống giáo hội, thì các lập luận này là vô căn cứ.

Sự Cứu Rỗi (Salvation)

Công Giáo La-mã

Trước khi tìm hiểu về sự Cứu Rỗi, chúng ta hãy phân biệt tội trọng và tội nhẹ theo sự dạy dỗ của Giáo Hội Công Giáo La-mã.

- **Trọng tội (Mortal sin):** là tội phá vỡ mối quan hệ với Thiên Chúa, làm mất ân sủng thánh hóa, và nếu chết trong tình trạng này thì không được cứu. Trọng tội được định nghĩa là các tội lớn (thờ thần tượng, giết người, tà dâm) và người phạm tội đã biết nhưng vẫn cố ý phạm. Một người khi đã phạm trọng tội thì bắt buộc phải xưng tội với linh mục để được giải tội. Nếu người này không xưng trọng tội này và không ăn năn trước khi chết thì người này sẽ không được cứu.
- **Tội nhẹ (Venial sin):** là tội làm tổn thương mối quan hệ với Thiên Chúa, nhưng không cắt đứt ân sủng cứu rỗi. Đối với tội nhẹ thì người phạm tội chỉ cần cầu nguyện, làm việc lành và dự Thánh Thể thì sẽ được tha. Tội nhẹ không ảnh hưởng đến sự cứu rỗi đời đời.

Công Giáo La-mã dạy rằng sự cứu rỗi là ân sủng của Đức Chúa Trời, được ban qua Đức Giê-su, được thông truyền trong Hội Thánh, và được con người tiếp nhận bằng đức tin và việc lành. Theo cách giải thích này thì sự cứu rỗi không hoàn toàn do Đức Chúa Trời/Chúa Giê-su nhưng có sự dự phần của Hội Thánh và công việc lành của loài người.

Cũng theo sự hướng dẫn của Giáo Hội Công Giáo La-mã thì sự xưng công chính (thánh sạch trước Chúa) là một quá trình chứ không phải tại thời điểm tuyên xưng niềm tin của mình. Quá trình này bắt đầu nhờ ân sủng từ Chúa và bởi đức tin của một người. Sau đó, người này phải nhận phép Rửa Tội để bắt đầu bước vào quá trình xưng công chính. Để người này có thể giữ được sự công chính của mình thì người này phải nhận Thánh Thể và làm việc thiện lành. Trong quá trình này, nếu người này cố ý phạm trọng tội và không xưng nhận với giám mục thì sẽ bị mất sự cứu rỗi. Còn những người phạm tội nhẹ, không ăn năn kịp trước khi chết nhưng không cố ý và có mong muốn hối cải thì khi chết sẽ về chỗ tạm để chờ luyện tội. Người sống cũng có thể làm việc lành để giúp những người này sớm thoát khỏi nơi luyện tội để về thiên đàng.

Tóm lại, theo sự hướng dẫn của Giáo Hội Công Giáo La-mã, sự cứu rỗi phải bao gồm bốn phần cốt lõi và không thể tách rời:

1. Ân sủng (Grace)
 2. Đức tin (Faith)
 3. Phép rửa tội và Thánh Thể được ban cho bởi Hội Thánh.
 4. Việc lành (Works)
1. **Ân Sủng:** Công giáo La-mã tin rằng loài người thừa hưởng nguyên tội từ A-đam và Ê-va nên có bản tính bị tổn thương và có xu hướng phạm tội. Do đó loài người mất ân sủng của Đức Chúa Trời. Từ đây Công Giáo La-mã cho rằng con người không thể tự cứu mình nhưng có thể đáp ứng lại ân sủng vì họ chỉ có bản tính bị tổn thương và có xu hướng phạm tội. Hay nói cách khác việc một người đến và nhận ân sủng từ Chúa là do ý chí và sự đáp ứng của người đó bởi đức tin.
 2. **Đức Tin:** Trong niềm tin cứu rỗi, Công Giáo La-mã cũng tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế duy nhất và là Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su được sinh bởi nữ đồng trinh Ma-ri nên Ngài không có nguyên tội. Ngài sống 33 năm không hề phạm tội nên Ngài cũng không có kỷ tội.

Chính vì thế Ngài là vật sinh tể toàn hảo dâng chính mình một lần đủ cả cho toàn nhân loại. Chỉ có qua sự chết của Ngài trên thập tự giá, con người mới trở về lại với Đức Chúa Trời. Công Giáo La-mã cũng dạy rằng Chúa Giê-su là Thân Vị thứ hai và cũng tin vào Đức Chúa Trời Tam Vị Nhất Thể.

3. Rửa Tội và Thánh Thể: Theo sự hướng dẫn của giáo hội Công Giáo La-mã, sau khi một đã tin vào những điều đã nêu ở trên, phép rửa tội bắt buộc phải được thực hiện để người này bắt đầu bước vào sự cứu rỗi vì hai lí do chính sau: (1) phép rửa tội xóa bỏ đi nguyên tội; và (2) phép rửa tội ban ân sủng thánh hóa và mở cánh cửa để một người có thể bước vào quá trình thánh hóa.

Phép rửa tội phải được thực hiện bởi một linh mục và phải được thực hiện trong nhà thờ, giáo xứ. Do đó, thẩm quyền của linh mục, nhà thờ hay giáo xứ là vô cùng lớn đối với sự cứu rỗi của một người. Theo sự giải thích này, cho dù một người có tin nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa nhưng nếu không được một linh mục làm lễ rửa tội thì người này sẽ không thể được tha tội và được cứu.

Sau khi đã nhận được phép rửa tội, người này cũng phải dự Thánh Thể liên tục. Công Giáo La-mã dạy rằng khi dự Thánh Thể, người này sẽ hiệp thông với Đấng Christ (Giăng 6:65) do đó Thánh Thể sẽ nuôi dưỡng và làm trưởng thành tâm linh.

4. Việc Lành: Giáo Hội Công Giáo La-mã khẳng định rằng việc lành không phải khởi nguyên của sự cứu rỗi; Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế Giê-su là khởi nguyên của sự cứu rỗi. Hay nói cách khác, Công Giáo La-mã bác bỏ lập luận rằng sự cứu rỗi có được là do việc lành. Tuy nhiên Công Giáo La-mã cũng cho rằng, sau khi tin nhận Chúa Giê-su và sau khi đã nhận phép Rửa Tội thì đức tin đó phải đi kèm với việc lành để duy trì sự cứu rỗi. Hay nói cách khác, Công Giáo La-mã dạy rằng, việc lành không mang đến sự cứu rỗi nhưng thiếu việc lành thì cũng không có sự cứu rỗi. (Ga-la-ti 5:6, Gia-cơ 2:17). Tín đồ sau khi đã tuyên xưng niềm tin, đã nhận phép Rửa Tội, đã nhận Thánh Thể, phải tiếp tục được chứng thực là có làm việc lành bởi Hội Thánh thì mới đảm bảo sự cứu rỗi.

Tin Lành

Đối với người Tin Lành, sự cứu rỗi đến với một người là nhờ Ân Điển của Đức Chúa Trời và bởi đức tin của chính người đó (Eph 2:8-9; 1 Pet 1:5; 1Pet 1:18-20; Rom 1:17; Rom 6:23; Rom 10:9-12; Giăng 3:16; ...). Do đó, người Tin Lành tin rằng sự cứu rỗi chỉ gồm hai phần: Ân điển từ Đức Chúa Trời và Đức tin của người đó. Nếu nhìn từ lăng kính của Đức Chúa Trời thì sự cứu rỗi chỉ bởi duy Đức Chúa Trời. Nếu chỉ nhìn từ lăng kính dưới ánh sáng mặt trời thì sự cứu rỗi đến chỉ bởi duy đức tin.

Người Tin Lành tin rằng loài người thừa hưởng nguyên tội từ A-đam và Ê-và nên có bản ngã là tội lỗi. Do đó loài người mất ân sủng của Đức Chúa Trời và không thể tự cứu mình. Hay nói cách khác, loài người không bao giờ có thể hiểu, tin và tự đến với Đức Chúa Trời nếu không do chính Ngài chọn, và mở mắt thuộc linh trước. Niềm tin cốt lõi của người Tin Lành đó là sự cứu rỗi là do chính Đức Chúa Trời bắt đầu, chính Đức Chúa Trời thực hiện qua Chúa Giê-su, và cũng do chính Chúa Giê-su hoàn tất trong ngày cuối cùng. Sự cứu rỗi 100% là món quà do chính Đức Chúa Trời ban tặng cho những ai thuộc về Ngài – đây chính là ân sủng hay ân điển. Hay nói cách khác, nếu nhìn theo lăng kính từ Đức Chúa Trời thì sự cứu rỗi hoàn toàn là do Ngài; con người không có phần nào trong sự cứu rỗi.

Tuy nhiên, dưới ánh sáng mặt trời, không một ai có thể nói Chúa không công bằng vì chọn người này nhưng không chọn người khác. Loài người cũng không thể nói Chúa đã tiền định cho một số người về âm phủ. Trong sự toàn tri và toàn năng của Ngài, Chúa biết người nào về âm phủ nhưng Ngài không chọn họ để về âm phủ. Hơn nữa, khi sống trên đất, tất cả loài người được Chúa ban ân sủng phổ quát (ánh sáng, nước, Ôxy, ...) giống nhau. Tất cả tạo vật bày tỏ vinh hiển của Ngài là giống nhau. Tất cả mọi người đều sống dưới các quy luật thiên nhiên giống nhau. Chúa dùng tiên tri, các nhà truyền giáo, và Hội Thánh mang đến Phúc Âm giống nhau. Do đó loài người đặt niềm tin của mình vào đâu hoàn toàn do quyết định cá nhân và chính Chúa sẽ phán xét quyết định này. Vì sự ban cho chân lý là giống nhau và mỗi người đều có ý chí tự do giống nhau, không một người nào có thể nói Chúa không công bình khi Ngài phán xét niềm tin của họ. Chính vì vậy mà khi nhìn dưới lăng kính dưới ánh sáng mặt trời thì sự cứu rỗi đến hoàn toàn là do đức tin của một người. Chúa Giê-su phán trong Giăng 3:16, 18: “*vì Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại đến nỗi đã ban con một của Ngài hầu cho hễ ai tin nhận con ấy sẽ không bị hư mất nhưng có sự sống vĩnh phúc... Ai tin con thì không bị kết án đâu, còn ai không tin thì đã bị kết án rồi ...*”. Người Tin Lành tin rằng, sự cứu rỗi đến hoàn toàn bởi đức tin; Phép Rửa Tội, Thánh Thể, và việc lành hoàn toàn không có phần trong sự cứu rỗi.

Do sự cứu rỗi là do Chúa bắt đầu, Chúa thực hiện, và Chúa hoàn tất nên loài người không thể mất sự cứu rỗi khi đã thật sự tin nhận và thật sự có Chúa Thánh Linh ngự trong lòng (Giăng 10:29, Rô-ma 8:1, 37-39, Phi-líp 1:6, Khải Huyền 13:8, Hê-bơ-rơ 5:9, 6:19-20, 7:25, ...). Cho dù người đó có phạm tội trọng hay tội nhẹ thì chính người này cũng không thể thay đổi được ý định và công việc của Đức Chúa Trời. Nên nhớ rằng sự cứu rỗi là do chính Đức Chúa Trời bắt đầu từ trước vô cùng, do chính Ngài thực hiện và do chính Ngài hoàn tất trong ngày phán xét cuối cùng. Vậy ai có thẩm quyền để thay đổi ơn cứu rỗi mà chính Chúa đã ban cho? Đây chính là khác biệt lớn giữa niềm tin về sự cứu rỗi giữa Tin Lành và Công Giáo.

Được Xưng Công Chính (Justification): Người Tin Lành cũng tin rằng sự cứu rỗi đến ngay tại thời điểm người đó tuyên xưng niềm tin của mình (Rô-ma 10:9-10). Khi một người tiếp nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa, phần linh của người này sẽ sống lại và có sự tương giao trở lại với Đức Chúa Trời. Phần linh này trở nên công chính trước Chúa ngay lập tức nhờ lớp áo công chính – là dòng huyết thánh của Chúa Giê-su chứ không phải đợi đến lúc nhận phép rửa tội.

Quá Trình Thánh Hóa (Progressive Sanctification): Sau khi phần linh đã được xưng công chính bởi dòng huyết của Chúa Giê-su, người này sẽ bắt đầu bước vào quá trình thánh hóa để ngày càng giống Chúa Giê-su nhiều hơn. Quá trình thánh hóa này diễn ra cho tới khi người này trút hơi thở cuối cùng. Mức độ được thánh hóa của một người phụ thuộc hoàn toàn vào sự vâng phục và làm theo mạng lệnh Chúa và chân lý từ Kinh Thánh. Nếu người này từ bỏ dần chính mình và để Chúa Thánh Linh chiếm hữu hướng dẫn thì mức độ thuộc linh của người này ngày càng tăng trưởng. Ngược lại, nếu người này vẫn muốn đáp ứng đòi hỏi xác thịt và không để Chúa Thánh Linh vận hành thì mức độ thuộc linh của người này vẫn sẽ èo uột và không trưởng thành. Tuy nhiên nếu một người đã thật sự có ấn chứng là Chúa Thánh Linh ngự trong lòng bởi việc tin nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa thì người này không bao giờ bị mất sự cứu rỗi.

Được Vinh Hiển (Glorification): Đến ngày cuối cùng, tất cả loài người đều phải ứng hầu trước mặt Chúa. Chính Ngài là Đấng ngồi trên ngai màu trắng sẽ phán xét tất cả loài người. Những người có tên trong sách sự sống tức những linh hồn có lớp áo công chính là huyết báu của Chúa Giê-su sẽ được tuyên xưng công chính đời đời và không phải qua sự phán xét. Những người này sẽ được

vinh hiển và ở cùng với Chúa đời đời. Lúc này, cả ba phần: hồn, linh, và xác của một người đã được hiệp nhất và được vinh hiển.

Cuối cùng, người Tin Lành tin rằng, khi một người đã có Chúa Thánh Linh ngự trong lòng thì người này ít nhiều gì cũng sẽ sinh bông trái Thánh Linh tức có sự thay đổi so với đời sống cũ. Một người cho rằng mình tin nhận Chúa nhưng không hề có bất kì thay đổi nào thì rất có thể người này chưa có sự cứu rỗi. Nên nhớ rằng khi chưa có sự cứu rỗi thì không thể nói mất sự cứu rỗi. Một cách thông thường, khi một người đã được cứu tức đã có Chúa Thánh Linh trong lòng, thì chính Đức Thánh Linh sẽ hướng dẫn người để người này bắt đầu làm theo chân lý và dần tránh xa các đòi hỏi của xác thịt. Người này sẽ bắt đầu có ham muốn làm những việc thiện lành theo Kinh Thánh dạy. Hay nói cách khác, các việc lành và những sự thay đổi là bằng chứng của sự cứu rỗi chứ bản thân chúng không hề dự phần gì trong sự cứu rỗi cả. Kẻ trộm trên thập tự giá cùng với Chúa Giê-su hoàn toàn không làm được bất kỳ việc gì cho Chúa nhưng Ngài phán: “hôm nay người sẽ về Ba-ra-đi với ta”.

Có thể tóm lược các điểm chính yếu khác nhau về sự cứu rỗi giữa Tin Lành và Công Giáo La-mã theo bảng sau:

Chủ đề	Tin Lành (Cải Chánh)	Công giáo La Mã
Nền tảng cứu rỗi	Ân sủng bởi đức tin (<i>sola gratia, sola fide</i>)	Nhờ ân sủng, được ban qua Đức Giê-su, được thông truyền trong Hội Thánh, và được con người tiếp nhận bằng đức tin và việc lành.
Vai trò Đức Giê-xu	Đầy trọn trên thập tự giá. Không cần thêm, không cần bớt.	Công việc Chúa là trung tâm, được thông ban qua Hội Thánh.
Được xưng công chính	Phần linh được xưng công chính ngay lập tức khi tin nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa.	Được biến đổi nội tâm và là một tiến trình.
Thời điểm công chính	Phần linh được xưng công chính tại thời điểm xưng nhận và toàn bộ (linh, hồn, xác) được vinh hiển khi Chúa quay trở lại lần hai.	Không chắc chắn vì sự xưng công chính là một quá trình. Nếu hoàn toàn vô tội trước khi chết thì được vinh hiển và về thiên đàng. Nếu không xưng nhận hết tội thì phải ở nơi luyện tội.
Quá trình thánh hóa	Từ thời điểm tin nhận đến lúc chết nhằm ngày càng giống Chúa Giê-su.	Cứu rỗi là cả một quá trình thánh hóa.
Phương tiện tiếp nhận	Đức tin cá nhân	Đức tin + Bí tích
Phép Rửa (Báp-têm)	Dấu hiệu của sự vâng phục	Là bí tích nhằm khai sinh ơn cứu rỗi
Thánh Thể (Tiệc Thánh)	Nhằm nhớ đến sự hy sinh (thân và huyết) của Chúa Giê-su trên thập tự giá.	Là bí tích – minh thật và huyết thật của Chúa Giê-su. Phải qua Thánh Thể thì tín đồ mới nhận được ân sủng.
Việc lành	Kết quả hay bông trái của sự cứu rỗi. Việc lành không có phần trong sự cứu rỗi.	Điều kiện để duy trì & tăng trưởng quá trình xưng công chính.
Tội lỗi	Tất cả loài người đều có tội và thiếu mất vinh hiển của Đức Chúa Trời. Không tập trung loại tội nhưng tập trung đến mức độ cố ý. Chỉ một tội không được tha: phạm	Trọng tội bị mất cứu rỗi; tội nhẹ có thể được tha nhưng phải xưng nhận. Nếu trước khi chết, không xưng hết tội thì không thể về thiên đàng nhưng ở nơi luyện tội.

	tội với Chúa Thánh Linh (không tin).	
Mất cứu rồi	Không (nếu được cứu thật)	Có thể mất vì trọng tội
Đảm bảo cứu rồi	Có sự chắc chắn	Không có bảo đảm tuyệt đối

Ma-ri và Các Thánh

Ma-ri

Có 5 sách trong Tân Ước nói về nhân vật Ma-ri: Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca, Giăng và Công Vụ. Sau đây là bảng tóm tắt các chương trong năm sách này nói về nhân vật Ma-ri.

#	Sách	Đoạn	Nội dung
1	Ma-thi-ơ	1:16-25; 2:11-23	Ma-ri là mẹ Chúa Giê-su, mang thai bởi Thánh Linh, các nhà thông thái gặp hài nhi Giê-su, trốn sang Ai Cập, trở về Ít-ra-ên và sống tại Na-xa-rét.
2	Mác	3:31-35; 6:3	Mẹ và em tìm Chúa, con trai của Ma-ri
3	Lu-ca	1:26-55; 2:5-51; 8:19-21; 11:27-28.	Thiên sứ truyền tin, tin và được xưng là được ơn trước Chúa, Ê-li-sa-bét chúc phước, Ma-ri cầu nguyện, sinh Chúa Giê-su, gặp các người chần chừ, ghi nhớ trong lòng, Si-mê-ôn nói tiên tri, Ma-ri và Chúa Giê-su ở đền thờ, Mẹ và em Ngài, phước cho người cư mang Chúa Giê-su.
4	Giăng	2:1-12; 6:42; 19:25-27	Tiệc cưới tại Ca-nan, hóa nước thành rượu, đồng hành cùng Ngài, đoàn dân nhận biết cha mẹ của Ngài, dưới chân thập tự.
5	Công Vụ	1:14	Cầu nguyện với Hội Thánh.

Nếu chỉ thuần túy đọc 5 sách trong Kinh Thánh Tân Ước nói về Ma-ri thì chúng ta sẽ không thấy có gì đặc biệt về bà. Vậy tại sao Giáo Hội Công Giáo La-mã lại nâng Ma-ri lên rất cao – cao nhất trong hàng các thánh và có những suy luận còn nâng Ma-ri lên gần như ngang hàng với Chúa Giê-su? Giáo Hội Công Giáo La-mã hướng dẫn 7 điều trọng yếu về Ma-ri: (1) là mẹ Đức Chúa Trời; (2) vô nhiễm nguyên tội; (3) trọn đời đồng trinh; (4) hồn xác lên trời; (5) trung gian và cầu thay cho tín hữu; (6) mẹ Hội Thánh; (7) nữ vương thiên đàng.

Mẹ Đức Chúa Trời

Giáo Hội Công Giáo La-mã lập luận rằng vì Chúa Giê-su có 100% nhân tính và 100% thần tính (là Đức Chúa Trời) nên Ma-ri được gọi là mẹ của Đức Chúa Trời (Theotokos) chứ không phải đơn thuần là mẹ của Đấng Christ Giê-su (Christotokos). Lý do cho tuyên bố này là nhằm để bảo vệ thần tính của Chúa Giê-su – tức Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời. Giáo Hội chỉ muốn nhấn mạnh rằng: Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời, do đó Ma-ri cũng được gọi là mẹ của Đức Chúa Trời. Giáo Hội cũng giải thích rõ rằng Ma-ri không sanh ra thần tánh của Đức Chúa Trời và Ma-ri không phải là cội nguồn của Đức Chúa Trời Tam Vị Nhất Thể.

Kính Kính Mừng

Kính mừng Ma-ri đầy ơn phúc,
Đức Chúa Trời ở cùng Bà;
Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ,

The Hail Mary

Hail, Mary, full of grace!
The Lord is with thee,
blessed art thou among women,

và Giê-su con lòng Bà gồm phúc lạ.
Thánh Ma-ri Đức Mẹ Chúa Trời,
cầu cho chúng con là kẻ có tội,
khi nay và trong giờ lâm tử. A-men.

and blessed is the fruit of thy womb, Jesus.
Holy Mary, Mother of God,
pray for us sinners, now, and in the hour of our
death. Amen.

Đối với Người Tin Lành: Người Tin Lành chỉ đơn thuần tin rằng là: Ma-ri là mẹ của Chúa Giê-su; bà thụ thai nhờ quyền phép của Chúa Thánh Linh; bà cưu mang và sinh hạ hài nhi Giê-su như bao nhiêu phụ nữ khác; hài nhi Giê-su sinh ra và lớn lên cũng như bao nhiêu em bé khác và hài nhi Giê-su cũng phải đối diện với tất cả những cám dỗ, yếu đuối, bất công, ... như bao nhiêu em bé khác. Chỉ có một điều khác biệt đó là Ngài có 100% nhân tánh và 100% thần tánh. Hay nói cách khác, khi còn sống trên đất, Chúa Giê-su cũng là Đức Chúa Trời nhập thể. Người Tin Lành không phản bác danh xưng: Ma-ri là Mẹ Đức Chúa Trời; nhưng người Tin Lành không lạm dụng để dùng danh xưng này. Người Tin Lành chỉ đơn thuần nói: Ma-ri là mẹ Chúa Cứu Thế Giê-su.

Vô Nhiễm Nguyên Tội

Theo sự hướng dẫn của Giáo Hội Công Giáo La-mã thì ngay từ lúc được thụ thai, Ma-ri đã không thừa hưởng nguyên tội từ A-đam và Ê-va. Sau đây là các lý do mà Giáo Hội dùng để củng cố cho lập luận này:

- Chúa Giê-su là Đấng Thánh; vậy Ma-ri cũng phải thánh sạch và không có nguyên tội để cưu mang Đấng Thánh.
- Đức Chúa Trời đã chuẩn bị từ trước vô cùng để Ma-ri không có nguyên tội nhằm cưu mang Đấng Thánh là Cứu Chúa Giê-su.
- Lu-ca 1:28 chép: Chính thiên sứ phán: “*“Hỡi người được ơn (highly favored one), chúc mừng cô! Chúa ở cùng cô!”*”. Cụm từ “*hỡi người được ơn – highly favored one*” ám chỉ rằng bà không có nguyên tội.
- Ê-li-sa-bét cũng chúc phước cho Ma-ri: “*Cô thật có phước trong giới phụ nữ, thai nhi trong bụng cô cũng được phước.*”⁴³ *“Do đâu tôi được vinh hạnh này, là mẹ của Chúa đến thăm tôi?”*
- Sáng Thế Ký 3:15: “*Ta sẽ làm cho mầy và người nữ, Dòng dõi mầy và dòng dõi người nữ thù nghịch nhau. Người sẽ giày đạp đầu mầy, Còn mầy sẽ cắn gót chân người.*”. Giáo Hội Công Giáo La-mã cho rằng người nữ trong câu này là Ma-ri. Để Ma-ri có thể sinh được một người và người đó giày đạp đầu Sa-tan thì Ma-ri phải vô nhiễm với nguyên tội.
- Ma-ri là Ê-va mới. Công Giáo La-mã lập luận rằng, Kinh Thánh đã bày tỏ Chúa Giê-su là A-đam thứ hai, là A-đam cuối cùng, vậy Ma-ri cũng có thể được xem là Ê-va mới. A-đam thứ nhất bất tuân và mang sự chết đến cho nhân loại (Rô-ma 5:12-21); A-đam cuối cùng (Chúa Giê-su) thuận phục hoàn toàn để mang đến sự sống đời đời cho những ai tin nhận Ngài. Tương tự như thế, Ê-va đã bất tuân nên mang tội lỗi đến cho nhân loại; nhưng qua sự thuận phục của Ma-ri, loài người được cứu con của Ma-ri.
- Ma-ri là rương giao ước mới. Câu chuyện về Ma-ri từ Na-xa-rét đến miền Giu-đê để gặp Ê-li-sa-bét và lưu lại đây trong 3 tháng (Lu-ca 1:39-56) tương đồng với câu chuyện Đa-vít rước rương giao ước từ Giu-đa về thành Đa-vít nhưng rương phải được để lại nhà Ô-bết Ê-đôm trong 3 tháng (2-Sa-mu-ên 6). Rương giao ước chứa bảng đá luật pháp, bánh Ma-na, và gậy trỏ bông của A-rôn. Đây là những vật tượng trưng cho sự nuôi dưỡng cả về thể xác lẫn thuộc linh cho tuyển dân. Hay nói cách khác rương giao ước chứa đựng sự sống thánh để nuôi dưỡng

tuyên dân. Khi U-xa chạm tay vào rương giao ước thì ông bị Chúa xử chết ngay lập tức. Do đó rương giao ước là rất thánh. Ma-ri cư mang Con Thánh nên bà cũng phải thánh – tức bà không thể có nguyên tội.

- Giáo Hội Công Giáo La-mã chấp nhận tuyên bố của Đức Giáo Hoàng Pi-ô IX năm 1854 là Ex Cathedra: Ma-ri vô nhiễm nguyên tội.

Đối với Người Tin Lành:

- Người Tin Lành chỉ đơn thuần tin vào thẩm quyền của Kinh Thánh do đó lập luận số 1 và số 2 của Giáo Hội chỉ đơn thuần là suy luận và từ truyền thống nên người Tin Lành không chấp nhận.
- Động từ “*được ơn*” xuất phát từ tiếng Hy Lạp là: *κεχαριτωμένη (kecharitōmenē)* được chia ở thể quá khứ phân từ - bị động để nói lên việc Ma-ri được chính Đức Chúa Trời chọn và ban ơn giống như mỗi Cơ Đốc Nhân. Trong Ê-phê-sô 1:6 dùng đúng gốc từ này: *ἐχαρίτωσεν (echaritōsen)* để nói về ân sủng mà Chúa ban miễn phí cho mỗi Cơ Đốc Nhân. Ghi chú rằng, cụm từ “*hỡi người được ơn – highly favored one*” không phải là “*đầy ân sủng (full of grace)*” như một số bản dịch. Thật ra, cụm từ “*đầy ân sủng*” được phán với Ê-tiên trong Công Vụ 6:8 để cho biết rằng Ê-tiên được đầy đầy Đức Thánh Linh. Do đó không thể nói rằng Thiên sứ phán “*hỡi người được ơn – highly favored one*” thì có thể kết luận rằng Ma-ri không có nguyên tội.
- Cũng vậy, Ê-li-sa-bét thốt lên rằng Ma-ri là người được phước trong giới phụ nữ thì chỉ đơn thuần bà được Chúa chọn để cư mang Đấng Cứu Thế. Câu này hoàn toàn không nói gì Ma-ri là vô nhiễm với nguyên tội.
- Sáng Thế Ký 3:15 chỉ đơn thuần nói về dòng dõi người nữ tức dòng dõi loài người. Chỉ có điều đặc biệt ở đây là Kinh Thánh lại nói về dòng dõi của người nữ chứ không phải dòng dõi của người nam. Điều này cho thấy Đấng Cứu Thế chỉ được sinh ra từ duy người nữ - tức người nữ đồng trinh. Vậy Đấng Cứu Thế mới là vô nhiễm nguyên tội chứ không phải người nữ đồng trinh vô nhiễm nguyên tội.
- Việc cho rằng Ma-ri là Ê-và mới chỉ là việc suy luận và Kinh Thánh hoàn toàn không đề cập đến. Hơn nữa lập luận này rất nguy hiểm vì nâng Ma-ri lên tương đồng với Chúa Giê-su.
- Cuối cùng người Tin Lành không tin và không chấp nhận phán quyết Ex Cathedra từ Đức Giáo Hoàng là vô ngộ do đó phán quyết của Đức Giáo Hoàng Pi-ô IX không phải là chân lý.

Đồng Trinh Trọn Đời

Giáo Hội Công Giáo La-mã dạy rằng Ma-ri đồng trinh trước khi sanh Chúa Giê-su, khi sanh Chúa Giê-su và sau khi sanh Chúa Giê-su. Giáo Hội trích dẫn trong Lu-ca 1:34 “*Ma-ri thưa với thiên sứ: “Tôi chưa ăn ở với người nam nào thì làm sao có được điều đó?”*” và cho rằng đây là ý định trọn của Ma-ri chứ không phải tại một thời điểm. Giáo Hội cũng trích dẫn Ma-thi-ơ 1:25: “*nhưng không ăn ở với nàng cho đến khi nàng sinh một con trai và đặt tên là GIÊ-SU*” và cho rằng từ “cho đến khi” thường được ám chỉ tình trạng không thay đổi sau đó. Nghĩa là ngay cả sau khi sanh, Giô-sép cũng không ăn nằm với Ma-ri. Về những phân đoạn Kinh Thánh nói về anh em của Chúa Giê-su như trong Ma-thi-ơ 13:55-56, Giáo Hội giải thích có thể hiểu theo 3 cách: (1) anh em họ; (2) con của một Ma-ri khác; (3) con riêng của Giô-sép. Hơn nữa Giáo Hội cho rằng khi Chúa Giê-su giao Ma-ri cho Giăng (Giăng 19:26-27), điều này chứng tỏ Ma-ri không có con khác.

Đối với Người Tin Lành: Nếu chỉ thuần túy đọc từ Kinh Thánh thì không thể nào có thể lý giải được Ma-ri là đồng trinh trọn đời. Kinh Thánh chỉ cho biết rất rõ Ma-ri còn đồng trinh lúc Thiên

Sứ xuất hiện và phán với cô. Sau đó Giô-sép cũng không ăn nằm với Ma-ri cho đến lúc sanh Chúa Giê-su. Kinh Thánh cũng dùng từ anh em (*ἀδελφοί* - *adelphoi*) để nói về anh em của Chúa Giê-su. Từ *ἀδελφοί* - *adelphoi* được dùng để nói về anh em ruột cùng cha mẹ hoặc anh em trong Hội Thánh có cùng niềm tin. Chữ này hoàn toàn không được dùng trong Kinh Thánh để nói về anh em bà con. Nếu là anh em họ, Kinh Thánh dùng từ *ἀνεψιός* (*anepsios*). Ví dụ trong Cô-lô-se 4:10 chép: “*Mác, anh em họ (ἀνεψιός) của Ba-na-ba cũng vậy.*”

Hồn Xác Lên Trời

Giáo Hội Công Giáo La-mã hướng dẫn rằng do Ma-ri không có nguyên tội, nên bà không trải qua sự chết về thể xác như loài người tội lỗi. Hơn nữa Giáo Hội Công Giáo La-mã cũng công nhận tuyên bố sau đây của Giáo Hoàng Pi-ô XII về Ma-ri là Ex Cathedra – nghĩa là tuyên bố này là vô ngộ.

“Đức Ma-ri, Mẹ Vô Nhiễm của Thiên Chúa, sau khi hoàn tất cuộc đời trần thế, đã được đưa lên vinh quang thiên đàng cả hồn lẫn xác.”

Hơn nữa, truyền thống của Giáo Hội không ghi nhận sự chết hay mồ của Ma-ri. Do đó Giáo Hội tin rằng Ma-ri không trải qua sự chết và xác của Ma-ri được vinh hiển tức về thiên đàng mà không cần phải đợi đến ngày Chúa Giê-su quay trở lại lần hai. Công Giáo La-mã cũng dùng hai nhân vật trong Kinh Thánh: Ê-nóc và Ê-li để củng cố về lập luận Ma-ri không trải qua sự chết.

Đối với Người Tin Lành: Người Tin Lành tin rằng tất cả loài người đều phạm tội (nguyên tội và kỷ tội) và thiếu mất vinh hiển của Đức Chúa Trời. Câu Kinh Thánh này không loại trừ một ai kể cả Ma-ri, Ê-nóc, và Ê-li. Chúa cất Ê-nóc và Ê-li đi không có nghĩa là họ không trải qua sự chết nhưng chỉ đơn thuần Chúa rước họ đi một cách rất đặc biệt vì họ có mối quan hệ mật thiết với Đức Chúa Trời. Ranh giới giữa sự sống dưới đất khi ở trong Chúa và sự sống trên thiên đàng là rất mờ nhạt nên Ê-nóc và Ê-li chỉ đơn thuần không thấy được sự rõ ràng của sự chết. Đây chính là hình ảnh mà Môi-se trải qua khi Kinh Thánh cho biết Chúa chôn Môi-se và không ai tìm thấy xác của Môi-se. Do đó người Tin Lành không tin rằng Ma-ri không trải qua sự chết và thân xác bà được vinh hiển ngay lập tức. Nếu hỏi bất kỳ sứ đồ nào câu hỏi: Ma-ri có già đi theo thời gian không? Nếu câu trả lời là có thì đây là bằng chứng của việc Ma-ri có nguyên tội và thân xác và cũng phải hư nát như tất cả loài người đã từng sống trên đất.

Trung Gian và Cầu Thay cho Tín Hữu

Giáo Hội Công Giáo La-mã đồng ý rằng chỉ có duy Chúa Giê-su là Đấng Trung Gian (1-Ti-mô-thê 2:5) và chỉ có Chúa Giê-su mới có quyền tha tội để mang sự cứu rỗi đến cho nhân loại. Hay nói cách khác, theo Giáo Hội, Ma-ri không thêm vào bất kỳ điều gì cho sự cứu rỗi qua Chúa Giê-su. Tuy nhiên, Giáo Hội cho rằng vì Ma-ri là mẹ của Chúa Giê-su, bà vô nhiễm với nguyên tội và là rương giao ước mới, nên bà có thể đến với Chúa Giê-su một cách trực tiếp. Công Giáo dùng một số hình ảnh trong Cựu Ước để củng cố luận điểm này như việc Bát-sê-ba xin vua Sô-lô-môn:

“¹⁹Vậy Bát Sê-ba đến gặp vua Sa-lô-môn để nói với vua giúp cho A-đô-ni-gia. Vua đứng dậy đón và cúi chào bà, rồi ngồi trên ngai mình. Vua truyền đặt một ngai nữa cho thái hậu để bà ngồi bên phải vua. ²⁰Bà nói: “Mẹ có một việc nhỏ xin con, mong con đừng từ chối.” Vua đáp: “Thưa mẹ, xin mẹ cứ nói, vì con sẽ không từ chối mẹ đâu.” ²¹Bà tiếp: “Hãy ban A-bi-sác, người Su-nem, làm vợ A-đô-ni-gia, là anh con.” ²²Nhưng vua Sa-lô-môn thưa với mẹ: “Sao mẹ lại xin A-bi-sác, người Su-nem, cho A-đô-ni-gia? Hãy xin vương quyền cho

anh ấy luôn đi, vì anh ấy là anh của con mà! Cũng hãy xin luôn cho thầy tế lễ A-bia-tha và cho Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia nữa!” (1-Các Vua 2:19-22).

Hay nói cách khác Công Giáo khuyến khích tín đồ dâng lời cầu nguyện của mình cho Mẹ Ma-ri để bà chuyển lời cầu nguyện này cho Chúa Giê-su và cầu thay cho chúng ta.

Hơn nữa, Giáo Hội cũng dùng Giảng 2:1-11 để lập luận rằng Chúa Giê-su sẽ làm theo lời thỉnh cầu của Ma-ri. Giảng 2:1-11 kể rằng khi Ma-ri cùng với Chúa Giê-su và các môn đồ Ngài dự tiệc cưới tại Ca-na thì hết rượu. Lúc này Ma-ri nói với Chúa Giê-su: *“Người ta không còn rượu nữa”* và Chúa Giê-su đã phán với bà: *“Thưa bà, việc này có liên can gì đến bà và tôi? Giờ của tôi chưa đến”*. Rõ ràng Chúa Giê-su muốn cho Ma-ri biết Ngài đang thi hành chức vụ Thánh mà Đức Chúa Trời giao cho mình do đó mối quan hệ mẹ-con không có ở đây. Tuy nhiên Ma-ri vẫn nói với những người phục vụ rằng: *“Người bảo gì thì hãy làm y như vậy”*. Sau đó Chúa Giê-su đã làm cho nước hóa thành rượu để tất cả mọi người dự tiệc có rượu dư đầy để dùng. Giáo Hội giải thích rằng, khi Ma-ri chuyển nhu cầu của những người dự tiệc sang cho Chúa Giê-su thì Ngài nhậm lời ngay cả việc đó không liên hệ đến mối quan hệ mẹ-con.

Mẹ của Hội Thánh

Giáo Hội Công Giáo La-mã dạy rằng, Ma-ri là mẹ của Chúa Giê-su và vì Chúa Giê-su là đầu của Hội Thánh nên Ma-ri là mẹ của Hội Thánh. Giáo Hội cũng dùng hình ảnh: Chúa Giê-su là đầu của Hội Thánh, Ma-ri là cổ, và tín đồ là các chi thể tức Hội Thánh. Trong Công Đồng Vatican II (1964) có dạy: *“Đức Trinh Nữ Ma-ri... được nhìn nhận là Mẹ của các chi thể của Đức Kitô, vì đã cộng tác bằng tình yêu để các tín hữu được sinh ra trong Hội Thánh... Bằng sự vâng phục, đức tin, niềm hy vọng và tình yêu cháy bỏng, Ma-ri đã cộng tác cách độc nhất vô nhị vào công trình cứu độ... Chúng tôi tuyên bố Đức Trinh Nữ Ma-ri là **Mẹ của Hội Thánh**, tức là của toàn thể dân Chúa.”*. Từ lăng kính Kinh Thánh, Giáo Hội dùng Giảng 19:26-27 cho lập luận này: *“Đức Chúa Jê-sus thấy mẹ Ngài và môn đồ Ngài yêu thương đang đứng gần thì nói với mẹ rằng: “Thưa bà, đó là con của bà!””* ²⁷Rồi Ngài nói với môn đồ ấy: *“Này là mẹ của con!”* Từ giờ đó, môn đồ này đem bà về nhà mình.”. Giáo Hội cho rằng khi Chúa Giê-su nói với Giảng: *“này là mẹ của con”* thì câu nói này đúng cho tất cả tín đồ trong lịch sử Hội Thánh. Hay nói cách khác, mỗi tín đồ sau khi đã tiếp nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa thì Ma-ri sẽ là mẹ của người đó. Do đó sẽ rất hợp lý khi con cầu nguyện với mẹ để mẹ trình dâng những lời cầu nguyện đó cho Chúa Giê-su.

Kinh dâng mình cho Đức Mẹ

Lạy Mẹ Maria là Mẹ nhân thay,
con xin dâng mình con cho Đức Mẹ
và cho chúng con hết lòng làm con Đức Mẹ,
thì ngày (đêm) hôm nay con xin dâng con mắt,
lỗ tai, miệng lưỡi, trái tim cùng tất cả thân mình
con cho Đức Mẹ.

Lạy Mẹ Maria là Mẹ khoan thay, nay con thuộc
về Đức Mẹ thì xin Đức Mẹ gìn giữ con như của
riêng Đức Mẹ vậy. Amen.

Act of Consecration to the Blessed Virgin Mary

O Mary, my Queen and my Mother,
I give myself entirely to you,
and to show my devotion to you,
I offer you this day my eyes, my ears, my
mouth, my heart, my whole being without
reserve.

Take me, O Mother, and place me entirely in
the hands of your Son. Use me, as you will,
entirely, and grant that I may serve your glory
and the salvation of souls. Amen.

Đối với Người Tin Lành: Người Tin Lành chỉ tin vào thẩm quyền tuyệt đối từ Kinh Thánh; không phải từ truyền thống cũng không phải từ giáo hội. Do đó tất cả những lập luận của Công Giáo để cho rằng Ma-ri là mẹ của tất cả tín đồ, Ma-ri là mẹ của Hội Thánh, và Ma-ri trình dâng các lời cầu nguyện và cầu thay cho con dân Chúa là không có cơ sở. Khi Chúa Giê-su nói với sứ đồ Giăng: “này là mẹ của con”, người Tin Lành chỉ đơn thuần hiểu rằng Chúa Giê-su đang gởi gắm mẹ mình để Giăng chăm sóc và Chúa đã làm trọn chữ hiệu của một người con trên đất – không hơn không kém.

Nữ Vương Thiên Đàng (Queen of Heaven)

Giáo Hội Công Giáo La-mã dạy Ma-ri là Nữ Vương Thiên Đàng (Queen of Heaven) vì bà là mẹ của Chúa Giê-su – là Vua trên thiên đàng. Công Đồng Vatican II (1964) khẳng định lại rằng: “*Bởi vì Ma-ri đã được đưa lên trời, Bà được hưởng vinh quang cao cả; các tín hữu tôn kính Bà như Nữ Vương vì vai trò Mẹ của Đức Kitô*”. Giáo Hội cũng dạy rằng Ma-ri ngồi bên phải Chúa Giê-su, cầu thay và che chở cho tín hữu. Để củng cố cho luận điểm này, Giáo Hội thường dùng hình ảnh Bát-sê-ba ngồi bên hữu vua Sô-lô-môn và có quyền chi phối các quyết định của Vua.

Giáo Hội cũng dùng Khải Huyền 12 và cho rằng người nữ trong phân đoạn này chính là hình ảnh của Ma-ri được vinh hiển bởi con nàng.

Đối với Người Tin Lành: Người Tin Lành chỉ đơn thuần tin rằng Ma-ri là một người phụ nữ kính sợ và vâng phục Chúa. Ma-ri cũng được phước so với loài người vì đã cưu mang và nuôi dưỡng Con Trời. Tuy nhiên, người Tin Lành không nâng Ma-ri lên để cho rằng bà là Nữ Vương Thiên Đàng. Trong Kinh Thánh dạy rằng chỉ duy Chúa Giê-su là ngồi bên hữu Đức Chúa Trời – không có bất kỳ ai, kể cả Ma-ri, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời (Mác 16:19, Công Vụ 2:33, Hê-bơ-rơ 1:3). Khải Huyền 3:21 cho biết: “*21Người nào thắng, Ta sẽ cho ngồi với Ta trên ngai Ta, như chính Ta đã thắng và ngồi với Cha Ta trên ngai của Ngai*.”. Hình ảnh ngồi cùng Ngai ở đây để nói về hình ảnh ở cùng chỗ Chúa cai trị chứ không phải có cùng thẩm quyền cai trị như Chúa. Do đó người Tin Lành không nâng Ma-ri lên và cho rằng bà ngồi bên phải Chúa Giê-su để trở nên Nữ Vương Trên Thiên Đàng.

Kinh Lạy Nữ Vương

Lạy Nữ Vương, Mẹ nhân lành, làm cho chúng con được sống, được vui, được cậy, thân lạy.

Mẹ! Chúng con, con cháu E-và ở chốn khách đầy kêu đến cùng Bà, chúng con ở nơi khóc lóc than thở kêu khẩn Bà thương.

Hỡi ôi! Bà là Chủ bầu chúng con, xin ghé mắt thương xem chúng con.

Đến sau khỏi đây, xin cho chúng con được thấy Đức Chúa Giêsu con lòng Bà gồm phúc lạ.

Ôi khoan thay, nhân thay, dịu thay, Thánh Maria trọn đời đồng trinh. Amen.

Salve Regina

Hail, holy Queen, Mother of mercy, our life, our sweetness, and our hope.

To you we cry, the children of Eve;
to you we send up our sighs, mourning and weeping in this land of exile.

Turn, then, most gracious advocate, your eyes of mercy toward us;

lead us home at last and show us the blessed fruit of your womb, Jesus:

O clement, O loving, O sweet Virgin Mary.

Các Thánh

Giáo Hội Công Giáo La-mã định nghĩa Thánh là những tín đồ được Đức Chúa Trời thánh hóa bởi đức tin vào Chúa Giê-su và sống trong sự hiệp thông với Ngài. Tuy nhiên Công Giáo La-mã cũng phong thánh cho những người sống đời sống đức tin mẫu mực, được tôn kính vì đời sống gương mẫu, đức ái và sự thánh thiện. Công Giáo nhấn mạnh các tín hữu học đời sống thánh từ các thánh đồ. Quá trình phong thánh (Canonization) trong Giáo Hội Công Giáo La-mã gồm 4 bước sau:

1. Tín hữu thánh thiện (Servant of God) – khởi đầu xét hồ sơ.
2. Đáng kính (Venerable) – xét đời sống gương mẫu.
3. Được ban ơn (Blessed) – cần ít nhất một phép lạ.
4. Phong thánh (Canonization) – cần thêm phép lạ thứ hai, chính thức tuyên bố.

Giáo Hội nhấn mạnh không tạo ra thánh nhưng chỉ công nhận những cuộc đời thánh. Giáo Hội cũng nhấn mạnh rằng các thánh không được tôn thờ nhưng chỉ được vinh danh và kính trọng. Sự vinh danh và kính trọng này cũng giống như việc chúng ta ngưỡng mộ và tôn trọng những người tài giỏi và nổi tiếng trong xã hội.

Giáo Hội cũng cho rằng do các thánh đã ở trên thiên đàng (không phải ở trong nơi luyện tội - Purgatory) nên tín đồ có thể nhờ các thánh đồ này cầu thay cho chúng ta – giống như việc nhờ Ma-ri cầu thay. Do đó không có gì sai trái khi tín đồ đến với các thánh, dâng trình những lời cầu nguyện của mình cho các thánh, để họ cầu thay cho chúng ta. Việc này cũng giống như chúng ta nhờ một ai đó cầu thay cho chúng ta trên đất.

Đối với Người Tin Lành: Người Tin Lành tin rằng tất cả những người tin nhận Chúa Giê-su làm cứu Chúa, có Chúa Thánh Linh ngự trong lòng, và có dòng huyết vô tội của Chúa Giê-su bao phủ đều được Đức Chúa Trời xưng là công chính hay thánh. Tuy nhiên, tất cả loài người trên đất đều là tội nhân, thiếu mất ân sủng của Chúa. Tất cả loài người phải tin vào danh Chúa Giê-su để nhận được sự cứu rỗi – cho dù người đó là Áp-ra-ham, Môi-se, Ê-li, Đa-vít, Ma-ri, ... Hơn nữa người Tin Lành chỉ tin rằng chỉ có duy Chúa Giê-su là Đấng Trung Bảo (1-Ti-mô-thê 2:5, Hê-bơ-rơ 9:15). Người Tin Lành tin rằng ngày nay chúng ta không cần thầy tế lễ, thầy tế lễ thượng phẩm, dâng sinh tế để đến với Đức Chúa Trời. Tất cả chúng ta cần là qua công việc làm của Con Một Của Ngài trên thập tự giá.

“¹⁹Vậy, thưa anh em, vì chúng ta nhờ huyết Đức Chúa Jêsus được dọn dĩ vào Nơi Chí Thánh, ²⁰bởi con đường mới và sống mà Ngài đã mở cho chúng ta ngang qua cái màn, nghĩa là ngang qua thân xác Ngài; ²¹lại vì chúng ta có một thầy tế lễ vĩ đại được lập lên cai trị nhà Đức Chúa Trời, ²²nên chúng ta hãy lấy lòng chân thật với niềm tin vững chắc, lòng được tẩy sạch khỏi lương tâm ác, thân thể rửa bằng nước tinh khiết mà đến gần Chúa.” (Hê-bơ-rơ 10:19-22).

Bí Tích (Sacraments)

Theo Giáo Hội Công Giáo La-mã, bí tích (Sacraments) là dấu chỉ hữu hình và hữu hiệu của ân sủng vô hình, do Chúa Giê-su Ki-tô thiết lập và Hội Thánh cử hành, qua đó ân sủng của Đức Chúa Trời được ban cho con người. Hay nói cách khác, Bí Tích là những ân sủng hữu hình (như mình Chúa và máu Chúa) do Chúa Giê-su ban cho Tín Đồ ngày nay thông qua Hội Thánh (duy do thầy tế lễ thực hiện) giống như những ân sủng mà Chúa Giê-su ban cho môn đồ của Ngài khi Ngài còn sống trên đất.

Giáo Hội Công Giáo La-mã công nhận bảy bí tích: (1) Rửa Tội (Baptism), (2) Thêm sức (Confirmation), (3) Thánh Thể (hay Minh Thánh Chúa = Eucharist), (4) Giải tội (Reconciliation or Penance), (5) Xức Dầu Thánh (Anointing the Sick), (6) Truyền Chức Thánh (Holy Order), (7) Hôn Phối (Holy Matrimony). Bảy Bí Tích này được chia ra làm 3 nhóm chính:

- Khai tâm (Do chính Chúa ban cho để bước để bước vào quá trình thánh hóa và được tham gia vào gia đình Ki-tô): Rửa Tội, Thêm Sức, và Thánh Thể.
- Chữa Lành hay Hòa giải (Do Chúa ban cho để được phục hồi trở lại với Ngài): Giải Tội và Xức Dầu Thánh.
- Ôn gọi hay Phục vụ sự hiệp thông (Để phục vụ người khác): Truyền Chức Thánh và Hôn Phối.

Rửa Tội (Baptism)

Theo Giáo Hội Công Giáo La-mã, bí tích Rửa Tội là một trong 3 bí tích Khai Tâm, là nền tảng của toàn bộ đời sống Ki-tô hữu, là cửa ngõ dẫn vào đời sống trong Thánh Linh và mở lối vào các bí tích khác. Một tín đồ khi nhận phép Rửa Tội sẽ nhận được ân sủng thật từ Chúa chứ không phải chỉ là biểu tượng. Ân sủng thật nhận được qua phép Rửa Tội là:

- được thanh tẩy nguyên tội từ A-đam;
- được tái sinh thuộc linh (sinh lại);
- và được chính thức gia nhập vào gia đình Ki-tô.

Hay nói cách khác, nếu một người chưa nhận phép Rửa Tội do Hội Thánh Công Giáo La-mã thực hiện qua một thầy tế lễ thì người đó chắc chắn không được cứu. Tuy nhiên, ngay cả một người đã nhận phép rửa tội thì cũng chưa đảm bảo nhận được sự cứu rỗi đời đời. Lí do là vì còn phải phụ thuộc vào rất nhiều việc làm trong suốt cuộc đời của người đó như có phạm trọng tội (grave sin) không? có nhận phép Thánh Thể liên tục hay không? có xưng tội liên tục hay không? có làm việc thiện lành hay không? Theo cách giải thích này thì khi một người (có thể là em bé) được nhận bí tích Rửa Tội thì đó là thời điểm bắt đầu của đời sống tâm linh. Tuy nhiên không có gì đảm bảo phần tâm linh của người này được xưng công chính để về thiên đàng. Cả cuộc đời của người này là một cuộc chiến tâm linh mà người này phải đối diện. Người này phải liên tục xưng tội, nhận thánh thể, và làm việc thiện lành để giữ sự công chính của mình.

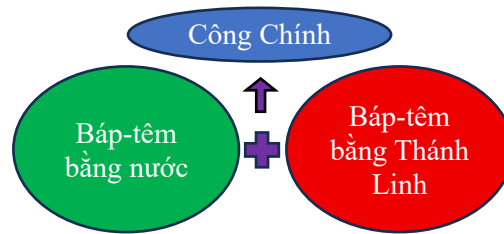
Giáo Hội Công Giáo La-mã khuyến khích làm phép rửa tội cho con trẻ sơ sinh. Lí do chính yếu là vì Giáo Hội cho rằng con trẻ sinh ra trong gia đình Ki-tô thì khi nhận phép Rửa Tội sẽ trở thành thành viên của gia đình Ki-tô. Giáo Hội cũng cho rằng không nên để con trẻ lớn lên với nguyên tội và không có Chúa Thánh Linh trong người. Con trẻ sẽ bị tấn công từ ma quỷ và chúng không có bất kì vũ khí nào để kháng cự lại. Vậy cách tốt nhất là làm lễ Rửa Tội cho con trẻ để chúng được gột rửa nguyên tội và linh hồn được tái sinh để có Chúa Thánh Linh hướng dẫn.

Một số câu Kinh Thánh chính yếu mà Giáo Hội dùng đó là:

“³⁷Khi nghe điều ấy, lòng đau như cắt, họ liền hỏi Phi-e-rơ và các sứ đồ khác rằng: “Các anh ơi, chúng tôi phải làm gì đây?” ³⁸Phi-e-rơ trả lời: “Hãy ăn năn, mỗi người phải nhân danh Đức Chúa Jêsus nhận báp-têm để được tha tội mình, rồi sẽ nhận lãnh quà tặng là Đức Thánh Linh.” (Công Vụ 2:37-38). Công Giáo La-mã cho rằng phải nhận lễ Rửa Tội thì mới được tha tội và nhận lãnh Thánh Linh.

“⁵Đức Chúa Jêsus đáp: “Thật, Ta bảo thật ngươi: Nếu một người không nhờ nước và Thánh Linh mà sinh ra thì không thể vào vương quốc Đức Chúa Trời.” (Giăng 3:5). Công Giáo La-mã dùng

câu Kinh Thánh này để lập luận rằng: bắt buộc phải có phép Rửa Tội (nhờ nước) và báp-têm bằng Thánh Linh thì mới được cứu.



“¹³Vì chúng ta, dù là người Do Thái hay Hi Lạp, nô lệ hay tự do, tất cả đều đã chịu báp-têm trong một Thánh Linh để trở thành một thân thể; tất cả đều được uống chung một Thánh Linh.” (1-Cô-rinh-tô 12:13). Giáo Hội dùng câu Kinh Thánh này để dạy rằng khi nhận phép Rửa Tội thì một người chính thức gia nhập Hội Thánh Đấng Ki-tô tức trở thành một thân tức Hội Thánh Chúa.

“¹¹Trong Ngài, anh em cũng nhận cắt bì, không phải do tay con người thực hiện, nhưng là sự cắt bì bởi Đấng Christ, tức là sự lột bỏ bản tính xác thịt của chúng ta. ¹²Anh em đã được chôn với Ngài trong báp-têm thì cũng được sống lại với Ngài bởi đức tin nơi quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết.” (Cô-lô-se 2:11-12). Giáo Hội dùng câu Kinh Thánh này để dạy rằng, phép cắt bì trong Cựu Ước là hình ảnh của phép Rửa Tội trong Tân Ước. Trong Cựu Ước, phép cắt bì được thực hiện để chứng nhận người đó chính thức được tham gia vào cộng đồng người Do Thái. Với cùng một lập luận, khi một người nhận phép Rửa Tội trong Tân Ước thì người đó chính thức gia nhập gia đình Ki-tô tức Hội Thánh Đấng Christ.

“³³Trong đêm ấy, vào chính giờ đó, viên cai ngục đem hai ông ra rửa các vết thương; rồi lập tức, ông và cả gia đình đều nhận báp-têm.” (Công Vụ 16:33). Giáo Hội dùng câu Kinh Thánh này để cho rằng cả gia đình đều nhận báp-têm tức có cả trẻ sơ sinh.

Đối Với Người Tin Lành:

Được thanh tẩy nguyên tội từ A-đam: Người Tin Lành tin rằng loài người sinh ra thừa hưởng nguyên tội từ A-đam (Thi Thiên 51:5, Rô-ma 5:12). Do nguyên tội mà bản ngã của con người là tội lỗi và độc ác. Tuy nhiên, không có bất kì một nơi nào Kinh Thánh nói rằng khi nhận lễ báp-têm hay thậm chí làm lễ rửa bằng nước trong Cựu Ước thì được tha nguyên tội. Do đó, người Tin Lành bác bỏ hoàn toàn lập luận này. Theo Kinh Thánh dạy, khi một người tin nhận Chúa Giê-su là Cứu Chúa của đời sống mình thì phần linh của người đó nhận được sự tha tội cả về nguyên tội lẫn kỷ tội, được thanh tẩy và được xưng công chính ngay lập tức bởi dòng huyết của Chúa Giê-su. Phần linh của người này không còn nhận sự đoán phạt do nguyên tội và kỷ tội gây ra vì người này ở trong Đấng Christ (Rô-ma 8:1).

Được tái sinh thuộc linh do báp-têm bằng nước: Giáo Hội Công Giáo La-mã dùng Giảng 3:5 này để lập luận rằng một người bắt buộc phải nhận lễ Rửa Tội bằng nước thì mới được tái sinh.

“Thật, Ta bảo thật ngươi, nếu một người không được sinh lại, thì không thể thấy vương quốc Đức Chúa Trời.”... ⁵Đức Chúa Jêsu đáp: “Thật, Ta bảo thật ngươi: Nếu một người không nhờ nước và Thánh Linh mà sinh ra thì không thể vào vương quốc Đức Chúa Trời. ⁶Điều gì do xác thịt sinh ra là xác thịt, điều gì bởi Thánh Linh sinh ra là linh. ⁷Đừng ngạc nhiên về điều Ta đã nói với ngươi: ‘Các ngươi phải sinh lại.’ ⁸Gió muốn thổi đâu thì

thổi, người nghe tiếng gió, nhưng không biết gió đến từ đâu và đi đâu. Người nào sinh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy.”

Tuy nhiên sang câu 6 thì Chúa Giê-su lại giải thích rằng “Điều gì do xác thịt sinh ra là xác thịt, điều gì bởi Thánh Linh sinh ra là linh”. Việc phần linh được tái sinh là do 100% công việc của Chúa Thánh Linh chứ không phải do công việc của loài người. Cha mẹ ăn nằm thì sinh ra phần xác; con người làm lễ Rửa Tội bằng nước - tức công việc do con người làm - thì không thể nào làm cho phần linh sống lại. Do đó người Tin Lành không tin rằng khi làm lễ Báp-têm thì linh hồn của người đó được tái sanh.

Công Vụ 2:37-38 chép: “³⁸Phi-e-rô trả lời: “Hãy ăn năn, mỗi người phải nhân danh Đức Chúa Jê-sus nhận báp-têm để được tha tội mình, rồi sẽ nhận lãnh quà tặng là Đức Thánh Linh.”. Có thật câu Kinh Thánh này dạy rằng chỉ cần nhận báp-têm thì sẽ được tha tội và được nhận lãnh Thánh Linh như Giáo Hội Công Giáo dạy? Câu trả lời là hoàn toàn không! Bối cảnh của câu Kinh Thánh này nằm trong Công Vụ 2:14-41 khi Phê-rô dùng lời Chúa để mang Chân Lý cứu rỗi bởi Chúa Cứu Thế Giê-su đến cho người nghe. Sau khi đã nghe xong lời làm chứng, họ tin vào Chân Lý tức lời Đức Chúa Trời, lòng họ đau như cắt và họ hỏi Phê-rô: chúng tôi phải làm gì đây? Phê-rô đáp: “Hãy ăn năn, mỗi người phải nhân danh Đức Chúa Jê-sus nhận báp-têm để được tha tội mình, rồi sẽ nhận lãnh quà tặng là Đức Thánh Linh”. Do đó việc họ nhận lãnh Chúa Thánh Linh là do họ tin vào lời chứng của Phê-rô tức tin vào Chân Lý là Lời Đức Chúa Trời. Việc họ ăn năn và chịu nhận lễ Báp-têm là do kết quả của việc tin Chân Lý và do chính Chân Lý thanh tẩy họ. Hay nói cách khác việc họ được tha tội và nhận lãnh Chúa Thánh Linh là do đức tin vào Đấng Cứu Thế Giê-su bởi chân lý là Lời Chúa qua việc làm chứng của Phê-rô. Biểu hiện bên ngoài của sự thanh tẩy bên trong bởi Chúa Thánh Linh là sự ăn năn và nhận lễ báp-têm bằng nước. Do đó Phê-rô nói: hãy ăn năn và nhận lễ Báp-têm. Nếu họ không ăn năn, không nhận lễ Báp-têm nghĩa là họ không tin vào lời chứng của Phê-rô tức họ không được cứu và không được tái sinh.

Chính Giảng Báp-tít cũng phán trong Ma-thi-ơ 3:11: “Tôi làm báp-têm cho các người bằng nước để ăn năn tội; nhưng Đấng đến sau tôi, uy quyền hơn tôi, tôi không đáng xách dép cho Ngài. Ngài sẽ làm báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh và lửa.” Từ Cựu Ước đến Tân Ước, Kinh Thánh dùng nước để nói về hình ảnh thanh tẩy thuộc linh xảy ra bên trong. Nước trong câu chuyện đại hồng thủy là hình ảnh Đức Chúa Trời thanh tẩy thế gian và cứu gia đình Nô-ê vì ông thuận phục và ăn năn. Khi dân sự đi qua biển đỏ như đi trên đất khô là hình ảnh Chúa dùng nước để thanh tẩy tuyển dân và cứu họ vì họ vâng phục và ăn năn để chuẩn bị đưa họ vào đất hứa. Khi Na-a-man đồng ý xuống sông Giô-đanh rửa 7 lần thì hết bệnh phong là hình ảnh của sự chữa lành từ Chúa vì ông vâng phục và ăn năn. Khi các thầy tế lễ làm lễ thanh tẩy bằng nước trong Cựu Ước là hình ảnh nói lên họ đã sẵn sàng và vâng phục để vào thực hiện các nghi lễ. Hay nói cách khác nước luôn luôn được dùng trong Kinh Thánh là hình ảnh để nói về sự thanh tẩy bên ngoài và biểu hiện rõ nhất là sự vâng phục và ăn năn. Đây chính là lý do tại sao Giảng Báp-tít phán “Tôi làm báp-têm cho các người bằng nước để ăn năn tội”. Do đó báp-têm bằng nước không thể nào mang đến sự thanh tẩy và sự tái sinh như Công Giáo dạy. Báp-têm bằng nước đơn thuần là hình ảnh nói lên sự thuận phục, ăn năn và đã được chính Chân Lý thanh tẩy bởi Chúa Thánh Linh.

Trong Ê-phê-sô 5:25-27, Phao-lô dùng hình ảnh nước và Lời Chúa thanh tẩy Hội Thánh để nói về vai trò của người chồng đối với người vợ: “²⁵Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, xả thân vì Hội Thánh ²⁶để thánh hóa Hội Thánh sau khi dùng nước và lời Ngài thanh tẩy Hội Thánh, ²⁷nhằm trình diện trước mặt Ngài một Hội Thánh vinh hiển, không

vết, không nhăn, không gì giống như vậy, nhưng thánh sạch và toàn hảo.” Chính Chúa Giê-su dùng nước và Lời Ngài thanh tẩy Hội Thánh nghĩa là gì? Có phải có hai sự thanh tẩy: thanh tẩy bằng nước và thanh tẩy bằng Lời Chúa? Tất nhiên là không! Thanh tẩy bằng nước là hình ảnh bên ngoài của sự thanh tẩy thuộc linh bên trong do Lời Chúa tức Chân Lý. Trong sách Ê-xê-chi-ên 36:25-29 cho biết Chúa sẽ rưới nước trong trên tuyển dân để tẩy sạch hết mọi ô uế và Ngài sẽ ban lòng mới tức lòng bằng thịt và đặt thần mới trong họ để họ noi theo luật lệ Ngài. Đây chính là Giao Ước Mới mà Chúa đã sắm sẵn cho những người thuộc về Ngài qua Chúa Cứu Thế Giê-su. Vậy nước ở đây chỉ thuần túy là hình ảnh của sự thanh tẩy từ bên ngoài và hình thật là sự thanh tẩy tâm linh do công việc của Chúa Thánh Linh thông qua dòng huyết vô tội của Chúa Giê-su.

Hơn nữa Kinh Thánh cũng dạy trong sách Rô-ma 6:3-4: “³Anh em không biết rằng tất cả chúng ta đều đã chịu báp-têm trong Đấng Christ Jê-sus, tức là chịu báp-têm trong sự chết của Ngài sao? ⁴Vậy, bởi báp-têm, chúng ta đã được chôn vào trong sự chết với Ngài, để rồi như Đấng Christ nhờ vinh quang của Cha được sống lại từ cõi chết thể nào thì chúng ta cũng được sống trong đời mới thể ấy.”. Tất nhiên báp-têm bằng nước không thể nào làm cho thể xác chúng ta chôn cùng với Ngài và cũng không thể nào làm cho thể xác chúng ta sống lại. Báp-têm bằng nước chỉ là hình ảnh của việc con người cũ tức tội lỗi chúng ta được chôn vào trong sự chết của Chúa Giê-su và con người mới được sống lại để bước đi với Chúa trong đời sống mới.

Công Vụ 8:26-40 kể về câu chuyện Phi-líp được Chúa Thánh Linh sai phái để làm chứng cho hoạn quan người Ê-thi-ô-pia. Sau khi giải thích cho hoạn quan Tin Lành về Đức Chúa Giê-su, hoạn quan hỏi trong câu 36b: “*Này, nước đây, có điều gì ngăn trở tôi nhận báp-têm chăng?*”. Phi-líp sau đó làm lễ Báp-têm cho hoạn quan chỉ vì lí do duy nhất: ông tin vào Chân Lý là sự cứu rỗi qua Chúa Cứu Thế Giê-su do chính Phi-líp giải thích.

Công Vụ 10:34-48 kể về câu chuyện Phê-rô đến nhà Cọt-nây, là một người ngoại, để giải bày cho Cọt-nây và những người trong nhà ông về Phúc Âm của Chúa Giê-su. Phê-rô nhắc lại rằng “*Tất cả các nhà tiên tri đều làm chứng rằng ai tin Ngài thì nhờ danh Ngài được tha tội.*” (câu 43). Sau khi Cọt-nây và người nhà ông tin thì Đức Thánh Linh giáng trên họ. Sau đó Phê-rô nói: “*Ai có thể từ chối báp-têm bằng nước cho những người đã nhận lãnh Đức Thánh Linh cũng như chúng ta chẳng?*” (câu 47). Rõ ràng thứ tự mà Kinh Thánh bày tỏ và loài người cảm nhận được là một người được cứu hay được thanh tẩy hay được xưng công chính hay được tái sinh là (1) bởi đức tin vào Danh Chúa Giê-su, (2) Chúa Thánh Linh ngự trong lòng, (3) nhận lễ Báp-têm. Vậy lễ báp-têm bằng nước chỉ là sự thuận phục và ăn năn tội lỗi sau khi đã được cứu và được xưng công chính. Bản thân báp-têm bằng nước thanh tẩy hay cứu được linh hồn và cũng không tha thứ nguyên tội.

Người Tin Lành không làm lễ Báp-têm cho trẻ sơ sinh vì chúng ta không tin vào việc báp-têm tha nguyên tội và tái sinh phần thuộc linh. Kinh Thánh cũng không thật sự dạy rõ ràng rằng phép cắt bì trong cựu ước (thực hiện khi con trẻ 8 ngày tuổi để gia nhập vào công đồng tuyển dân) là hình ảnh của lễ báp-têm bằng nước. Điều này có nghĩa rằng Kinh Thánh không dạy rằng việc báp-têm cho trẻ sơ sinh là dấu chứng để các con gia nhập trong Hội Thánh Chúa. Ở chiều ngược lại, Kinh Thánh lại cho biết rằng Con Trẻ thuộc về nước thiên đàng (Ma-thi-ơ 19:14, 2-Sa-mu-ên 12:23). Điều này cho thấy mặc dù con trẻ có nguyên tội nhưng chính Chúa là Đấng không phán xét con trẻ dựa vào nguyên tội của chúng.

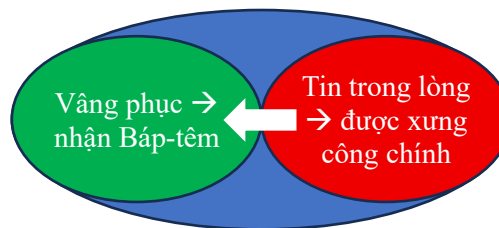
Người Tin Lành làm lễ báp-têm bằng nước vì các lí do sau: chính Chúa Giê-su cũng nhận lãnh lễ báp-têm bằng nước từ Giăng Báp-tít và Ngài phán “*Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta cần phải hoàn tất mọi việc công chính*” (Ma-thi-ơ 3:15). Sau đó chính Chúa Giê-su cũng phán trong đại mạng

lệnh trước khi về trời: “*Vậy, hãy đi khiến muôn dân trở nên môn đồ Ta, hãy nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh làm báp-têm cho họ*” (Ma-thi-ơ 28:19).

Cuối cùng, chính sứ đồ Phê-rô dạy trong 1-Pê-rô 3:21: “*Báp-têm ngày nay là biểu tượng của điều đó để cứu anh em; báp-têm không phải là sự cất bỏ ô uế khỏi thân thể, mà là lời nguyện ước với Đức Chúa Trời từ một lương tâm trong sáng, qua sự sống lại của Đức Chúa Jê-sus Christ*”

Tóm lại: Theo lăng kính từ Kinh Thánh – tức người Tin Lành tin, ý nghĩa báp-têm bằng nước có thể tóm gọn như sau:

- Báp-têm bằng nước KHÔNG ban ân sủng tha tội, KHÔNG thanh tẩy tội lỗi, KHÔNG tái sinh phần thuộc linh. Do đó người Tin Lành không xem báp-têm là bí tích.
- Báp-têm bằng nước chỉ là hình ảnh của sự thanh tẩy bên trong bởi Chúa Thánh Linh qua việc nhận biết và tin nhận Chân Lý là Lời Của Chúa. Đây chính là lí do mà Kinh Thánh dạy Hội Thánh được thanh tẩy bằng nước và bằng lời Ngài.
- Báp-têm là hình ảnh con người cũ chết cùng với Chúa Giê-su khi bị chìm vào trong nước (Rô-ma 6:3-4); khi ở trong nước là hình ảnh thanh tẩy do huyết báu của Chúa Giê-su (Ê-phê-sô 1:7, 1 Giăng 1:7); và khi ra khỏi nước là hình ảnh được biến đổi để trở nên con người mới và bước đi trong đời sống mới (2-Cô-rinh-tô 5:17).
- Một người đồng ý nhận lễ Báp-têm bằng nước cho thấy người này vâng phục và ăn năn tội lỗi của mình. Đây là dấu ấn bên ngoài để cho thấy người này đã thật sự tin nhận Chúa Giê-su và đã có Đức Thánh Linh ngự trong lòng. Một người nói đã tin nhận Chúa Giê-su nhưng khước từ nhận lễ Báp-têm để công khai xưng nhận niềm tin của mình trước người khác thì có thể người này chưa có đức tin cứu rỗi và Chúa Thánh Linh chưa ngự trong lòng người này. Hay nói cách khác, trong hầu hết các trường hợp, chúng ta có thể nói báp-têm bằng nước và sự cứu rỗi là đi cùng nhau và không thể tách rời. Tuy nhiên nguồn gốc của sự cứu rỗi là bởi đức tin vào Chúa Cứu Thế Giê-su chứ không phải bởi báp-têm bằng nước.



- Người nhận lễ báp-têm tuyên xưng niềm tin của mình vào Chúa Cứu Thế Giê-su là cứu Chúa của mình trước mọi người.

Thêm Sức (Confirmation)

Bí tích thêm sức là một trong 3 bí tích khai tâm mà Giáo Hội Công Giáo La-mã hướng dẫn. Bí tích thêm sức giúp người tín hữu nhận lãnh ơn Chúa Thánh Linh cách đặc biệt để củng cố đức tin, trở thành chiến sĩ Chúa Ki-tô và làm chứng cho Tin Lành và từ đó sống đời sống Ki-tô hữu một cách trọn vẹn. Linh mục là người làm phép bí tích Thêm Sức bằng cách sức dầu và đặt tay lên đầu của người được nhận lễ Thêm Sức. Theo hướng dẫn của Giáo Hội, chỉ có những người đã nhận lễ Rửa Tội, đã trưởng thành về thể xác tức nhận biết được phải trái, và không phạm trọng tội mới đủ điều

kiện nhận bí tích Thêm Sức. Khi một người nhận bí tích thêm sức, người này tuyên bố rằng mình chính thức gia nhập Hội Thánh Catholic.

Giáo Hội Công Giáo La-mã không dùng một câu Kinh Thánh cụ thể để giải thích cho bí tích này. Giáo Hội cho rằng sách Công Vụ bày tỏ một khuôn mẫu về việc Chúa ban ơn cho những người Ngài đã sắm sẵn để truyền bá Phúc Âm. Trong sách Công Vụ 8:14-17 có chép:

“¹⁴Các sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem nghe tin dân chúng Sa-ma-ri đã tiếp nhận đạo Đức Chúa Trời liền sai Phi-e-rơ và Giăng đến với họ. ¹⁵Hai ông đến nơi, cầu nguyện cho những người này để họ nhận lãnh Đức Thánh Linh. ¹⁶Vì Đức Thánh Linh chưa giáng xuống trên ai cả, họ chỉ nhân danh Chúa là Đức Chúa Jêsus nhận báp-têm mà thôi. ¹⁷Phi-e-rơ và Giăng đặt tay trên họ, họ liền nhận lãnh Đức Thánh Linh.” (Công Vụ 8:14-17)

Giáo Hội giải thích rằng những người ở thành Sa-ma-ri đã nhận lễ báp-têm và sau khi hai sứ đồ đặt tay cầu nguyện thì họ mới nhận lãnh Đức Thánh Linh. Đây chính là hình ảnh của bí tích Thêm Sức.

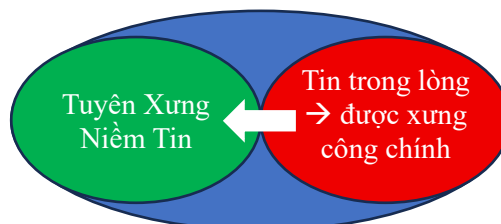
Giáo Hội cũng dùng Công Vụ 19:1-6 để giải thích về bí tích Thêm Sức:

“¹Trong khi A-pô-lô ở Cô-rinh-tô, thì Phao-lô đi đường xuyên nội địa, đến Ê-phê-sô. Gặp một số môn đồ ở đó, ²ông hỏi họ: “Từ khi tin, anh em đã nhận lãnh Đức Thánh Linh chưa?” Họ trả lời: “Chúng tôi chưa từng nghe nói có Đức Thánh Linh nào cả.” ³Ông lại hỏi: “Vậy anh em đã nhận báp-têm nào?” Họ đáp: “Báp-têm của Giăng.” ⁴Phao-lô nói: “Giăng đã làm báp-têm về sự ăn năn tội, bảo dân chúng phải tin Đấng sẽ đến sau mình, nghĩa là tin Đức Chúa Jêsus.” ⁵Nghe vậy, họ nhận báp-têm nhân danh Chúa là Đức Chúa Jêsus. ⁶Khi Phao-lô đặt tay lên thì Đức Thánh Linh giáng trên họ; họ nói tiếng lạ và lời tiên tri.” (Công Vụ 19:1-6)

Cách giải thích của Giáo Hội cũng giống nhau đó là những người ở thành Ê-phê-sô đã nhận lãnh lễ Báp-têm. Sau khi được Phao-lô đặt tay cầu nguyện thì Thánh Linh giáng trên họ.

Đối Với Người Tin Lành:

Người Tin Lành tin rằng: “*Vậy nếu miệng anh em xưng Đức Chúa Jêsus là Chúa, và lòng anh em tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ cõi chết sống lại thì anh em sẽ được cứu.*” ¹⁰Vì ai tin trong lòng thì được xưng công chính, ai tuyên xưng nơi miệng thì được cứu rỗi.” (Rô-ma 10:9-10). Khi một người tin trong lòng thì đã được xưng công chính. Kết quả của việc xưng công chính này là sự tuyên xưng nơi miệng tức biểu hiện ra bên ngoài. Hay nói cách khác, đối với một người đã nhận được sự cứu rỗi thật sự thì việc tin trong lòng và xưng nhận nơi miệng là một và không thể tách rời. Cũng giống như đức tin thì đi cùng với việc làm. Cũng giống như đức tin thì dẫn đến sự vâng phục để nhận lễ Báp-têm. Hay nói cách khác, đức tin thật từ trong lòng là nguồn gốc của sự xưng công chính và sự cứu rỗi. Kết quả hiển nhiên của đức tin thật trong lòng đó là sự tuyên xưng nơi miệng và sự vâng phục qua thánh lễ Báp-têm. Tuy nhiên điều ngược lại chưa chắc đúng. Nghĩa là một người có thể xưng nhận nơi miệng nhưng trong lòng không thật sự tin thì sẽ không được xưng công chính. Ngay cả một người nhận lễ báp-têm nhưng lòng không thực sự tin thì người đó cũng không được xưng công chính.



Sau khi tin trong lòng và được chính Chúa Thánh Linh thanh tẩy bởi huyết của Chúa Giê-su, người này sẽ được xưng công chính ngay lập tức và có Chúa Thánh Linh ngự trong phần linh cũng ngay lập tức. Trong sách Ê-phê-sô 1:13 chép: “*Trong Ngài, anh em là người đã nghe lời chân lý, là Tin Lành mà anh em được cứu rỗi. Cũng trong Ngài, anh em đã tin và được đóng ấn bằng Đức Thánh Linh như lời hứa.*” Đây là một trong vô số câu trong Kinh Thánh dạy rằng khi tin và nhận được sự cứu rỗi thì sẽ có ấn chứng trong lòng là Chúa Thánh Linh.

Trong Công Vụ đoạn 8: 8:14-17 và Công Vụ 19:1-6, nếu chúng ta đọc kỹ bối cảnh của hai phân đoạn Kinh Thánh này thì mạch văn cho chúng ta biết: những người tại thành Sa-ma-ri và Ê-phê-sô nghe giảng về sự cứu rỗi nhưng chưa hiểu đầy trọn Phúc Âm qua Chúa Giê-su. Sau khi nghe các Sứ Đồ giải bày tường tận sự cứu chuộc qua Chúa Giê-su thì họ tin. Khi các Sứ Đồ đặt tay cầu nguyện chính là lúc họ tuyên xưng niềm tin của mình nên họ được nhận lãnh Đức Thánh Linh. Điều này hoàn toàn thống nhất với sự dạy dỗ của toàn bộ Kinh Thánh – được gọi là thần học hệ thống.

Thánh Thể (Eucharist)

Theo sự hướng dẫn của Giáo Hội Công Giáo La-mã, bí tích Thánh Thể là một trong 3 bí tích khai tâm tức qua bí tích này, chúa ban ân sủng để người nhận bước vào quá trình thánh hóa. Bí tích Thánh Thể là trung tâm của đời sống thờ phượng của Ki-tô giáo – là nghi lễ quan trọng nhất trong các bí tích. Giáo Hội hướng dẫn rằng, bánh và rượu, sau khi lời truyền phép được đọc lên bởi thầy tế lễ (Linh mục), sẽ trở thành mình thật và huyết thật của Chúa Giê-su. Giáo Hội giải thích rõ hơn rằng khi Hội Thánh thực hiện nghi lễ Thánh Thể không phải Hội Thánh đóng đinh Chúa Giê-su lần nữa nhưng là hình thức “hiện tại hóa sự dâng sinh tế của Đấng Christ – re-represent the sacrifice of Christ”.

Khi một người lãnh nhận bánh và chén trong Bí tích Thánh Thể cách xứng đáng, người ấy nhận chính Chúa Giê-su Christ, nhận được sự hiệp thông với Ngài, được nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, được tha các tội nhẹ, được hiệp nhất với Hội Thánh, và được bảo đảm về sự sống đời đời.

Giáo Hội giải thích rằng việc thờ phượng Chúa phải liên quan đến việc dâng sinh tế. Qua nghi lễ Thánh Thể, giám mục đọc lời truyền phép, chính Chúa Thánh Linh làm cho bánh và rượu trở thành thân và huyết thật của Chúa. Đây chính là sinh tế mà Hội Thánh dâng lên cho Đức Chúa Cha và do đó chỉ có duy nhất qua bí tích Thánh Thể, Hội Thánh mới đến được với Đức Chúa Trời để thờ phượng Ngài. Hay nói cách khác, nếu không có bí tích Thánh Thể thì loài người không bao giờ đến và thờ phượng Đức Chúa Trời được. Do đó Giáo Hội Công Giáo La-mã cho rằng chỉ có duy Hội Thánh Công Giáo La-mã mới thật sự thờ phượng Chúa qua việc dâng sinh tế cho Đức Chúa Trời; tất cả Hội Thánh Tin Lành chỉ nhóm hiệp lại tôn vinh, ngợi ca và học Lời Chúa nhưng không phải thờ phượng.

Giáo Hội Công Giáo La-mã dùng các phân đoạn Kinh Thánh chính sau đây để củng cố cho sự hướng dẫn này:

Phân đoạn Kinh Thánh quan trọng nhất mà Giáo Hội dùng là trong Giăng đoạn 6:53-56: “Đức Chúa Jêsus bảo họ: “*Thật, Ta bảo thật các ngươi, nếu các ngươi không ăn thịt và uống huyết Con*

Người thì không có sự sống đời đời trong các ngươi đâu. ⁵⁴Ai ăn thịt và uống huyết Ta thì được sự sống đời đời; Ta sẽ khiến người ấy sống lại trong ngày cuối cùng. ⁵⁵Vì thịt Ta thật là thức ăn, huyết Ta thật là thức uống. ⁵⁶Ai ăn thịt Ta và uống huyết Ta thì ở trong Ta, và Ta ở trong người ấy.”. Giáo Hội dạy rằng Trong lễ Thánh Thể, sau khi Cha đã đọc lời truyền phép, tín hữu nhận bánh và rượu từ Cha ban sẽ nhận được ân sủng trực tiếp từ Chúa Giê-su để nuôi dưỡng linh hồn của người nhận và được sự hiệp nhất với Ngài (Ta ở trong người ấy).

Phân đoạn Kinh Thánh tiếp theo mà Giáo Hội dùng để lập luận rằng bánh và rượu phải là mình thật và huyết thật của Chúa Giê-su: “*Rồi Ngài lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra, phân phát cho các môn đồ và phán: “Này là thân thể Ta vì các con mà phó cho. Hãy làm điều này để nhớ đến Ta.”* ²⁰Khi ăn xong, Ngài cũng làm như vậy, lấy chén trao cho các môn đồ và phán: “*Chén này là giao ước mới trong huyết Ta vì các con mà đổ ra.*” (Lu-ca 22:19-20). Giáo Hội lập luận: Chúa cầm bánh nhưng phán “*này là thân thể Ta vì các con mà phó cho*”.

Một phân đoạn Kinh Thánh khác mà Giáo Hội dùng là trong 1-Cô-rinh-tô 11:27-30: “*Vì thế, nếu ai ăn bánh, uống chén của Chúa một cách không xứng đáng thì sẽ mắc tội với thân và huyết của Chúa.* ²⁸Vậy, mỗi người phải tự xét chính mình rồi mới ăn bánh, uống chén ấy. ²⁹Vì người nào không phân biệt thân Chúa mà ăn bánh, uống chén ấy tức là ăn uống sự phán xét cho chính mình. ³⁰Vì lý do đó mà trong anh em có nhiều người đau yếu, bệnh tật và có lắm kẻ ngủ.”. Giáo Hội lập luận rằng nếu bánh và chén không phải là mình và huyết thật của Chúa thì hình phạt không thể nặng đến thế.

Trong Cựu Ước, tuyển dân được nuôi dưỡng bằng bánh Ma-na hằng ngày trong suốt 40 năm trong đồng vắng. Vậy tín đồ ngày nay cũng phải được nuôi dưỡng đời sống tâm linh bằng bánh hằng sống - tức mình thật của Chúa liên tục. Do đó, Hội Thánh Công Giáo phải phát bánh và chén thường xuyên cho giáo dân. Theo Giáo Hội, Chúa chỉ làm bí tích chuyển bánh và rượu thành mình và máu thật của Chúa Giê-su qua Giám mục. Do đó giáo dân phải đến Hội Thánh để nhận bánh và chén. Ngoài Hội Thánh, giáo dân không thể nào nhận được ân sủng này để được thanh tẩy và được tha tội.

Giáo Hội cũng dùng 1-Cô-rinh-tô 10:17: “¹⁷*Vì chỉ có một cái bánh, và tất cả chúng ta cùng chia sẻ cái bánh ấy, nên chúng ta dù nhiều cũng chỉ là một thân thể.*”. Đây là câu Kinh Thánh Giáo Hội dùng để cho rằng việc nhận bánh và chén sẽ giúp cho tín đồ hiệp nhất với Hội Thánh.

Đối Với Người Tin Lành: Người Tin Lành hoàn toàn bác bỏ bí tích Thánh Thể này và không tin rằng chỉ một lời truyền phép từ Giám Mục, Đức Chúa Trời làm phép lạ để biến bánh và rượu trở thành mình thật và huyết thật của Chúa. Người Tin Lành vâng phục lời dạy trong Kinh Thánh để cử hành lễ Tiệc Thánh nhằm tưởng nhớ đến thân xác và huyết Chúa đổ ra cho chúng ta.

Có vô số các bất cập trong việc trích dẫn Kinh Thánh của Giáo Hội Công Giáo để giải rằng bí tích Thánh thể ban: chính Chúa Giê-su Christ, ban sự hiệp thông với Ngài, nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, tha các tội nhẹ, ban sự hiệp nhất với Hội Thánh, và bảo đảm về sự sống đời đời.

Nếu đọc toàn bộ Giăng 6:22-65 và tập trung vào ngữ cảnh, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng Chúa Giê-su hoàn toàn đang nói về phần tâm linh chứ không phải thể xác. “²⁷*Đừng làm việc vì thức ăn hay hư nát, mà vì thức ăn còn mãi đến sự sống đời đời, là thức ăn Con Người sẽ ban cho các ngươi; vì ấy là Đấng mà Đức Chúa Trời, là Cha, đã ấn chứng cho.*” ... ³⁵Đức Chúa Jêsu đáp: “*Ta là bánh của sự sống. Ai đến với Ta chẳng hề đói, ai tin Ta chẳng hề khát....*” ³⁹Đây là ý muốn của Đấng đã sai Ta: *Tất cả những người Ngài đã ban cho Ta thì Ta sẽ không để mất một ai, nhưng*

Ta phải làm cho sống lại trong ngày cuối cùng. ⁴⁰Vì đây là ý muốn của Cha Ta: Tất cả những ai thấy Con và tin Con thì được sự sống đời đời, Ta sẽ làm cho người ấy sống lại trong ngày cuối cùng.... ⁵¹Ta là bánh sự sống từ trời xuống; nếu ai ăn bánh này thì sẽ sống đời đời. Bánh mà Ta sẽ ban cho vì sự sống của thế gian chính là thịt Ta. ... ⁵⁷Như Cha hằng sống đã sai Ta, và Ta nhờ Ngài mà sống thể nào thì người ăn Ta cũng sẽ nhờ Ta mà sống thể ấy. ⁵⁸Đây là bánh từ trời xuống, không như bánh tổ phụ các người ăn rồi chết; người nào ăn bánh này sẽ sống đời đời.”. Rõ ràng Chúa Giê-su nhân mạng hãy tìm kiếm thức ăn dẫn đến sự sống đời đời. Chúa cũng nói ai đến với Ngài sẽ chẳng hề đói và ai tin Ngài sẽ chẳng hề khát. Chúa cũng phán tất cả những ai tin Con thì được sự sống đời đời. Cuối cùng Chúa Giê-su giải thích: những người mà Đức Chúa Cha ban cho Ngài khi “ăn Ngài” sẽ sống như cách mà Chúa Giê-su nhờ Đức Chúa Cha mà sống. Tất nhiên Chúa Giê-su sống vì Ngài ở trong Đức Chúa Cha chứ không phải Ngài “ăn thịt” Đức Chúa Cha. Tóm lại, toàn bộ Giăng 6:22-65, Chúa Giê-su cho biết nếu ai tiếp nhận Ngài và ở trong Ngài thì dòng huyết thánh của Ngài sẽ thanh tẩy mọi điều bất chính và người đó sẽ được xưng công chính và nhận được sự sống đời đời. Đây chính là hình thật của việc Chúa phán: ăn thịt ta và uống huyết ta.

Trong Lu-ca 22:19-21 và 1-Cô-rinh-tô 11:27-30, Chúa Giê-su dạy rất rõ: “hãy làm điều này để nhớ đến ta”. Hơn nữa, khi đến chén Chúa lại KHÔNG nói này là huyết ta, nhưng Chúa lại phán: “*chén này là giao ước mới trong huyết ta*”. Vậy chén mà Chúa trao cho các sứ đồ chắc chắn không phải huyết thật của Ngài; nhưng là hình ảnh của giao ước mới qua huyết của Ngài. Nên nhớ rằng, người Do Thái không được phép ăn huyết – đừng nói là uống huyết. Ngay cả trong thời Tân Ước, huyết và động vật chết ngạt cũng bị cấm (Công Vụ 15:20). Do đó, không thể nào chúng ta có tin rằng các sứ đồ lúc còn sống khi dự hay dạy về bánh và chén lại nói rằng đây là huyết thật của Chúa Giê-su.

Trong Cựu Ước tuyển dân ăn bánh Ma-na nhưng rồi họ tiếp tục đói. Đây chính là hình ảnh rõ nhất cho thấy sự bất lực của việc đến với Ngài thông qua những điều tạm bợ, hay hư nát tức luật pháp và công việc lành. Loài người trong Cựu Ước cũng dâng sinh tế liên tục ngày này qua ngày khác nhưng không thể nào xóa hết tội được. Vì loài người không bao giờ được xưng công chính do việc tuân giữ luật pháp và dâng sinh tế nên chính Đức Chúa Trời phải xuống thế gian làm người nhằm dâng một sinh tế không tì vết đó chính là thân thể Ngài một lần đủ cả. Sách Hê-bơ-rơ 10:11-14 chép: “¹¹Mỗi thầy tế lễ hằng ngày đứng phục vụ và thường xuyên dâng cùng một loại sinh tế, là điều không bao giờ có thể cất tội lỗi đi được. ¹²Nhưng Đấng Christ đã vì tội lỗi dâng một sinh tế chuộc tội duy nhất và đời đời, rồi ngồi bên phải Đức Chúa Trời; ¹³và từ đó, Ngài chờ đợi cho đến khi những kẻ thù của Ngài bị đặt làm bệ cho chân Ngài. ¹⁴Vì nhờ một sinh tế duy nhất, Ngài làm cho những người được thánh hóa trở nên toàn hảo mãi mãi.”

Việc Giáo Hội dạy rằng, giáo dân phải đến nhà thờ thường xuyên, nhận bí tích Thánh Thể, để nhận được ân sủng thật là mình và huyết của Chúa nhằm nhận được sự tha tội, sự thanh tẩy, sự hiệp nhất với Chúa và với Hội Thánh, và đảm bảo sự cứu rỗi là việc xem thường sự chết của Chiên Con và sự cứu rỗi của Ngài. Bí tích Thánh Thể xem sự cứu chuộc của Chiên Con là chưa đủ và chưa hoàn tất. Vì lý do đó giáo dân phải đến nhận ân sủng cứu chuộc, tức sự hy sinh của Chúa Giê-su – tức mình và huyết Ngài, lập đi lập lại. Trong lễ Thánh Thể, thầy tế lễ (Giám mục) phải dâng sinh tế - chính là mình và huyết của Chúa Giê-su lên cho Đức Chúa Trời. Ngay cả Giáo Hội biện luận rằng đó chỉ là sự “hiện tại hóa sự dâng sinh tế của Đấng Christ” chứ không phải tiếp tục dâng chính Đấng Christ. Tuy nhiên hàm ý thật phía sau là dâng mình thật và huyết thật của Đấng Christ. Đây là điều mà sách Hê-bơ-rơ lên án. Tác giả sách Hê-bơ-rơ viết trong 10:14: “¹⁴Vì nhờ một sinh tế duy nhất, Ngài làm cho những người được thánh hóa trở nên toàn hảo mãi mãi”. Qua dòng huyết

của Chiên Con trên thập tự giá Chúa Giê-su là cho chúng ta được thánh hóa trở nên toàn hảo mãi mãi. Vậy thì không có lí do gì chúng ta phải tin rằng, tín đồ phải tiếp tục nhận mình thật và huyết thật của Chúa Giê-su qua bí tích Thánh Thể để được thánh hóa dần dần.

Chúa Giê-su tuyên phán bảy lần “Ta là”: (1) Ta là bánh của sự sống (Giăng 6:35); (2) Ta là sự sáng của thế gian (Giăng 8:12); (3) Ta là cửa của chuồng chiên (Giăng 10:7,9); (4) Ta là người chăn chiên nhân lành (Giăng 10:11); (5) Ta là sự sống lại và sự sống (Giăng 11:25); (6) Ta là con đường, chân lý, và sự sống (Giăng 14:6); (7) Ta là cây nho thật (Giăng 15:1). Trong tất cả 7 lần Chúa phán “Ta là”, không có bất kì chỗ nào chúng ta có thể hiểu theo nghĩa đen thuần túy. Vậy chúng ta không thể nào áp dụng Giăng 6:35 khi Chúa phán: Ta là bánh của sự sống để nói rằng bánh này là thân thật của Chúa Giê-su.

Khi áp dụng sự hướng dẫn của Giáo Hội về bí tích Thánh Thể, mỗi tín đồ đều phải ý thức rằng sự cứu rỗi không chỉ từ ân sủng của Chúa ban, cũng không chỉ từ sự chết của Chúa Giê-su và công việc cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá. Sự cứu rỗi và sự xưng công chính còn phải qua Hội Thánh Công Giáo và qua việc làm của tín đồ. Tín đồ có tiệc tùng, xay xin, phạm tội trong tuần, việc tín đồ phải làm là đến nhà thờ công giáo để nhận Thánh Thể nhằm được tha tội, được phục hồi và được hiệp nhất với Đấng Christ. Tín đồ lại quay về cuộc sống thường nhật, phạm tội, rồi lại đến nhà thờ nhận Thánh Thể. Vòng lặp này là bất tận cho đến khi chết. Ngay tại thời điểm qua đời, người này cũng không đảm bảo được mình có về thiên đàng với Chúa hay không? Hay chỉ về nơi luyện tội, tiếp tục nỗ lực để trả hết tội mà mình đã gây ra trong thân xác lúc còn sống. Sự giải thích này hoàn toàn ngược lại với lời dạy của Phao-lô: “*Vậy bây giờ, những ai ở trong Đấng Christ Jêsus sẽ không bị kết tội nữa*” (Rô-ma 8:1)

Giải tội (Reconciliation or Penance)

Theo Giáo Hội Công Giáo La-mã, giải tội là bí tích do Chúa Giê-su Ki-tô thiết lập, trong đó những người đã chịu phép Rửa Tội, nhờ: (1) lòng ăn năn thật, (2) xưng các tội trọng với linh mục, và (3) việc đền tội, thì được Đức Chúa Trời tha tội, được hòa giải với Ngài và với Hội Thánh, qua quyền tha tội mà Chúa Christ đã trao cho các Tông đồ và những người kế vị.

Theo hướng dẫn của Giáo Hội, việc tha tội này là vô cùng quan trọng cho sự cứu rỗi của một người. Nếu một người phạm trọng tội (nhận thức đầy đủ nhưng vẫn cố ý phạm tội: giết người, ngoại tình, thờ thần tượng) thì việc tha tội này sẽ phục hồi lại mối quan hệ với Đức Chúa Trời và người này tránh xuống địa ngục. Nếu một người phạm các tội nhẹ thì việc tha tội này sẽ giúp người này giảm thiểu thời gian ở nơi luyện tội (purgatory).

Giáo Hội nhấn mạnh quyền tha tội và cội nguồn tha tội không phải từ Thầy Tế Lễ (Linh Mục) nhưng là từ chính Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không tha tội trực tiếp cho tội nhân nhưng Ngài tha tội thông qua Hội Thánh và Linh Mục. Do đó, một người phạm tội, bắt buộc phải đến Hội Thánh Công Giáo, xưng tội với Linh Mục và làm các việc do Linh Mục chỉ định để đền tội nhằm được Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi.

Nền tảng Kinh Thánh mà Giáo Hội Công Giáo dùng để giải thích cho bí tích Giải Tội như sau:

Giăng 20:22-23: “²²Nói xong, Ngài hà hơi trên họ và nói: “*Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh.* ²³*Nếu các con tha tội cho ai thì tội của người ấy sẽ được tha; nếu các con cầm tội ai lại thì tội của người ấy sẽ bị cầm lại.*””. Giáo Hội lập luận rằng chính Chúa Giê-su đã trao thẩm quyền “*tha tội và buộc tội cho*” cho các môn đồ đầu tiên do đó các thầy tế lễ (linh mục) ngày nay có quyền tha/buộc tội

với Tín Đồ. Vì các Linh Mục có quyền tha tội thật để xóa tội cho người xưng tội (hữu hình và hữu hiệu) nên việc này được gọi là bí tích giải tội.

Ma-thi-ơ 16:19: “*Ta sẽ giao chìa khóa vương quốc thiên đàng cho con; bất cứ điều gì con buộc dưới đất cũng sẽ bị buộc ở trên trời, và bất cứ điều gì con mở dưới đất cũng sẽ được mở ở trên trời.*””. Giáo Hội dùng câu Kinh Thánh này củng cố thêm lập luận phía trên đó là việc tha/buộc phải qua các Tông Đồ và những người kế vị.

Gia-cơ 5:16: “*Vậy, hãy xưng tội cùng nhau và cầu nguyện cho nhau để anh em được lành bệnh. Lời cầu nguyện của người công chính có quyền năng và rất linh nghiệm.*”” Giáo Hội giải thích rằng, việc xưng tội “*cùng nhau*” nghĩa là phải diễn ra với Linh Mục chứ không phải trực tiếp với Đức Chúa Trời.

Lu-ca 19:8: “*Nhưng Xa-chê đứng trước mặt Chúa và thưa: “Lạy Chúa, này, tôi lấy phân nửa tài sản của tôi mà cho người nghèo; nếu có làm thiệt hại ai bất kỳ việc gì, tôi sẽ đền gấp tư.*”””. Giáo Hội giải thích rằng việc xưng tội phải đi kèm với hành động cụ thể để chuộc lỗi lầm của mình. Trong trường hợp này, Xa-chê đã đền gấp 4 lần cho những gì ông gây ra.

Ma-thi-ơ 8:3-4: “*Đức Chúa Jêsu đưa tay chạm đến người ấy, và phán: “Ta muốn, hãy sạch đi.” Lập tức, người phong hủi được sạch.*””⁴ Đức Chúa Jêsu căn dặn: “*Hãy cẩn thận, đừng nói gì với ai, nhưng hãy đi trình diện thầy tế lễ và dâng lễ vật mà Môi-se đã dạy, như một lời chứng cho mọi người.*”””. Giáo Hội dùng phân đoạn Kinh Thánh này để lập luận rằng ngay cả Chúa Giê-su, sau khi chữa lành bệnh cho người phong hủi, Ngài cũng phán bảo người bị bệnh đến gặp thầy tế lễ và dâng lễ vật. Vậy, chính Chúa chữa lành nhưng thầy tế lễ phải tuyên phán hết bệnh.

Đối Với Người Tin Lành:

Đối với người Tin Lành, khi một người đã thực sự tin nhận Chúa Giê-su làm Cứu Chúa và đã có Thánh Linh ngự trong lòng thì việc xưng nhận tội không phải để phục hồi sự cứu rỗi hay để giảm thiểu thời gian ở nơi luyện tội. Người Tin Lành tin rằng khi một người đã có ấn chứng là Chúa Thánh Linh trong lòng qua việc tin nhận Chúa Giê-su thì việc xưng công chính đã hoàn tất và phần linh của người này được tái sinh. Chúa không còn phán xét phần linh hồn của người này nữa. Khi người này chết thì phần linh hồn sẽ được về thiên đàng ngay lập tức và không bao giờ về chỗ luyện tội.

Người Tin Lành tin rằng, khi còn trong thân xác, nếu một Cơ Đốc Nhân phạm tội thì Chúa Thánh Linh sẽ không còn hướng dẫn người này nữa vì Đức Thánh Linh cũng là Đức Chúa Trời nên Ngài không thể hiện diện cùng tội lỗi (Ê-sai 59:1-2, Ha-ba-cúc 1:13, Ê-sai 6:1-5, Thi Thiên 5:4-5, 1-Giăng 1:5, ...). Nên nhớ rằng việc này hoàn toàn không phải Chúa Thánh Linh rời khỏi người đó hay người này mất sự cứu rỗi. Việc này chỉ đơn thuần là Chúa Thánh Linh không còn làm việc và cáo trách để hướng dẫn đời sống tâm linh cho người đó. Người Tin Lành cũng tin rằng chỉ có một Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người là Chúa Giê-su Christ (1-Ti-mô-thê 2:5). Người Tin Lành cũng tin rằng chính Chúa Giê-su đã dâng chính mình một lần đủ cả để những người thuộc về Ngài có thể vào nơi Chí Thánh và đến gần Ngài (Hê-bơ-rơ 10:19-20). Do đó, khi một Cơ Đốc Nhân phạm tội, người này không mất sự cứu rỗi nhưng chỉ đơn thuần mất ân sủng đó là sự hướng dẫn của Chúa Thánh Linh trong đời sống mình trên đất. Việc người này phải làm là xưng nhận tội lỗi mình trực tiếp với Chúa thì Ngài là Đấng thành tín và công bình sẽ thanh tẩy mọi điều bất chính (1-Giăng 1:9). Kinh Thánh cũng khuyến khích người này chia sẻ tội lỗi mình với các anh em trong Chúa khác nhằm tìm kiếm sự nâng đỡ và khích lệ lẫn nhau.

Người Tin Lành tin rằng, các lời dạy trong Giăng 20:22-23 và Ma-thi-ơ 16:19 phải đi cùng với Ma-thi-ơ 18:18-19, 1-Cô-rinh-tô 5:5, và 1-Phê-rơ 2:5. Khi đặt tất cả các câu Kinh Thánh này lại với nhau, chúng ta sẽ thấy rất rõ việc tha tội hay buộc tội mà Kinh Thánh đang đề cập ở đây được trao cho Hội Thánh địa phương. Mục đích chính yếu mà Chúa trao thẩm quyền cho Hội Thánh là nhằm xử lý những người phạm những tội rất nặng, không ăn năn, gây có vấp phạm cho anh em mình, và làm ô nhơ danh Chúa. Nếu những người này ăn năn thì Hội Thánh có quyền phục hồi mối quan giữa những người này với Hội Thánh. Đối với những người không ăn năn, Hội Thánh nhóm hiệp lại, nhân danh Chúa cầu nguyện, Hội Thánh có thẩm quyền trao những người này cho quỷ Sa-tan. Việc này đồng nghĩa với việc loại những người này ra khỏi Hội Thánh để ma quỷ kiểm soát phần thể xác nhằm giúp những người này thức tỉnh hồn cho linh hồn được cứu.

Đối với phân đoạn Gia-cơ 5:16, rõ ràng Kinh Thánh dạy hãy xưng tội cùng nhau chứ không phải với thầy tế lễ. Kinh Thánh khuyến khích chúng ta xưng tội cùng nhau nhằm để nâng đỡ lẫn nhau. Chính người xưng tội phải khiêm nhường, nhận biết tội lỗi mình, và cần sự nâng đỡ từ anh em mình. Đức Chúa Trời thiết lập ra Hội Thánh và kêu gọi con dân Chúa hiệp lại trong một thân không gì hơn là nhằm nâng đỡ nhau khi còn sống trong xác thịt. Chúa biết sự yếu đuối cũng như Ngài biết sự tự cao trong lòng của chúng ta do đó Ngài đặt để những anh chị em khác bên cạnh chúng ta nhằm giúp chúng ta vượt qua những cám dỗ từ ma quỷ để giảm thiểu tội lỗi. Có tất cả tám 35 lần Kinh Thánh Tân Ước dùng cụm từ “cùng nhau – with one another”: phục vụ nhau, khích lệ nhau, yêu thương nhau, tha thứ cho nhau, nâng đỡ nhau, ...

Đối với Ma-thi-ơ 8:3-4, người Tin Lành tin rằng Chúa Giê-su phán với người được chữa lành bệnh phong đòn gánh thầy tế lễ chỉ nhằm báo cho những người lãnh đạo tôn giáo biết rằng: Đấng Cứu Thế đã đến và đang ở giữa vòng họ. Ngài có quyền tha tội, có quyền trên bệnh tật như luật pháp đã chép. Hơn nữa chính Chúa Giê-su phán: Ngài đến không phải để phá bỏ nhưng để làm trọn luật pháp. Ngài phán dạy người được chữa lành hãy tuân giữ luật pháp Cựu Ước nhưng chính Ngài sẽ làm trọn luật pháp bằng cách chính Ngài là Đấng tha tội và chữa lành. Hơn nữa, 1-Phê-rơ 2:9 dạy rằng tất cả những người nào được cứu bởi dòng huyết thánh của Chúa Giê-su đều là thầy tế lễ, thuộc về Đức Chúa Trời để rao truyền Phúc Âm cho Chúa. Ngày nay, việc đến với thầy tế lễ để thông báo hết bệnh chỉ đơn thuần chúng ta báo cho nhau rằng chính Đức Chúa Trời đã tha tội và chữa lành bệnh tật cho mình. Việc làm này không gì hơn là nhằm tôn vinh Chúa và nâng đỡ đức tin cho nhau.

Xức Dầu Thánh (Anointing the Sick)

Giáo Hội Công Giáo La-mã hướng dẫn rằng Sức Dầu Thánh là một trong bảy Bí Tích được thiết lập bởi Chúa Giê-su để ban ơn đặc biệt cho những người bệnh rất nặng và gần kề sự chết. Bí Tích Xức Dầu Thánh ban những ân sủng hữu hiệu và hữu hình sau đây cho người bệnh: ban cho Thánh Linh, ban cho sự hiệp nhất với sự đau khổ của Đấng Christ, ban cho bình an, ban cho sự tha tội, và chuẩn bị cho hành trình về với Chúa. Khi một người gần kề với sự chết thì bí tích này được cho kích hoạt công việc của Chúa Thánh Linh để chuẩn bị cho người bệnh bước vào sự sống thiêng liêng vượt trên sự chết. Nền tảng chủ yếu từ Kinh Thánh mà Giáo Hội dùng là Gia-cơ 5:14-15:

“¹⁴Có ai trong anh em đau ốm chăng? Người ấy hãy mời các trưởng lão Hội Thánh đến; họ sẽ nhân danh Chúa cầu nguyện và xức dầu cho người bệnh. ¹⁵Sự cầu nguyện bởi đức tin sẽ cứu người bệnh, Chúa sẽ đỡ người ấy dậy; nếu người bệnh có phạm tội, cũng sẽ được tha. ¹⁶Vậy, hãy xưng tội cùng nhau và cầu nguyện cho nhau để anh em được lành

bệnh. Lời cầu nguyện của người công chính có quyền năng và rất linh nghiệm.” (Gia-cơ 5:14-16)

“¹⁴Is anyone among you sick? Let them call the elders of the church to pray over them and anoint them with oil in the name of the Lord. ¹⁵And the prayer offered in faith will make the sick person well; the Lord will raise them up. If they have sinned, they will be forgiven. ¹⁶Therefore confess your sins to each other and pray for each other so that you may be healed. The prayer of a righteous person is powerful and effective.” (James 5:14-16)

Giáo Hội cho rằng khi Gia-cơ dạy người bệnh mời các Trưởng Lão Hội Thánh nghĩa là mời các Linh Mục. Các Linh Mục nhân danh Chúa cầu nguyện và xức dầu thì sự chữa lành về tâm linh và sự tha tội (ân sủng) sẽ được ban cho người bệnh.

Giáo Hội cũng dùng câu Kinh Thánh trong Mác 6:12-13 để củng cố cho lập luận rằng bí tích Sứ Dầu Thánh và chữa lành bệnh vẫn còn được ban cho bởi các Linh Mục.

“¹²Vậy, các sứ đồ ra đi, rao giảng rằng mọi người phải ăn năn. ¹³Họ đã đuổi nhiều quỷ, xức dầu và chữa lành nhiều người bệnh.” (Mác 6:12-13)

“¹²They went out and preached that people should repent. ¹³They drove out many demons and anointed many sick people with oil and healed them.” (Mark 6:12-13)

Hơn nữa Giáo Hội cũng lập luận rằng “dầu” trong Cự Ước tượng trưng cho sự hiện diện của Chúa Thánh Linh, sự chữa lành và sự thương xót. Ví dụ, khi Sa-mu-ên xức dầu cho Sau-lơ hay vua Đa-vít để làm vua thì Kinh Thánh chép Thân của Đức Chúa Trời (Chúa Thánh Linh) ở cùng họ. Ngay cả trong Cự Ước, các thầy tế lễ và các nhà tiên tri khi dùng dầu để chữa bệnh hay để tấn phong ai đó làm vua thì “dầu” chỉ được dùng như một dấu chỉ để qua đó Chúa hành động.

Đối Với Người Tin Lành:

Người Tin Lành tất nhiên không xem việc xức dầu và cầu nguyện cho người bệnh (kể cả bệnh nặng) là một bí tích. Người Tin Lành tập trung đến việc cầu nguyện bởi đức tin và trao việc quyền năng chữa lành cả về thể xác lẫn tâm linh cho Đức Chúa Trời.

Gia-cơ 5:14-16 bắt đầu với việc chính người bị bệnh phải mời các trưởng lão đến (những người kính sợ Chúa và được kính trọng). Điều này cho thấy người bệnh tin tưởng vào các lời cầu thay của các trưởng lão này. Hay nói cách khác, khi các trưởng lão cầu nguyện bởi đức tin thì người bệnh cũng đồng một tâm tình cầu nguyện với các trưởng lão này. Do đó việc Chúa chữa lành bệnh thật ra là bởi quyền phép của Chúa Thánh Linh và bởi đức tin của người bệnh chứ không phải của các trưởng lão. Hay nói đúng hơn, các trưởng lão chỉ đơn thuần được dự phần vào công việc của Chúa Thánh Linh. Cùng một cách ấy, nếu các trưởng lão cầu nguyện xin Chúa tha tội thì người bệnh cũng đồng một tâm tình xin Chúa tha tội. Do đó việc Chúa tha tội cho người bệnh là do chính người này xưng tội chứ không phải do linh mục xin hộ. Kinh Thánh dạy tiếp trong câu 16: *“¹⁶Vậy, hãy xưng tội cùng nhau và cầu nguyện cho nhau để anh em được lành bệnh. Lời cầu nguyện của người công chính có quyền năng và rất linh nghiệm”*. Do đó, những trưởng lão cũng phải xưng tội chính mình và cũng phải hướng dẫn người bệnh xưng nhận tội lỗi mình để chính Chúa thanh tẩy và làm cho cả hai công chính để lời cầu nguyện có thể được Chúa nhậm lời. Đây chính là lí do mà người Tin Lành không tin rằng việc chữa lành và tha tội là do Chúa làm qua thầy tế lễ như một bí tích.

Từ xúc dầu trong Gia-cơ 5:14 xuất phát từ chữ ἀλείφω (aleiphō) trong tiếng Hy Lạp để nói về hành động xoa dầu bình thường lên cơ thể. Động từ này được dùng nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh Tân Ước để nói về cùng một ý đó là xoa dầu lên cơ thể: Mác 6:13, Lu-ca 7:38. Có một từ Hy Lạp khác trong Kinh Thánh được dùng chuyên biệt để nói về việc xúc dầu thánh đó là: χρίω (chriō). Từ này được dùng để nói về việc xúc dầu để nhận lãnh Chúa Thánh Linh, được biệt riêng, và được tấn phong nhằm phục vụ Chúa. Ví dụ trong Lu-ca 4:18 chép: “*Thánh Linh của Chúa ngự trên Ta, Vì Ngài đã xúc dầu (Chrio) cho Ta để truyền giảng Tin Lành cho người nghèo.*” Từ xúc dầu ở đây không được dùng để nói về xúc dầu lên cơ thể bình thường nhưng được dùng để nói về việc Đức Chúa Trời biệt riêng Chúa Giê-su để truyền giảng Tin Lành. Một số câu Kinh Thánh khác dùng đúng chữ *xúc dầu (Chrio)* này để nói về cùng một ý đó là được biệt riêng để hầu việc Chúa: Công Vụ 4:27, 2-Cô-rinh-tô 1:21, Hê-bơ-rơ 1:9.

Do đó việc dùng Gia-cơ 5:14 để nói về công việc của Chúa Thánh Linh và sự tha thứ là không hợp lí. Hay nói cách khác, việc Giáo Hội Công Giáo La-mã dùng Gia-cơ 5:14-16 để giải thích về bí tích Xức Dầu Thánh là rất lỏng lẻo và không thuyết phục.

Truyền Chức Thánh (Holy Order)

Theo Giáo Hội Công Giáo La-mã, Truyền Chức Thánh là bí tích do chính Chúa Giê-su thiết lập và có hữu hiệu và hữu hình. Khi một người được đặt tay cầu nguyện bởi các Giám Mục để nhận bí tích này thì chính Đức Thánh Linh sẽ ban ân sủng đặc biệt để người này có thẩm quyền trở thành người trung gian giữa Đức Chúa Trời và Tín Đồ. Do đó những người nhận ân sủng từ bí tích Truyền Chức Thánh có thẩm quyền để thực hiện các nghi lễ tùy thuộc vào chức vụ của người đó. Trong Giáo Hội Công Giáo La-mã có ba chức vụ: Phó Tế (Chấp Sự, Deacon), Linh Mục, và Giám Mục.

- Phó Tế: được phục vụ Hội Thánh, công bố Phúc Âm, làm phép Rửa Tội, và thực hiện bí tích Hôn Phối.
- Linh mục: có quyền cử hành bí tích Thánh Thể, bí tích Tha Tội, bí tích Xức Dầu Thánh, và chữa dứt bầy chiên của Chúa.
- Giám mục: có quyền cao nhất tại Giáo Xứ và là người lãnh đạo giáo phận. Giám Mục là người phong chức cho Linh Mục và Chấp Sự.

Khi một người được nhận bí tích Truyền Chức Thánh thì ân sủng được ban, thẩm quyền làm trung gian giữa Đức Chúa Trời và Tín Đồ, sẽ không bao giờ mất. Hay nói cách khác, ngay cả người này bị đình chỉ để thực hiện các chức vụ của mình, do các lỗi lầm các nhân, thì ân sủng nhận được từ bí tích Truyền Chức Thánh cũng không bị mất đi.

Nền tảng Kinh Thánh thường được Giáo Hội viện dẫn trước hết là việc Chúa chọn và sai phái các sứ đồ. Trong Giăng 20:21b, Chúa phán: “*Bình an cho các con! Như Cha đã sai Ta thế nào, Ta cũng sai các con thế ấy.*” Ngài cũng phán và trao quyền tha tội cho các sứ đồ: “*23 Nếu các con tha tội cho ai thì tội của người ấy sẽ được tha; nếu các con cầm tội ai lại thì tội của người ấy sẽ bị cầm lại.*” (Giăng 20: 23). Công giáo hiểu đây là sự trao quyền thiêng liêng đặc biệt, đặt nền cho bí tích Truyền Chức Thánh.

Thứ hai là nghi lễ đặt tay cầu nguyện. Trong Công vụ 6:6, các sứ đồ đặt tay trên bảy người được chọn để trở thành các Chấp Sự đầu tiên. Trong 1-Ti-mô-thê 4:14 Phao-lô nói về ân tứ được ban cho Ti-mô-thê qua việc đặt tay cầu nguyện của các trưởng lão: “*Đừng xao lãng ân tứ trong con, là ân tứ đã ban cho con qua lời tiên tri khi hội đồng trưởng lão đặt tay trên con.*”. Công giáo xem

đây là dấu hiệu cho thấy chức vụ được truyền qua nghi thức đặt tay cầu nguyện của các trưởng lão có thẩm quyền tức hữu hiệu và hữu hình (bí tích).

Đối Với Người Tin Lành:

Trước hết, Tin Lành khẳng định rằng Kinh Thánh có nói đến việc đặt tay và thiết lập chức vụ trong các Hội Thánh đầu tiên do chính các Sứ Đồ thiết lập. Trong Công vụ 6:6, các sứ đồ đặt tay trên bảy người được chọn để phục vụ. Trong Công vụ 13:3, Hội Thánh tại An-ti-ốt kiêng ăn, cầu nguyện và đặt tay sai phái Ba-na-ba và Sau-lơ. Trong 1 Ti-mô-thê 4:14, Phao-lô nhắc đến ân tứ được ban qua sự đặt tay của hàng trưởng lão. Điều này cho thấy việc phong chức hay đặt tay là một thực hành do chính các sứ đồ và các Hội Thánh đầu tiên thực hiện. Do đó Hội Thánh ngày nay vẫn phải tiếp tục thực hiện việc đặt tay cầu nguyện cho những người được Chúa kêu gọi để vào trong các chức vụ.

Tuy nhiên, theo thần học Tin Lành, Nghi Lễ Thụ Phong được hiểu là sự công nhận công khai của Hội Thánh về sự kêu gọi và chức vụ mà Đức Chúa Trời đã đặt để trên một người. Người Tin Lành KHÔNG xem Nghi Lễ Thụ Phong (Truyền Chức Thánh theo Công Giáo) là một bí tích hữu hình và hữu hiệu để người nhận được ban ơn thiêng liêng không thể xóa bỏ. Kinh Thánh không gọi nghi thức này là “bí tích”, cũng không dạy rằng qua Nghi Lễ Thụ Phong, con người được biến đổi bản thể hay trở thành trung gian giữa Đức Chúa Trời và tín hữu.

Người Tin Lành tin rằng, tất cả các tín đồ, đã có Chúa Thánh Linh làm ấn chứng cho sự cứu rỗi của mình, thì đều là thầy tế lễ của Chúa. 1-Phi-rơ 2:9 dạy rằng: “*Anh em là dòng dõi được lựa chọn, là chức tế lễ nhà vua.*” Mỗi người tin đều có thể trực tiếp đến với Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Giê-su Christ. Qua sự chết và sự đổ huyết của Chúa Giê-su trên thập tự giá, Cơ Đốc Nhân ngày nay không cần một thầy tế lễ (linh mục) trung gian ra từ loài người để đến với Đức Chúa Trời.

Hơn nữa, thư Hê-bơ-rơ dạy rằng chỉ có một Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đời đời là Đức Chúa Giê-su Christ. Ngài đã dâng chính mình “một lần đủ cả” và hiện đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Công việc cứu chuộc đã hoàn tất. Vì vậy, mục sư hay trưởng lão trong Hội Thánh không phải là thầy tế lễ, cũng không phải là người trung gian, nhưng chỉ đơn giản là người chăn dắt, giảng dạy, và gây dựng thân thể Đấng Christ. 1-Ti-mô-thê 2:5 dạy: “*Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng Trung Gian giữa Đức Chúa Trời và loài người, là Đấng Christ Jêsus, cũng là người.*”

Ê-phê-sô 4:11–12 cho biết Chúa ban cho Hội Thánh những người làm mục sư và giáo sư “để trang bị các thánh đồ cho công việc phục vụ, gây dựng thân thể Đấng Christ.” Chức vụ là để phục vụ, không phải để thiết lập quyền lực thuộc linh độc quyền. Người được thụ phong khác với tín hữu khác về chức năng, chứ không phải về bản thể hay địa vị cứu rỗi.

Tóm lại, dưới lăng kính Tin Lành, Nghi Lễ Thụ Phong là hành động của Hội Thánh cầu nguyện, đặt tay, và xác nhận sự kêu gọi của Đức Chúa Trời trên đời sống một người để họ thi hành chức vụ cách trật tự và có trách nhiệm.

Hôn Phối (Holy Matrimony)

Giáo Hội Công Giáo La-mã dạy rằng, qua bí tích Hôn Phối, vợ chồng sẽ nhận được ân sủng đặc biệt (hữu hiệu và hữu hình) để họ có thể:

- Trung tín trọn đời

- Tha thứ và hy sinh cho nhau
- Cùng nhau nuôi dạy con cái trong đức tin
- Nên thánh ngay trong đời sống gia đình

Điều kiện để hai người có thể nhận được bí tích Hôn Phối đó là: cả hai phải qua phép Rửa Tội, không phạm các giáo luật của Giáo Hội (không bị ràng buộc bởi hôn nhân trước, không gần huyết thống), phải hứa nguyện sống trọn đời và sinh con cái.

Giáo Hội Công Giáo La-mã dùng các điểm thần học sau đây để lập luận cho bí tích Hôn Phối:

Trước hết, Kinh Thánh cho thấy hôn nhân bắt nguồn từ chính Đức Chúa Trời. Trong Sáng Thế Ký 2:18, 24 chép rằng: *“¹⁸Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ tạo nên một người giúp đỡ thích hợp với nó.”... Bởi vậy, người nam sẽ là cha mẹ mà gần bó với vợ mình, và cả hai trở nên một thịt.”*. Như vậy, hôn nhân không phải chỉ là một thỏa thuận xã hội, nhưng là một sự kết hợp thiêng liêng do Đức Chúa Trời thiết lập. Chính nền tảng này khiến Giáo Hội Công Giáo La-mã tin rằng hôn nhân mang chiều kích thánh, chứ không chỉ là đời sống tự nhiên của con người.

Trong Tân Ước, chính Chúa Giê-su xác nhận lại tính thiêng liêng và bất khả phân ly của hôn nhân do chính Đức Chúa Trời thiết lập. Trong Ma-thi-ơ 19:6, Ngài phán: *“Điều gì Đức Chúa Trời đã phối hợp, loài người không được phân rẽ.”* Câu nói này trở thành nền tảng quan trọng cho quan điểm của Giáo Hội rằng hôn nhân giữa chồng và vợ mang tính trọn đời và không được phép phân rẽ, vì chính Đức Chúa Trời là Đấng kết hợp hai người.

Không những vậy, Tân Ước còn nâng hôn nhân lên một ý nghĩa sâu xa hơn. Trong Ê-phê-sô 5:31–32, sứ đồ Phao-lô nói rằng sự hiệp một của vợ chồng là “mầu nhiệm lớn” chỉ về Đấng Christ và Hội Thánh. Từ đó, Công giáo hiểu rằng hôn nhân Cơ Đốc không chỉ là đời sống chung của hai người, nhưng là dấu chỉ hữu hình và hữu hiệu của tình yêu cứu chuộc: tình yêu hy sinh, trung tín, và đời đời của Đấng Christ đối với Hội Thánh Ngài. Vì thế, hôn nhân được cử hành bởi Linh Mục cho vợ chồng là hai Cơ Đốc Nhân thì được xem là bí tích, nghĩa là dấu hiệu hữu hình và hữu hiệu được thông truyền qua ân sủng vô hình.

Một điểm đặc biệt trong thần học Công giáo là: chính cô dâu và chú rể là người ban bí tích cho nhau qua lời hứa nguyện. Linh Mục hay Phó Tế chỉ làm chứng thay cho Hội Thánh và chúc phước. Điều này nhấn mạnh rằng hôn nhân là giao ước tình yêu tự nguyện, phản chiếu giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân Ngài.

Đối Với Người Tin Lành:

Thần học hệ thống của người Tin Lành hầu hết đồng ý với thần học mà Giáo Hội Công Giáo dùng cho bí tích Hôn Phối. Người Tin Lành cũng xem hôn nhân là thiêng liêng và loài người không được phân rẽ. Người Tin Lành cũng tin rằng hôn nhân là nơi Đức Chúa Trời hành động, chúc phước để loài người tiếp tục sinh sản và nuôi dạy thế hệ tiếp theo kính sợ Ngài ((Sáng 1:28; Phục Truyền 6:6–7)).

Tuy nhiên, khác với Công giáo, người Tin Lành không xem hôn nhân là một bí tích. Kinh Thánh không có bất kỳ một chỗ nào dạy rằng nghi thức hứa nguyện trong hôn lễ ban cho cả chồng và vợ nhận được ân sủng đặc biệt để gìn giữ hôn nhân.

Người Tin Lành tin rằng mối quan hệ giữa chồng và vợ là mối quan hệ gần nhất phản chiếu mối quan hệ giữa Chúa Giê-su và Hội Thánh; Chúa Giê-su và con dân Ngài. Trong mối quan hệ này, người chồng đại diện cho Chúa Giê-su và người vợ đại diện cho Hội Thánh. Ê-phê-sô 5:21-32 dạy “*hãy thuận phục nhau*”. Đây chính là lời kêu gọi mà Đức Chúa Trời kêu gọi chồng vợ quay trở lại mối quan hệ mà Ngài thiết lập từ buổi sáng thế. Để có thể làm được điều đó, người chồng phải “*hãy yêu vợ mình như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh*”. Người chồng phải là người lãnh đạo tâm linh, bảo vệ vợ, và làm cho vợ mình ngày càng thánh sạch nhằm “*trình diện trước mặt Ngài một Hội Thánh vinh hiển, không vết, không nhăn, không gì giống như vậy, nhưng thánh sạch và toàn hảo*”. Đối với người vợ, Kinh Thánh dạy “*vợ hãy thuận phục chồng như thuận phục Chúa*”.

Vì vậy, điều làm nên một hôn nhân phước hạnh không phải là nghi thức bề ngoài, nhưng là đời sống vâng phục Chúa mỗi ngày. Khi vợ chồng cùng đặt Đức Chúa Trời làm trung tâm, cầu nguyện chung, tha thứ cho nhau, và sống theo Lời Chúa, gia đình sẽ trở thành lời chứng mạnh mẽ của Tin Lành giữa thế gian.

Linh Mục, Giám Mục và Mục Sư

Theo Giáo Hội Công Giáo La-mã, Giám Mục và Linh Mục (presbyter) là người đã lãnh nhận Bí tích Truyền Chức Thánh (Holy Orders) ở cấp bậc thứ nhất và thứ hai (trên trên phó tế hay chấp sự), được thánh hiến để:

- Rao giảng Lời Chúa
- Cử hành các bí tích (đặc biệt là Thánh Thể)
- Chăn dắt dân Chúa dưới quyền giám mục

Giám Mục và Linh Mục được thánh hiến để hành động trong cương vị của Đức Ki-tô – là đầu của Hội Thánh. Giáo Hội dạy, Giám Mục và Linh Mục không thay thế Đấng Christ tức không phải là Đấng Trung Gian giữa Đức Chúa Trời và loài người (1-Ti-mô-thê 2:5). Tuy nhiên Giáo Hội dạy, Chúa hành động qua Giám Mục và Linh Mục để ban ân sủng cho loài người qua bảy Bí Tích, đặc biệt là Bí Tích Thánh Thể, Bí Tích Tha Tội, và Bí Tích Xức Dầu Thánh.

Theo Giáo Hội, Giám Mục và Linh Mục được biệt riêng để phục vụ bàn thờ và Hội Thánh. Chỉ có Linh Mục và Giám Mục mới được tham dự vào chức tư tế (thầy tế lễ) của Đấng Christ. Hay nói cách khác, Giáo Hội cho rằng vai trò của Giám Mục và Linh Mục tương đồng với các thầy tế lễ thượng phẩm trong thời Cựu Ước. Chỉ có họ mới đại diện cho dân sự trước Đức Chúa Trời; chỉ có họ mới dâng của lễ chuộc tội (Bí Tích Thánh Thể) lên cho Đức Chúa Trời, Chỉ có họ mới có thẩm quyền cầu thay cho dân sự và chỉ có họ mới dạy luật pháp của Đức Chúa Trời.

Giáo Hội quy định Giám Mục và Linh Mục không được phép có vợ và gia đình nhằm dành trọn cả cuộc đời để hầu việc Chúa.

Đối Với Người Tin Lành:

Theo thần học Tin Lành, Mục Sư và tất cả các Cơ Đốc Nhân đều là thầy tế lễ hoàng gia và đều có thể đến trực tiếp với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su chứ không cần bất kỳ một người nào khác.

Chính Phê-rô dạy: “*Nhưng anh em là dòng giống được tuyển chọn, là chức tế lễ hoàng gia, là dân tộc thánh, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời*” (1-Pê-rô 2:9). Khi một người đã được dòng huyết vô tội của Chúa Giê-su thanh tẩy thì Chúa Thánh Linh ngự trong người đó và người này trở thành con nuôi của Chúa. Kinh Thánh dạy:

“Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến, do một người nữ sinh ra, sinh ra dưới luật pháp, 5để chuộc những người ở dưới luật pháp, và nhờ đó chúng ta được nhận làm con nuôi của Ngài. 6Vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài ngự vào lòng chúng ta kêu lên: “A-ba! Cha!” 7Như vậy nhờ ơn Đức Chúa Trời, anh em không còn là nô lệ nữa mà là con; và nếu là con, thì anh em cũng là người thừa kế.” (Ga-la-ti 4:4-7)

“7Vì trong Đấng Christ, chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội theo sự phong phú của ân điển Ngài” (Ê-phê-sô 1:7)

“16Chính Thánh Linh làm chứng với tâm linh chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời. 17Nếu là con cái thì chúng ta cũng là người thừa kế, vừa là người thừa kế của Đức Chúa Trời vừa là người cùng thừa kế với Đấng Christ; nếu chúng ta thật sự cùng chịu khổ với Ngài thì chúng ta sẽ cùng được vinh quang với Ngài.” (Rô-ma 8:16-17)

Hơn nữa, Kinh Thánh cho biết chính Chúa Giê-su là thầy tế lễ thượng phẩm vĩ đại, Ngài bước vào nơi chí thánh để dâng chính dòng huyết thánh của chính mình một lần đủ cả để đem đến sự cứu chuộc đời đời cho những ai tin nhận Ngài. (Hê-bơ-rơ 4:14, 9:11-12). Đây chính là lý do Phê-rô dạy rằng chúng ta là thầy tế lễ hoàng gia vì chúng ta thừa hưởng Cơ Nghiệp của Đấng Christ. Ngài là thầy tế lễ thượng phẩm vĩ đại thì chúng ta cũng là thầy tế lễ; Ngài là Vua của muôn vua nên chúng ta cũng thuộc dòng tộc hoàng gia.

Do đó, Mục Sư và tất cả những ai đã được cứu chuộc bởi dòng huyết thánh của Chúa Giê-su đều là thầy tế lễ và đều có thể đến trực tiếp với Đức Chúa Trời. Chức vụ tế lễ theo dòng Lê-vi, nhánh A-rôn trong thời Cựu Ước đã được thay thế toàn hảo bởi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Vĩ Đại – là Chúa Giê-su. Vì lý do này mà Hội Thánh Tin Lành không có thầy tế lễ.

Theo thần học của người Tin Lành, nhiệm vụ chính yếu của Mục Sư là đề rao giảng Lời Chúa và cầu nguyện, chăn bầy, và bảo vệ Chân Lý là Lời Chúa. Hay nói cách khác, nhiệm vụ của Mục sư là nhằm gây dựng Thân Thể Đấng Christ tức Hội Thánh. Kinh Thánh chép:

“Hãy truyền giảng lời Chúa, hãy kiên trì dù trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, hãy thuyết phục, khiển trách, khích lệ với tất cả lòng nhẫn nhục và tinh thần dạy dỗ.” (2-Ti-mô-thê 4:2)

“4Còn chúng tôi sẽ cứ chuyên tâm về sự cầu nguyện và phục vụ lời Chúa.” (Công Vụ 6:4)

“11Chính Ngài đã ban cho một số người làm sứ đồ, một số người làm nhà tiên tri, một số người khác làm nhà truyền giảng Tin Lành, một số người khác nữa làm mục sư và giáo sư, 12để các thánh đồ được trang bị cho công tác phục vụ và xây dựng thân thể Đấng Christ” (Ê-phê-sô 4:11-12)

“giữ vững lời đáng tin cậy đã được dạy dỗ, để có thể dùng giáo lý chân chính mà khuyên nhủ cũng như phản bác những kẻ chống đối.” (Tích 1:9)

Theo thần học của người Tin Lành thì Mục Sư có quyền lập gia đình: có vợ và có con cái. Trong Cựu Ước, các thầy tế lễ dòng A-rôn hầu hết có vợ và con cái. Kinh Thánh cho biết, sau khi A-rôn qua đời, Ê-lê-a-sa là con trai của A-rôn, đã thay thế ông để làm chức thầy tế lễ thượng phẩm. Tiên tri Hê-li, người sức dầu và nuôi dưỡng Sa-mu-ên có hai con. Sa-mu-ên cũng có hai con trai. Phê-rô là một trong 12 Sứ Đồ của Chúa Giê-su cũng có vợ (Ma-thi-ơ 8:14, 1-Cô-rinh-tô 9:5). Kinh

Thánh cũng quy định Giám Mục (Mục Sư) phải là chồng của một vợ (1-Ti-mô-thê 3:2) – có nghĩa rằng Kinh Thánh không cấm Mục Sư có vợ và lập gia đình.

Tóm lại, sự phân biệt giữa mục sư và linh mục phản ánh những cách hiểu khác nhau về thẩm quyền Giáo Hội Công Giáo La-mã, bản chất của sự lãnh đạo Cơ Đốc, và vai trò của Lời Đức Chúa Trời trong Hội Thánh.

Kết Luận

Mục đích của tài liệu này không phải là tạo thêm sự tranh luận hay chia rẽ giữa người Tin Lành và người Công Giáo, nhưng giúp người đọc hiểu rõ hơn những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai truyền thống dựa trên nền tảng Kinh Thánh. Trong lịch sử, cả Tin Lành và Công Giáo đều tuyên xưng nhiều chân lý căn bản của Cơ Đốc giáo như Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, Đức Chúa Giê-su Christ là Con Đức Chúa Trời, sự chết và sự phục sinh của Ngài, cùng thực tại của sự sống đời đời. Tuy nhiên, giữa hai truyền thống vẫn tồn tại những khác biệt quan trọng về thẩm quyền, sự cứu rỗi, đức tin và việc làm, vai trò của Hội Thánh, các bí tích, chức vụ giáo hoàng, vai trò của Ma-ri, các thánh, luyện ngục và một số giáo lý khác.

Đối với người Tin Lành, câu hỏi quan trọng nhất không đơn thuần là: “Giáo hội nào đúng?” nhưng là: “Kinh Thánh dạy điều gì?” Đức tin và giáo lý cần được xem xét dưới ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời. Truyền thống, lịch sử Hội Thánh và sự dạy dỗ của những người đi trước đều có giá trị, nhưng không thể đứng trên thẩm quyền của Kinh Thánh. Như lời Kinh Thánh khẳng định: “Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho việc dạy dỗ, khiển trách, sửa trị, huấn luyện trong sự công chính” (2 Ti-mô-thê 3:16).

Trọng tâm của Phúc Âm không phải là một hệ thống tôn giáo, một giáo phái hay những nghi lễ con người phải thực hiện để tìm đường đến với Đức Chúa Trời. Trọng tâm của Phúc Âm là chính Đức Chúa Giê-su Christ. Con người là tội nhân và không thể tự cứu mình bằng công đức, việc lành hay nghi lễ tôn giáo. Sự cứu rỗi bắt nguồn từ ân điển của Đức Chúa Trời và được ban cho con người qua Đức Chúa Giê-su Christ. “Vì nhờ ân điển, bởi đức tin mà anh em được cứu, điều này không đến từ anh em mà là tặng phẩm của Đức Chúa Trời; cũng không do việc làm của anh em để không ai có thể tự hào” (Ê-phê-sô 2:8–9).

Tuy nhiên, đức tin cứu rỗi không phải là một sự đồng ý bằng lý trí mà không đem lại sự thay đổi. Người thật sự tin nhận Đấng Christ được kêu gọi sống một đời sống mới, yêu kính Đức Chúa Trời, yêu thương người khác, vâng phục Lời Chúa và làm những việc lành. Việc lành không phải là nền tảng để con người được cứu, nhưng là kết quả của một đời sống đã nhận được ân điển cứu rỗi. Vì vậy, ngay sau khi nói rằng chúng ta được cứu bởi ân điển qua đức tin, Kinh Thánh tiếp tục khẳng định rằng chúng ta “được tạo dựng trong Đấng Christ Giê-su để làm những việc lành” (Ê-phê-sô 2:10).

Khi nghiên cứu những khác biệt giữa Tin Lành và Công Giáo, người đọc cũng cần tránh hai thái cực. Một mặt, chúng ta không nên xem những khác biệt thần học quan trọng như những vấn đề không đáng quan tâm. Chân lý có ý nghĩa và giáo lý ảnh hưởng trực tiếp đến cách chúng ta hiểu Đức Chúa Trời, sự cứu rỗi và đời sống đức tin. Mặt khác, chúng ta cũng không nên biến những khác biệt đó thành lý do để khinh thường, công kích hay lên án con người. Người Cơ Đốc được kêu gọi “nói sự thật trong tình yêu thương” (Ê-phê-sô 4:15). Chúng ta có thể không đồng ý với một giáo lý nhưng vẫn tôn trọng và yêu thương người đang tin theo giáo lý đó.

Đặc biệt, khi chia sẻ Phúc Âm với người Công Giáo, mục tiêu không nên chỉ là thuyết phục họ “đổi đạo” hay chuyển từ một tổ chức tôn giáo sang một tổ chức khác. Điều quan trọng hơn là giúp mỗi người tự đối diện với những câu hỏi căn bản: Tôi có thật sự biết Đức Chúa Giê-su Christ không? Tôi đang đặt niềm tin cứu rỗi của mình nơi ai? Tôi dựa vào công đức của chính mình, nghi lễ tôn giáo, Hội Thánh hay hoàn toàn đặt lòng tin nơi ân điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Đấng Christ? Tôi có thật sự ăn năn tội và bước đi với Chúa mỗi ngày không?

Cuối cùng, tài liệu này mong muốn hướng người đọc trở lại với Kinh Thánh và với chính Đức Chúa Giê-su Christ. Hãy đọc Lời Chúa, suy xét cẩn thận những điều mình đã được dạy, cầu nguyện xin Đức Thánh Linh soi sáng và tìm kiếm chân lý với một tấm lòng khiêm nhường. Giống như những người Bê-rê được khen vì họ “tiếp nhận đạo một cách nhiệt thành và hằng ngày tra xem Kinh Thánh để xét xem lời giảng có thật chẳng” (Công Vụ 17:11), mỗi chúng ta cũng cần đặt niềm tin của mình trên chân lý của Lời Đức Chúa Trời.

Sau tất cả những điểm tương đồng và khác biệt được trình bày trong sách này, câu hỏi cuối cùng không phải chỉ là: “Tôi là người Tin Lành hay người Công Giáo?” Câu hỏi quan trọng hơn là:

“Tôi có thật sự thuộc về Đức Chúa Giê-su Christ không?”

Bởi vì cuối cùng, sự cứu rỗi không nằm trong danh xưng tôn giáo, nhưng trong Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng đã phán:

“Ta là đường đi, chân lý và sự sống. Chẳng bởi Ta thì không ai được đến với Cha.” (Giăng 14:6)

Một Số Câu Hỏi Thường Gặp

1. Tại Sao Tin Lành Có Quá Nhiều Hệ Phái?

Để lập luận chống lại Tin Lành và nguyên tắc *Sola Scriptura* (Chỉ Kinh Thánh), người Công giáo Rô-ma thường mỉa mai hỏi rằng: nếu chúng ta chỉ dựa vào điều Kinh Thánh dạy mà không dựa vào truyền thống hội thánh, thì trong hơn 30.000 hệ phái Tin Lành, hệ phái nào có cách giải thích đúng? Lập luận này về cơ bản cho rằng, vì phong trào Cải Chánh đã dẫn đến hàng ngàn hệ phái/sự chia rẽ trong Cơ Đốc giáo — điều rõ ràng không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời — nên *Sola Scriptura* hẳn là sai, và Đức Chúa Trời hẳn đã thiết lập một cơ quan giải thích Kinh Thánh không sai lầm; tức là Giáo hội Công giáo Rô-ma, hội thánh đầu tiên, hội thánh chân thật duy nhất của Đức Chúa Trời.

Lập luận “30.000 hệ phái Tin Lành” thất bại ở nhiều điểm. Thứ nhất, không hề có 30.000 hệ phái Tin Lành. Ngay cả với định nghĩa rộng rãi nhất về “hệ phái”, con số cũng không gần đến 30.000. Cách duy nhất để đạt gần con số này là tính mỗi sự tách nhỏ thành một hệ phái hoàn toàn khác biệt. Hơn nữa, phần lớn Cơ Đốc nhân Tin Lành chỉ thuộc về một số ít các hệ phái phổ biến như: Báp-tít, Lutheran, Methodist, Presbyterian, Ngũ Tuần, v.v. Đúng là thật đáng buồn khi có nhiều hệ phái, nhưng lập luận về “30.000 hệ phái” là một sự phóng đại quá mức so với thực tế.

Thứ hai, ngay cả nếu thực sự có 30.000 hệ phái Tin Lành, thì tất cả các hệ phái Tin Lành đều đồng ý ở một điểm: Giáo hội Công giáo Rô-ma không phải là hội thánh chân thật duy nhất của Đức Chúa Trời. Các hệ phái Tin Lành đồng thuận trong việc bác bỏ chế độ giáo hoàng, quyền tối thượng của Rô-ma, việc cầu nguyện với các thánh/Đức Ma-ri, sự tôn kính thánh/Đức Ma-ri, thuyết biến thể (transubstantiation), luyện ngục, và nhiều giáo điều khác của Công giáo. *Sola Scriptura* đã dẫn tất cả các hệ phái Tin Lành đến cùng một kết luận — rằng Kinh Thánh không dạy nhiều điều mà

người Công giáo thực hành hoặc tin. Hơn nữa, ngoài những bất đồng với Công giáo, các hệ phái Tin Lành đồng ý với nhau nhiều vấn đề hơn là bất đồng. Phần lớn các hệ phái Tin Lành được hình thành vì những giáo lý không thiết yếu — những vấn đề phụ mà Cơ Đốc nhân có thể “đồng ý là không đồng ý.” Ví dụ, phong trào Ngũ Tuần tách ra chủ yếu vì vấn đề nói tiếng lạ. Dù nói tiếng lạ có thể là một vấn đề quan trọng trong đời sống Cơ Đốc, nhưng nó không quyết định tính chân thật của đức tin nơi Đấng Christ.

Thứ ba, không có một cơ quan giải thích Kinh Thánh không sai lầm, và cũng không cần phải có. Không có hệ phái hay hội thánh nào hoàn toàn không sai lầm. Ngay cả sau khi tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa, chúng ta vẫn còn mang bản tính tội lỗi. Tất cả chúng ta đều có thể sai lầm. Không một hệ phái hay hội thánh nào có giáo lý hoàn hảo tuyệt đối trên mọi vấn đề. Điểm then chốt là: mọi lẽ thật thiết yếu của đức tin đều được bày tỏ cách rõ ràng và đầy đủ trong Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta không cần một cơ quan giải thích không sai lầm hay 2.000 năm truyền thống hội thánh để xác định rằng chỉ có một Đức Chúa Trời tồn tại trong Ba Ngôi, rằng Chúa Giê-xu đã chết vì tội lỗi chúng ta và đã sống lại từ cõi chết, rằng Ngài là con đường cứu rỗi duy nhất, rằng sự cứu rỗi được nhận lãnh bởi ân điển qua đức tin, rằng có thiên đàng đời đời dành cho những ai tin cậy Đấng Christ và hỏa ngục đời đời cho những ai khước từ Ngài.

Những chân lý cốt lõi mà một người cần biết và hiểu đều được bày tỏ rõ ràng và phong phú trong Kinh Thánh. Ngay cả trong các vấn đề không thiết yếu, nếu *Sola Scriptura* được áp dụng cách nhất quán, thì sẽ có sự đồng thuận. Vấn đề là chúng ta rất khó áp dụng nguyên tắc này một cách hoàn toàn và trọn vẹn, vì những thành kiến, sai sót, sở thích và truyền thống cá nhân thường cản trở. Việc tồn tại nhiều hệ phái khác nhau không phải là bằng chứng chống lại *Sola Scriptura*, mà đúng hơn là bằng chứng cho thấy chúng ta thường không thực sự để Lời Đức Chúa Trời hoàn toàn định hình niềm tin, thực hành và truyền thống của mình.

2. Tin Lành và Công giáo khác nhau thế nào về thẩm quyền tối hậu?

Tin Lành: Kinh Thánh

Công Giáo: Kinh Thánh, Giáo Hội, và Truyền Thống

3. Tại sao Kinh Thánh Công giáo có nhiều sách hơn? Các sách Ngụy Kinh là gì?

Có thêm 7 sách và có phần bổ sung trong Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên. Lí do chính là do trong thời kỳ 400 năm yên lặng, những người dịch Kinh Thánh từ tiếng Hê-bơ-rơ sang bản LXX hay bản 70 đã viết thêm các sách này.

Sách Ngụy Kinh là 7 sách không thuộc Kinh Thánh Cựu Ước nguyên thủy của người Do Thái do chính Đức Chúa Trời soi dẫn và được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Các sách ngụy kinh gồm: Tô-bi-a (Tobit), Giu-đít (Judith), Khôn Ngoan (Wisdom of Solomon), Huân Ca (Sirach/Ecclesiasticus), Baruch (Baruch), 1 Ma-ca-bê, và 2 Ma-ca-bê.

4. Hai bên có khác nhau về việc cầu nguyện cho người chết không?

Tin Lành: không cầu nguyện cho người chết.

Công Giáo: cầu nguyện cho người chết để hy vọng người chết sớm rời khỏi nơi luyện tội (Purgatory) để về thiên đàng.

5. *Vai trò của Truyền thống (Tradition) trong Công giáo là gì?*

Có thẩm quyền ngang hàng với Kinh Thánh.

6. *Công giáo có tin Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời không?*

Có, Công Giáo tin Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời nhưng cũng tin thẩm quyền của Giáo Hội và Truyền Thống.

7. *Đức Giáo hoàng có phải là vô ngộ (infallible) không?*

Không. Giáo Hoàng cũng mắc sai lầm như tất cả loài người. Tuy nhiên khi Đức Giáo Hoàng tuyên bố Ex-cathedra thì tuyên bố này là vô ngộ.

8. *Tin Lành và Công giáo khác nhau thế nào về sự cứu rỗi?*

Tin Lành: chỉ nhờ Ân Điển và bởi đức tin.

Công Giáo: bởi đức tin, nhờ ân điển thông qua bí tích và việc làm.

9. *Công giáo có dạy cứu bởi việc làm không?*

Không. Công Giáo dạy sự cứu rỗi là nhờ ân điển và bởi đức tin vào Chúa Giê-su. Tuy nhiên, để nhận được ân sủng thì phải qua việc làm và việc nhận bí tích.

10. *Một người có thể mất sự cứu rỗi không?*

Công Giáo: Có nếu phạm trọng tội và không xưng nhận tội với Linh Mục và chưa được Hội Thánh tuyên bố tha tội. Nếu phạm tội nhẹ thì phải xưng tội với Linh Mục; nếu không thì chỉ được về chỗ luyện tội (không phải địa ngục).

Tin Lành: không.

11. *Luyện ngục (Purgatory) là gì? Tin Lành có tin không?*

Công Giáo: Là nơi tạm cho những người đã Tin và Chúa Giê-su, đã nhận phép rửa tội. Tuy nhiên do chưa xưng hết tội nên linh hồn về nơi này nhằm tiếp tục “trả nợ” để được về thiên đàng.

Tin Lành: không có nơi luyện tội.

12. *Hai bên có khác nhau về tín điều Ba Ngôi không?*

Không. Hoàn toàn giống nhau.

13. *Hai bên có khác nhau về thần tính của Chúa Giê-xu không?*

Không. Hoàn toàn giống nhau.

14. *Công giáo có phải là hội thánh đầu tiên không?*

Không. Công Giáo hình thành từ năm 315. Hội Thánh Chúa đã hình thành gần 300 năm trước đó.

15. *Sứ đồ Phi-e-rơ có phải là giáo hoàng đầu tiên không?*

Không. Theo truyền thống, Phê-rô là Giám Mục đầu tiên tại Hội Thánh thành Rô-ma.

16. Cơ cấu tổ chức Hội Thánh khác nhau ra sao?

Đức Giáo Hoàng → Hồng Y → Tổng Giám Mục → Giám Mục → Linh Mục → Phó Tế → Giáo dân

Tin Lành Báp-tít: Liên Hội nhưng không có thẩm quyền trên Hội Thánh địa phương. Hội Thánh: Mục sư → trưởng lão hoặc chấp sự → ban chấp hành → tín đồ.

Tin Lành CMA: Tổng Hội (có quyền trên Hội Thánh và Mục sư) → Hội Thánh: Mục sư → chấp sự → ban chấp hành → tín đồ.

17. Khác nhau giữa giám mục, linh mục và mục sư theo Công Giáo và Tin Lành?

Giám mục và Linh mục ngoài việc giảng dạy lời Chúa, chăm sóc giáo dân, họ còn là người đại diện cho Đức Chúa Trời để dâng sinh tế và thực hiện các bí tích để con người có thể đến với Đức Chúa Trời. Vai trò của họ tương tự như các thầy tế lễ trong thời Cựu Ước tức là người ở giữa Đức Chúa Trời và tuyển dân. Giám mục và Linh mục không được phép lấy vợ và lập gia đình.

Mục sư chỉ đơn thuần giảng dạy lời Chúa, chăm sóc bầy chiên, cầu nguyện và bảo vệ chân lý. Mục sư được phép lấy vợ và lập gia đình.

18. Công giáo có bao nhiêu bí tích? Tin Lành có bao nhiêu?

Công giáo có 7 Bí Tích: Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể, Giải Tội, Xức Dầu Thánh, Truyền Chức Thánh, và Hôn Phối.

Tin Lành không có Bí Tích. Tin Lành chỉ thực hiện hai Thánh Lễ do Kinh Thánh dạy: Thánh Lễ Báp-têm và Tiệc Thánh. Hai Thánh Lễ này chỉ là hình bóng chứ không thật sự ban ân sủng như quan điểm bên Công Giáo.

19. Thánh Thể (Eucharist) khác gì với Tiệc Thánh?

Công Giáo: Linh Mục hoặc Giám Mục đọc câu truyền phép thì bánh và rượu trở thành mình thật và huyết thật của Chúa Giê-su. Sau đó Linh Mục dâng thân thật và huyết thật của Chúa Giê-su, như một sinh tế, lên cho Đức Chúa Trời. Sau đó Linh Mục sẽ ban phát mình thật và huyết thật này cho giáo dân. Khi giáo dân nhận Thánh Thể thì sẽ nhận được chính Chúa Giê-su Christ, nhận được sự hiệp thông với Ngài, được nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, được tha các tội nhẹ, được hiệp nhất với Hội Thánh, và được bảo đảm về sự sống đời đời.

Tin Lành: Bánh và chén chỉ tượng trưng cho thân và huyết của Chúa Giê-su. Khi thực hiện Tiệc Thánh là nhằm nhớ lại sự hy sinh của Chúa Giê-su trên thập tự giá.

20. Thuyết biến thể (transubstantiation) là gì?

Qua lời truyền phép của Giám Mục thì bánh và chén trở thành mình thật và huyết thật của Chúa Giê-su.

21. Người Tin Lành có xưng tội với Mục Sư không?

Không.

22. Hôn nhân có phải là bí tích không?

Công Giáo: phải.

Tin Lành: không.

23. Xức dầu bệnh nhân có phải là bí tích không?

Công Giáo: phải.

Tin Lành: không.

24. Công giáo có thờ phượng Đức Ma-ri không?

Về lí thuyết thì không vì theo hướng dẫn của Giáo Hội thì giáo dân không dâng sinh tể cho Ma-ri. Giáo dân chỉ cầu nguyện với Ma-ri để bà đến với Chúa Giê-su và cầu thay cho giáo dân. Tuy nhiên, do Giáo Hội dạy rằng Ma-ri vô nhiễm với nguyên tội và không phải trải qua sự chết, thể xác của bà không bị hư nát nhưng được về thiên đàng khi bà chết. Hơn nữa, Giáo Hội cũng dạy rằng, Ma-ri hiện đang ngồi bên phải Chúa Giê-su nên có thẩm quyền để cầu thay cho loài người. Do đó giáo dân thường có xu hướng đến với Ma-ri thay vì đến với Chúa Giê-su. Đây chính là hình ảnh phạm thượng.

25. Tại sao Công giáo cầu nguyện với các thánh?

Theo lập luận của CG, các Thánh là những người đã ở trên thiên đàng (không phải ở nơi luyện tội) và đáng được tôn kính nên việc đến nhờ các Thánh Đền để cầu thay là hợp lý?

26. Tin Lành có tin Đức Ma-ri đồng trinh trọn đời không?

Không.

27. Tín điều Đức Maria vô nhiễm nguyên tội là gì?

Bà sinh ra đã không thừa hưởng nguyên tội từ A-đam và Ê-va.

28. Đức Maria có vai trò trung gian không?

Theo Công Giáo thì có.

29. Tin Lành có tin vào sự cầu thay của các thánh không?

Không.

30. Tại sao Công giáo có tượng ảnh? Tin Lành có vi phạm điều răn về hình tượng không?

Công Giáo: Theo Công Giáo thì các tượng ảnh này để tỏ lòng thành kính, ngưỡng mộ, và biết ơn chứ không phải để thờ.

Tin Lành: Có thể có như thờ quyền lực, công việc làm, gian dâm, ...